

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên : Doãn Thị Hương

Người hướng dẫn: PGS.TS Nguyễn Thị Hải

HẢI PHÒNG – 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

TÊN ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH**

Sinh viên : Doãn Thị Hương

Người hướng dẫn: PGS.TS Nguyễn Thị Hải

HẢI PHÒNG – 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Doãn Thị Hương

Mã số: 111270

Lớp: VH1102

Ngành: Văn hóa du lịch

Tên đề tài: **Nghiên cứu những điều kiện phát triển du lịch huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (*về lý luận, thực tiễn, các số liệu...*).

- Về lý luận : cần tổng quan cơ sở lý luận về các điều kiện phát triển du lịch của một địa phương, làm cơ sở cho việc nghiên cứu khóa luận.

- Về thực tiễn:

+ Cần khảo sát, nghiên cứu các điều kiện cần thiết cho việc phát triển khả năng cung ứng du lịch của huyện Giao Thủy;

+ Làm rõ thực trạng phát triển du lịch của địa phương; những mặt mạnh và những tồn tại cần khắc phục;

+ Đề xuất những định hướng và giải pháp cho việc phát triển du lịch của khu vực nghiên cứu.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết:.....

- Những tài liệu cần thu thập: các số liệu, báo cáo, hình ảnh về tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch của khu vực nghiên cứu.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Phòng Văn hóa và thông tin huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Nguyễn Thị Hải*

Học hàm, học vị: **PGS.TS**

Cơ quan công tác : Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nội dung hướng dẫn:

- Lựa chọn đề tài
- Làm đề cương
- Tổng quan cơ sở lý luận
- Khảo sát thực tế, thu thập tài liệu
- Xử lý số liệu
- Viết khóa luận

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 04 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Doãn Thị Hương

PGS.TS Nguyễn Thị Hải

Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2011

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Sinh viên đã làm việc thực sự nghiêm túc, theo đúng lịch trình của Trường đề ra và đã hoàn thành khóa luận đúng thời hạn.
- Sinh viên đã rất nỗ lực trong việc tiến hành khảo sát thực địa để thu thập được những tài liệu cần thiết cho việc thực hiện đề tài, mặc dù địa bàn nghiên cứu ở cách xa Trường.
- Có ý thức trách nhiệm, tự giác, chủ động, ham học hỏi trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Đề tài đã hoàn thành mục tiêu và nhiệm vụ đề ra với những đóng góp cơ bản sau:

- Tổng quan có chọn lọc cơ sở lý luận về các điều kiện phát triển du lịch của một địa phương.
- Trình bày một cách có hệ thống các điều kiện phát triển cung du lịch của huyện Giao Thủy.
- Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động du lịch ở huyện Giao Thủy.
- Đề xuất định hướng và các giải pháp phát triển du lịch của huyện.
- Số liệu cập nhật và đáng tin cậy.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn:

9,5/10 (chín điểm rưỡi)

Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

PSS.TS Nguyễn Thị Hải

LỜI CẢM ƠN!

Qua quá trình học tập và nghiên cứu, tích lũy kiến thức về chuyên ngành du lịch, em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Nghiên cứu những điều kiện phát triển du lịch huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định”.

Và để hoàn thành được bài khóa luận này em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, cùng toàn thể các thầy cô khoa Văn hóa du lịch đã tận tình truyền đạt kiến thức cho em trong suốt quá trình học tập tại trường, đó chính là hành trang giúp em vững bước và tự tin hơn trên con đường lập nghiệp sau này.

Trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp, ngoài sự nỗ lực của bản thân, em được sự chỉ bảo nhiệt tình của các thầy cô giáo. Đến nay, đề tài khóa luận tốt nghiệp của em đã hoàn thành, với sự kính trọng và lòng biết ơn sâu sắc, em xin chân thành cảm ơn PGS.TS Nguyễn Thị Hải đã tận tình giúp đỡ chỉ bảo và hướng dẫn cho em trong suốt quá trình làm đề tài khóa luận.

Cảm ơn các bác, các anh chị Phòng văn hóa và thông tin huyện Giao Thủy, Ban quản lý Vườn quốc gia huyện Xuân Thủy, khu du lịch biển Quất Lâm đã tạo điều kiện cung cấp cho em các thông tin, số liệu hữu ích để em hoàn thành bài khóa luận này.

Qua đây, em cũng muốn gửi lời cảm ơn tới gia đình, người thân và bạn bè – những người đã luôn sát cánh bên em, giúp đỡ em cả về vật chất và tinh thần, tạo điều kiện tốt nhất cho em hoàn thành bài khóa luận.

Mặc dù em đã cố gắng hết sức để hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp, tuy nhiên bài luận vẫn vẫn còn nhiều sai sót, em rất mong sẽ nhận được sự góp ý, chỉ bảo quý báu của các thầy cô giáo để đề tài khóa luận của em được hoàn chỉnh xuất sắc.

Cuối cùng em xin kính chúc tất cả các thầy cô giáo, cùng toàn thể các bác, các cô, các anh chị đang hoạt động trong lĩnh vực du lịch tại huyện Giao Thủy lời chúc sức khỏe và thành công.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 26 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Doãn Thị Hương

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	12
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH	16
1.1. Du lịch	16
<i>1.1.1. Khái niệm về du lịch</i>	16
<i>1.1.2. Vai trò của ngành du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội</i>	18
1.2. Các điều kiện ảnh hưởng đến phát triển du lịch	20
<i>1.2.1. Các điều kiện chung</i>	21
<i>1.2.1.1. Điều kiện an ninh chính trị và an toàn xã hội</i>	21
<i>1.2.1.2. Điều kiện kinh tế</i>	21
<i>1.2.1.3. Chính sách phát triển du lịch</i>	22
<i>1.2.2. Các điều kiện phát triển cầu du lịch</i>	23
<i>1.2.2.1. Thời gian rỗi</i>	23
<i>1.2.2.2. Khả năng tài chính của du khách tiềm năng</i>	23
<i>1.2.2.3. Dân cư và nhận thức của dân cư</i>	24
<i>1.2.2.4. Quá trình đô thị hóa và sức ép môi trường sống</i>	25
<i>1.2.3. Các điều kiện phát triển cung du lịch</i>	25
<i>1.2.3.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch thiên nhiên</i>	25
<i>1.2.3.2. Điều kiện kinh tế xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn</i>	28
<i>1.2.3.3. Một số tình hình và sự kiện đặc biệt</i>	33
<i>1.2.4. Một số các điều kiện khác ảnh hưởng đến phát triển du lịch</i>	35
<i>1.2.4.1. Tổ chức quản lý nhà nước về du lịch và nguồn lao động du lịch</i>	35
<i>1.2.4.2. Điều kiện về mở rộng quan hệ quốc tế hòa bình và hữu nghị</i>	35
<i>1.2.4.3. Các hoạt động xúc tiến quảng bá phát triển du lịch</i>	36
<i>1.2.4.4. Sản phẩm du lịch</i>	37
<i>1.2.4.5. Giá cả hàng hóa</i>	38
CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở HUYỆN GIAO THỦY TỈNH NAM ĐỊNH	40
2.1. Giới thiệu khái quát huyện Giao Thủy	40
2.2. Các điều kiện phát triển cung du lịch ở huyện Giao Thủy	41

2.2.1. Các điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên	41
2.2.1.1. Điều kiện tự nhiên	41
2.2.1.2. Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	42
2.2.2. Các điều kiện kinh tế xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn	50
2.2.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội:	50
2.2.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn	52
2.2.3. Chủ trương chính sách phát triển du lịch	56
2.3. So sánh các lợi thế và hạn chế chủ yếu trên con đường phát triển du lịch huyện Giao Thủy:	56
2.3.1. Các lợi thế:.....	56
2.3.2. Những hạn chế và khó khăn:	57
2.4. Thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn huyện Giao Thủy	57
2.4.1. Khái quát thực trạng phát triển du lịch của huyện Giao Thủy	57
2.4.2. Sản phẩm du lịch.....	58
2.4.2.1. Loại hình du lịch sinh thái:	58
2.4.2.2. Loại hình du lịch biển kết hợp với nghỉ dưỡng:.....	49
2.4.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch	59
2.4.4. Nguồn nhân lực của du lịch	63
2.4.5. Kết quả kinh doanh du lịch 2006-2010:	64
2.4.5.1. Khách du lịch	64
2.4.5.2. Doanh thu.....	65
2.5. Những tồn tại, hạn chế của du lịch Giao Thủy:	66
2.6. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:	67
CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAO THỦY	70
3.1. Xu hướng phát triển ngành du lịch ở Việt Nam và thế giới	70
3.1.1. Xu hướng phát triển du lịch của thế giới.....	70
3.1.2. Xu hướng ở Việt Nam	70
3.1.3. Cơ hội phát triển ngành du lịch Giao Thủy.....	71
3.1.4. Sự cần thiết phát triển du lịch Giao Thủy	71
3.2. Định hướng phát triển du lịch	72

3.2.1. Định hướng chung	72
3.2.2. Một số định hướng phát triển du lịch Giao Thủy giai đoạn 2011- 2015, tầm nhìn 2020:	73
3.2.2.1. Phát triển huyện Giao Thủy thành vùng kinh tế tổng hợp bao gồm:.....	73
3.2.2.2. Định hướng về thị trường – sản phẩm	74
3.2.2.3. Quy hoạch và xây dựng 2 cụm du lịch:.....	78
3.2.2.4. Định hướng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ:.....	79
3.2.3. Nhiệm vụ, kế hoạch phát triển du lịch Giao Thủy giai đoạn 2011-2015:	80
3.2.3.1. Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng bãi tắm Quất Lâm:.....	71
3.2.3.2. Mở rộng khu du lịch sang địa phận xã Giao Phong:.....	72
3.2.3.3. Xây dựng bến cập tàu du lịch tại cửa Hà Lạn và sông Trà khu vực Đảo	72
3.2.3.4. Lập quy hoạch Trung tâm du lịch sinh thái biển Quất Lâm, Giao Phong:	73
3.2.3.5. Chỉ tiêu kế hoạch phát triển du lịch Giao Thủy giai đoạn 2011-2015:.....	73
3.3. Một số giải pháp chủ yếu phát triển du lịch huyện Giao Thủy:	84
3.3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về du lịch: .	84
3.3.2. Giải pháp tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch:	85
3.3.3. Giải pháp về quy hoạch:	86
3.3.4. Giải pháp về tổ chức quản lý:	86
3.3.5. Giải pháp về vốn:	87
3.3.6. Các giải pháp về cơ chế chính sách:	87
3.3.7. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực:	88
3.3.8. Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương:	88
3.3.9. Giải pháp tăng cường liên kết kinh tế mở rộng không gian lưu thông:	89
3.3.10. Giải pháp khoa học công nghệ:	89
3.3.11. Giải pháp bảo vệ môi trường cảnh quan du lịch:	90
3.3.12. Giải pháp về kỹ thuật nghiệp vụ khác:	91
3.4. Kiến nghị, đề xuất:	91
3.4.1. Kiến nghị với Chính phủ, Tổng cục du lịch và các cơ quan TW:	91
3.4.2. Kiến nghị với UBND tỉnh Nam Định:	92
3.4.3. Kiến nghị với huyện Giao Thủy	93
3.4.4. Với các nhà đầu tư kinh doanh du lịch trên địa bàn huyện:	93

KẾT LUẬN	96
-----------------------	----

Danh mục bảng

Bảng 1: Số cơ sở kinh doanh lưu trú trên địa bàn huyện Giao Thủy từ năm 2006 đến năm 2010.

Bảng 2: Nguồn nhân lực của du lịch Giao Thủy (2006 – 2010).

Bảng 3: Số khách đến du lịch trên địa bàn huyện Giao Thủy năm 2006 – 2010.

Bảng 4: Doanh thu du lịch trên địa bàn.

Bảng 5: Số lượng khách đến Giao Thủy thời kỳ 2011 – 2015.

Bảng 6: Chỉ tiêu doanh thu du lịch 2011 – 2015.

Bảng 7: Chỉ tiêu nguồn nhân lực trong ngành du lịch 2011 – 2015.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong tiến trình thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, hơn hai mươi năm qua, huyện Giao Thủy đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Kinh tế liên tục tăng trưởng, trong đó hoạt động của ngành du lịch tăng khá mạnh, hàng năm số lượng khách du lịch đến Giao Thủy khoảng 27.000 lượt người, tập trung chính ở khu du lịch nghỉ mát – tắm biển Quát Lâm. Có thể khẳng định du lịch Giao Thủy đang đứng trước vận hội phát triển hết sức tốt đẹp, đặc biệt thiên nhiên đã ưu ái ban tặng cho huyện một tài sản vô giá là Vườn Quốc gia Xuân Thủy. Tháng 01/1989 khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Thủy được UNESCO công nhận tham gia công ước Ramsar, đây là điểm Ramsar được công nhận đầu tiên của Đông Nam Á.

Giao Thủy có cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn, với chiều dài bờ biển 32km, bãi biển đẹp còn giữ vẻ hoang sơ, nhiều làng quê có nghề truyền thống, trù phú mang đậm những nét đặc trưng của làng quê vùng đng bằng Bắc Bộ, không khí trong lành yên tĩnh, môi trường tự nhiên trong sạch.

Những năm gần đây kinh tế du lịch tại Giao Thủy phát triển khá nhanh, du khách trong nước và nước ngoài đến với Giao Thủy ngày càng nhiều, doanh thu du lịch tăng nhanh góp phần làm cho kinh tế - xã hội huyện có những bước khởi sắc, đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao. Tuy nhiên trong quá trình phát triển, Giao Thủy cũng chịu ảnh hưởng và tác động chi phối của nền kinh tế thị trường, của bối cảnh thế giới. Song song với quá trình phát triển các loại hình kinh tế du lịch là những thách thức mới nảy sinh: Sự ô nhiễm môi trường đất, nước, không

khí do rác thải, chất thải không được xử lý đúng quy trình, quy tắc, do hoạt động du lịch mới chỉ dừng ở việc khai thác các nguồn tài nguyên tự nhiên sẵn có làm cho tài nguyên rừng ngập mặn, tài nguyên biển bị suy giảm, các bãi triều lấn biển không theo trật tự, một số loài nhuyễn thể, hải sản, thảm thực vật và động vật quý hiếm có nguy cơ bị hủy hoại. Những thách thức đó ảnh hưởng trực tiếp đến yêu cầu phát triển du lịch bền vững của huyện. Hoạt động du lịch chưa mang tính chuyên nghiệp, quy hoạch tổng thể chưa được đầu tư đúng mức. Có thể thấy các hoạt động du lịch đang bộc lộ những yếu kém gây tác động xấu đến cảnh quan tự nhiên và môi trường xã hội.

Trước những vấn đề nêu trên, việc nghiên cứu những tiềm năng để phát triển du lịch tại huyện Giao Thủy là một vấn đề hết sức cần thiết, cũng là cơ sở quan trọng cho việc hoạch định và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững. Với tiềm năng sẵn có của huyện Giao Thủy, việc định hướng chiến lược phát triển và chủ đầu tư để phát triển du lịch không chỉ mang lại những hiệu quả thiết thực cho nền kinh tế của huyện mà còn phù hợp với xu thế phát triển của thời đại – xu thế tiến ra biển, khai thác tiềm năng, lợi thế của biển để phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Mục tiêu nghiên cứu đề tài là làm rõ tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch của huyện nói chung cũng như từng điểm du lịch trên địa bàn huyện. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phát triển du lịch của huyện.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

Tổng quan một số cơ sở lý luận về du lịch, các điều kiện phát triển du lịch của một địa phương. Đánh giá tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch tại huyện Giao Thủy, xác định những vấn đề đặt ra đối với phát triển du lịch trên địa bàn huyện và nguyên nhân.

Xác định định hướng và đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch ở huyện Giao Thủy.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu đề tài bao gồm tất cả các điều kiện liên quan đến sự

phát triển du lịch: Những điều kiện chung (điều kiện an ninh chính trị và an toàn xã hội; điều kiện kinh tế; chính sách phát triển du lịch) và các điều kiện tự thân làm nảy sinh nhu cầu du lịch (thời gian rỗi; khả năng tài chính của du khách tiềm năng; trình độ dân trí); khả năng cung ứng nhu cầu du lịch(điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch thiên nhiên; điều kiện kinh tế và tài nguyên du lịch nhân văn; tình hình và sự kiện đặc biệt; sự sẵn sàng đón tiếp) và sự hình thành điểm du lịch.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu của đề tài trong giai đoạn từ 2005-2010

Phạm vi lãnh thổ nghiên cứu trên toàn địa bàn huyện Giao Thủy

4. Giới hạn nội dung nghiên cứu

Bài khóa luận tập trung nghiên cứu và đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, các vấn đề về tài nguyên du lịch, môi trường trong hoạt động kinh doanh du lịch và các lĩnh vực hoạt động kinh doanh du lịch diễn ra trên địa bàn huyện Giao Thủy và từ đó đưa ra các khuyến nghị, giải pháp phát triển du lịch, không gian sử dụng hợp lý cho phát triển các loại hình du lịch.

5. Cơ sở dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu

- Các tài liệu về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội đã công bố (số liệu khí hậu thủy văn, số liệu về kinh tế, xã hội, hiện trạng sử dụng đất...).
- Bản đồ địa hình khu vực nghiên cứu.
- Các tài liệu nghiên cứu đã công bố có liên quan đến đề tài.
- Các tài liệu, số liệu về hiện trạng phát triển du lịch của huyện do Phòng Văn hóa và thông tin huyện Giao Thủy cung cấp.
- Tài liệu nghiên cứu khảo sát thực địa.

6. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành đề tài khóa luận, em đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- Phương pháp phân tích tổng hợp: Đây là một phương pháp truyền thống trong nghiên cứu khoa học. Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt trong quá trình giải quyết các nội dung nghiên cứu của đề tài.

- Phương pháp thu thập số liệu: Là thu thập thông tin có liên quan đến đề tài nghiên cứu rồi xử lý các thông tin đó nhằm chọn lọc các thông tin tốt nhất. Các tư

liệu có thể là các công trình nghiên cứu trước đó, các bài viết, các báo cáo kinh doanh, báo cáo tổng kết...

- Phương pháp thống kê: Đây là phương pháp không thể thiếu trong quá trình nghiên cứu về định lượng trong mối quan hệ chặt chẽ về mặt định tính của các hiện tượng và quá trình, đối chiếu với quá trình phát triển du lịch. Phương pháp toán thống kê được vận dụng nghiên cứu trong đề tài này để xác định hiện trạng hoạt động du lịch thông qua các chỉ tiêu phát triển ngành cơ bản.

- Phương pháp sơ đồ, bản đồ: Đây là phương pháp cần thiết trong quá trình nghiên cứu có liên quan đến tổ chức lãnh thổ. Bản đồ được sử dụng chủ yếu theo hướng chuyên ngành để phân tích đánh giá tiềm năng phát triển du lịch và điều kiện có liên quan. Ngoài mục đích minh họa về vị trí địa lý, phương pháp này còn giúp cho các nhận định, đánh giá trong quá trình nghiên cứu được thể hiện một cách tổng quát.

- Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa: Công tác thực địa có mục đích cơ bản là tìm hiểu thực tế thực trạng du lịch tại từng điểm du lịch trên địa bàn huyện để từ đó có thêm nhiều tư liệu để đề tài khóa luận chính xác thêm phong phú và linh động hơn.

- Bên cạnh đó, em còn tìm hiểu các điều kiện phát triển du lịch thông qua các tài liệu tham khảo từ Internet, báo chí,... và những cuốn sách có liên quan của các tác giả như: PGS TS Trần Đức Thanh, TS Bùi Thị Hải Yến, Phạm Trung Lương,...

7. Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung khóa luận được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về du lịch và các điều kiện phát triển du lịch.

Chương 2: Đánh giá tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch ở huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định.

Chương 3: Định hướng và những giải pháp cơ bản nhằm phát triển du lịch Giao Thủy.

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1.1. Du lịch

1.1.1. Khái niệm về du lịch

Ngày nay, du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến ngày nay, không chỉ ở nước ta, nhận thức về nội dung du lịch vẫn chưa thống nhất. Trước thực tế phát triển của ngành du lịch về mặt kinh tế cũng như trong lĩnh vực đào tạo, việc nghiên cứu, thảo luận để đi đến thống nhất một số khái niệm cơ bản trong đó có khái niệm du lịch. Trong ngôn ngữ của nhiều quốc gia, thuật ngữ “ Du lịch” bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp với ý nghĩa đi một vòng. Thuật ngữ này được La Tinh hóa thành “ Tornus” và sau đó được mỗi quốc gia chuyển thành những ngữ khác nhau. Chẳng hạn như: tourisme (tiếng Pháp), tourism (tiếng Anh), mupuzy (tiếng Nga),... Ngày nay người ta thường bắt gặp tourist (tiếng Anh). Theo Robert Lanquar từ “ tourist” lần đầu tiên xuất hiện trong tiếng Anh vào khoảng những năm 1800. Ở mỗi quốc gia đều có quan niệm lý thú về du lịch, không quan niệm nào giống quan niệm nào, mỗi quan niệm đều thể hiện một phần nào đó về du lịch. Trong tiếng Việt, thuật ngữ “ tourist” được dịch thông qua tiếng Hán có nghĩa như sau: du là đi chơi, lịch là từng trải. Còn người Trung Quốc gọi “ tourist” là du lãm, tức là để nâng cao nhận thức. Từ góc độ là người đầu tiên kinh doanh du lịch, Thomas Cook cho rằng du lịch giúp cho du khách thụ hưởng những hứng thú tình cảm xã hội cao nhất, là tổ chức mà người ta phải dành cho nó những trách nhiệm lớn nhất.

Khái niệm du lịch có ý nghĩa đầu tiên là sự khởi hành và lưu trú tạm thời của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của họ. Trong số học giả đưa ra định nghĩa ngắn gọn nhất phải kể đến Ausher và Nguyễn Khắc Viện. Theo Ausher thì du lịch là nghệ thuật đi chơi của các cá nhân còn Nguyễn Khắc Viện thì quan niệm

rằng du lịch là sự mở rộng không gian văn hóa của con người.

Còn trong Du lịch và kinh doanh du lịch của Phó tiến sỹ Trần Nhật thì cho rằng: Du lịch là quá trình hoạt động của con người rời khỏi quê hương đi đến một nơi khác với mục đích chủ yếu là được thẩm nhận những giá trị vật chất và tinh thần đặc sắc, độc đáo, khác lạ với quê hương, không nhằm sinh lời bằng đồng tiền. Trong định nghĩa này tác giả đã sáng tạo ra một từ khá mới lạ là “ thẩm nhận” để mong muốn lột tả được bản chất của vấn đề.

Theo Luật Du lịch Việt Nam 2005:

Du lịch: Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định.

Chúng ta biết rằng, trong thực tế cuộc sống, do sự phát triển của xã hội và nhận thức, các từ ngữ thường có khá nhiều nghĩa, nhiều khi trái ngược nhau. Như vậy cố gắng giải thích đơn vị từ đa nghĩa bằng cách gộp các nội dung khác nhau vào một định nghĩa sẽ làm cho khái niệm trở nên khó hiểu và không rõ ràng. Dựa trên cách tiếp cận trên, nên tách thuật ngữ du lịch thành hai phần. Du lịch có thể được hiểu là:

+ Sự di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú nhằm mục đích phục hồi sức khỏe, nâng cao tại chỗ nhận thức về thế giới xung quanh, có hoặc không kèm theo việc tiêu thụ một số giá trị tự nhiên, kinh tế, văn hóa, dịch vụ do các cơ sở chuyên nghiệp cung ứng.

+ Một lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu nảy sinh trong quá trình di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú với mục đích phục hồi sức khỏe, nâng cao nhận thức tại chỗ về thế giới xung quanh.

Du lịch là một hiện tượng xã hội, nó góp phần nâng cao dân trí, phục hồi sức khỏe cộng đồng, giáo dục lòng yêu nước, tình đoàn kết, mở rộng giao lưu văn hóa giữa các vùng miền, giữa các quốc gia... Chính vì vậy toàn xã hội phải có trách nhiệm đóng góp, hỗ trợ, đầu tư để cho du lịch phát triển.

1.1.2. Vai trò của ngành du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

Ngành du lịch có tác động tích cực đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, làm thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, vùng.

Ngành du lịch có tác động tích cực đến nền kinh tế của quốc gia và địa phương thông qua việc tiêu dùng của khách du lịch. Đây là ngành thu được nhiều ngoại tệ và phát triển nhanh chóng. Trong quá trình hoạt động du lịch đòi hỏi phải có số lượng vật tư hàng hóa để phục vụ du khách và như vậy lưu thông hàng hóa sẽ diễn ra mạnh mẽ. Thông qua lĩnh vực lưu thông ấy kéo theo sự phát triển của nhiều ngành như giao thông, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp gỗ, công nghiệp dệt, ngành trồn trượt, ngành chăn nuôi...

Du lịch luôn đòi hỏi hàng hóa có chất lượng cao, phong phú về chủng loại, mỹ thuật và hình thức. Do vậy du lịch góp phần định hướng cho sự phát triển của ngành ấy trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại sản phẩm và việc chuyên môn hóa của các xí nghiệp sản xuất.

Du lịch phát triển còn thúc đẩy sự phát triển của ngành giao thông vận tải, bưu điện, ngân hàng, xây dựng thông qua việc khách du lịch sử dụng dịch vụ của các ngành này như dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bưu điện, dịch vụ đổi tiền... Ngoài ra việc du khách chi tiêu ở vùng du lịch làm tăng nguồn thu của vùng du lịch, đất nước du lịch.

Sự sẵn sàng đón tiếp khách du lịch ở một vùng không chỉ thể hiện ở chỗ nơi đó có tài nguyên du lịch mà bên cạnh đó cần phải có cả cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống đường xá, nhà ga, sân bay, bưu điện, ngân hàng, mạng lưới thương nghiệp... Qua đó cũng kích thích được sự phát triển tương ứng của các ngành có liên quan. Do vậy việc phát triển du lịch làm thay đổi bộ mặt kinh tế ở từng vùng và vì vậy nó góp phần làm thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, vùng.

Hoạt động của ngành du lịch còn góp phần làm tăng thu nhập quốc dân. Thông qua việc sản xuất, chế biến đồ ăn, thức uống và bán các mặt hàng lưu niệm... mà du lịch góp phần tạo ra thu nhập quốc dân, làm tăng thu nhập quốc dân.

Hoạt động du lịch quốc tế là nguồn thu ngoại tệ đáng kể cho đất nước làm sống động cán cân thanh toán quốc tế. Sự phát triển du lịch quốc tế còn có ý nghĩa quan trọng đến việc mở rộng và củng cố các mối quan hệ kinh tế quốc tế theo

hướng: ký kết hợp đồng trao đổi khách giữa các nước, các tổ chức và các hãng du lịch; tham gia vào các tổ chức quốc tế về du lịch.

Du lịch phát triển còn khuyến khích đầu tư. Do du lịch là ngành được tạo nên bởi rất nhiều các doanh nghiệp nhỏ và nhiều loại hình dịch vụ khác nhau nên sự đầu tư của nhà nước vào cơ sở hạ tầng (đường sá, công viên...) và kiến trúc thượng tầng (nghệ thuật, lễ hội, văn hóa) nhằm tạo điều kiện cho du lịch phát triển và kích thích đầu tư của các tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp và cả đầu tư nước ngoài.

Du lịch góp phần tạo việc làm giải quyết các vấn đề xã hội

Sự phát triển du lịch sẽ tạo cơ hội, việc làm mới cho người lao động. Du lịch là ngành có hệ số sử dụng lao động cao vì du lịch là một ngành dịch vụ đặc biệt, nó sử dụng rất nhiều dịch vụ của các ngành khác nên phát triển du lịch cũng đồng nghĩa với việc phát triển các ngành dịch vụ khác. Ngoài ra du lịch phát triển còn đánh thức một số ngành sản xuất thủ công cổ truyền, đây là những làng nghề cần nhiều lao động thủ công và do đó có nhiều việc làm hơn cho người dân. Hơn nữa trong quá trình hoạt động, du lịch góp phần huy động nguồn vốn rộng rãi trong nhân dân vào vòng chung chuyển, tạo điều kiện tăng thu nhập cho nhân dân đại phương.

Thông thường tài nguyên du lịch thiên nhiên có nhiều ở tài nguyên vùng núi xa xôi, vùng ven biển hay nhiều vùng hẻo lánh khác. Việc khai thác đưa những tài nguyên vào sử dụng đòi hỏi phải đầu tư không chỉ về kết cấu hạ tầng mà cả về lực lượng lao động, văn hóa, xã hội. Do vậy việc phát triển du lịch không những làm thay đổi bộ mặt kinh tế ở từng vùng mà còn góp phần làm giảm sự tập trung dân cư căng thẳng ở những trung tâm.

Thông qua du lịch, ngân sách địa phương được nâng lên từ việc thực hiện nghĩa vụ và những đóng góp của các đơn vị, cá nhân kinh doanh du lịch, từ đó có điều kiện để đầu tư phát triển y tế, giáo dục và các lĩnh vực xã hội khác.

Du lịch thúc đẩy giao lưu văn hóa:

Thông qua du lịch, các dân tộc, các quốc gia trên thế giới giao lưu, hiểu biết lẫn nhau, phá vỡ ngăn cách về địa lý, văn hóa, dân tộc. nền văn hoá càng lâu đời, độc đáo càng thu hút và hấp dẫn du khách. Trong thời gian du lịch, khách thường sử dụng các dịch vụ, hàng hóa và thường xuyên tiếp xúc với nhân dân địa phương.

Thông qua các cuộc giao tiếp đó, văn hóa của cả khách du lịch và của người bản xứ được trau dồi và nâng cao. Du lịch tạo khả năng cho con người hiểu biết lẫn nhau; mở mang hiểu biết về lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán, đạo đức, chế độ xã hội, kinh tế. Du lịch còn làm giàu và phong phú thêm khả năng thẩm mỹ của con người khi họ được tham quan các kho tàng mỹ thuật của một đất nước.

Thông qua du lịch, con người được thay đổi môi trường, có ấn tượng và cảm xúc mới, thỏa mãn được trí tò mò đồng thời mở mang kiến thức đáp ứng lòng ham hiểu biết, tăng niềm tự hào của địa phương vào ý thức cộng đồng, có ý thức bảo vệ và tôn tạo các di tích văn hóa, lịch sử nhằm góp phần hình thành phương hướng đúng đắn trong ước mơ sáng tạo, trong kế hoạch cho tương lai của con người.

Du lịch góp phần bảo vệ môi trường:

Chức năng xã hội của du lịch là mang lại sự hòa đồng, vui chơi giải trí, phục hồi sức khỏe cho con người, bản thân ngành du lịch luôn chú ý tới việc giáo dục du khách, giáo dục cộng đồng dân cư ý thức bảo vệ môi trường, thấy rõ môi trường là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển cho thế hệ tương lai.

Trong quá trình hoạt động du lịch, các bên tham gia đều hướng tới mục tiêu lợi ích của mình: du khách hướng tới mục tiêu được hưởng dịch vụ du lịch chất lượng, phù hợp để có một kỳ du lịch tốt nên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình; người kinh doanh du lịch vì mục tiêu lợi nhuận và thu hút khách nên vừa phải chấp hành tốt các quy định của chính quyền địa phương vừa phải nỗ lực xây dựng uy tín kinh doanh. Chính quyền địa phương phải làm tốt hơn công tác quản lý nhà nước để có môi trường kinh doanh tốt, môi trường xã hội ổn định, an ninh trật tự được giữ vững. Đặc biệt cộng đồng dân cư được hưởng lợi khi tham gia hoạt động du lịch do đó ý thức trách nhiệm hơn trong việc bảo vệ cảnh quan di tích, danh thắng trên địa bàn. Khi cộng đồng dân cư ủng hộ, vào cuộc, kết hợp với các chủ thể khác trong hoạt động du lịch thì các vấn đề xã hội như cờ bạc, ma túy, rác thải, chất thải ô nhiễm môi trường sẽ được giải quyết hiệu quả.

1.2. Các điều kiện ảnh hưởng đến phát triển du lịch

Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch chính là các nhóm tài nguyên du lịch bởi vì tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để tạo thành các sản phẩm du lịch, là mục đích chuyến đi của du khách và tạo những điều kiện thuận lợi để đáp ứng

các nhu cầu của họ trong chuyến đi, và còn là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch.

1.2.1. Các điều kiện chung

1.2.1.1. Điều kiện an ninh chính trị và an toàn xã hội

Đây là một yếu tố an toàn quan trọng cho hoạt động du lịch. Người kinh doanh du lịch yên tâm hơn khi bỏ vốn ra đầu tư, kinh doanh. Du khách không phải lo sợ vì những bất ổn chính trị, những bất ổn về an ninh trật tự có thể làm ảnh hưởng tới tính mạng và tài sản của mình. Trong môi trường chính trị ổn định, an toàn xã hội được giữ vững, cộng đồng dân cư vùng du lịch không bị gián đoạn hay ảnh hưởng tới sự hưởng lợi của mình từ việc tham gia hoạt động du lịch. Và như vậy du lịch chỉ có thể phát triển trong một môi trường chính trị ổn định, an ninh trật tự được giữ vững.

An ninh chính trị phải đảm bảo hòa bình, ổn định để mở rộng cho các mối quan hệ kinh tế, chính trị văn hóa giữa các dân tộc. Du lịch chỉ được phát triển trong một bầu không khí hòa bình, trong tình hữu nghị giữa các dân tộc. Chúng ta có thể nhận thấy là các quốc gia thỏa mãn được yêu cầu trên như: Thụy Sĩ, Áo,... đều là nơi hấp dẫn và thu hút được một lượng đông đảo du khách. Khi có tình hình chính trị ổn định và hòa bình thì sẽ cho du khách cảm giác an toàn và tính mạng được coi trọng.

Du lịch đòi hỏi phải có an ninh đảm bảo không chỉ giúp du khách có cảm giác an toàn mà còn nhằm chống lại các hành động chống phá của một số người lợi dụng hoạt động du lịch để truyền bá những tư tưởng phản động vào đất nước. Một ví dụ cụ thể: năm 1993, tại Ba Bể, những kẻ chống phá đã lợi dụng việc đi du lịch để truyền bá tư tưởng phản động vào người dân địa phương bằng cách rải truyền đơn, băng đĩa... tại những nơi chúng đi qua.

1.2.1.2. Điều kiện kinh tế

Một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến sự phát sinh và phát triển du lịch là điều kiện kinh tế chung. Nền kinh tế chung phát triển là tiền đề cho sự ra đời và phát triển của ngành kinh tế du lịch. Điều này được giải thích bởi sự lệ thuộc của du lịch vào thành quả các ngành kinh tế khác. Theo ý kiến của các chuyên gia kinh tế thuộc Hội đồng kinh tế và Xã hội của Liên Hợp Quốc

(ECOSOC), một đất nước có thể phát triển du lịch một cách vững chắc nếu nước đó tự sản xuất được phần lớn số của cải vật chất cần thiết cho du lịch. Khi phải nhập đại đa số trang thiết bị, hàng hóa để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và để đảm bảo phục vụ khách du lịch thì hầu hết lợi nhuận (ngoại tệ) do du lịch mang lại sẽ rơi vào tay tư bản nước ngoài. Nhưng nước có nền kinh tế phát triển, có điều kiện sản xuất ra nhiều của cải vật chất có chất lượng đạt các tiêu chuẩn quốc tế sẽ có điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch.

Nền kinh tế của đất nước có ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành du lịch nước đó hay khả năng phát triển du lịch của một nước phụ thuộc vào nền kinh tế của nước đó. Một nước có du lịch phát triển nếu nước đó có thể tự sản xuất phần lớn của cải vật chất phục vụ du lịch. Chính những ngành công nghiệp, nông nghiệp, thực phẩm là những ngành cung cấp đầu vào cho ngành du lịch. Ví dụ: ngành công nghiệp cung cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị (gạch, xi măng...). Nền kinh tế phát triển, đời sống dân cư được nâng cao có điều kiện đi du lịch.

Khi nói đến nền kinh tế của đất nước không thể không nói đến giao thông vận tải. Đó là sự phát triển về mặt số lượng và về mặt chất lượng. Sự phát triển về số lượng của các phương tiện vận chuyển đã làm cho mạng lưới giao thông vươn tới được mọi nơi trên trái đất. Hiện nay trên thế giới có trên 500 triệu khách du lịch đi qua biên giới các nước bằng các phương tiện vận chuyển hành khách quốc tế. Chiều dài của mạng lưới giao thông vận tải chứng tỏ mức độ dễ dàng trong việc tiếp cận tới điểm du lịch. Số lượng phương tiện giao thông vận tải chứng tỏ khả năng vận chuyển du khách. Số lượng loại hình phương tiện vận chuyển gia tăng sẽ làm cho hoạt động du lịch trở nên tiện lợi và mềm dẻo, có khả năng đáp ứng tốt mọi nhu cầu của du khách. Về mặt chất lượng vận chuyển cần xét đến bốn khía cạnh là tốc độ, an toàn, tiện nghi và giá cả. Điều đó có ý nghĩa rất lớn trong sự phát triển của du lịch.

1.2.1.3. Chính sách phát triển du lịch

Đường lối, chính sách phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia, một địa phương có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của du lịch. Thông qua chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chiến lược thương mại quốc tế hay chính sách đầu tư

phát triển ngành, vùng, lĩnh vực, nhà nước có thể tác động bằng cách thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển của ngành du lịch. Bên cạnh đó đường lối ngoại giao, phát triển kinh tế đối ngoại cũng ảnh hưởng tới sự phát triển ngành du lịch của mỗi quốc gia, bởi vậy năm 1967 được thế giới tuyên bố là “ năm du lịch quốc tế” dưới khẩu hiệu “ Du lịch là giấy thông hành của hòa bình”.

Những điều kiện chung để phát triển du lịch nêu trên tác động một cách độc lập nên sự phát triển của du lịch. Các điều kiện ảnh hưởng đến du lịch tách rời nhau, do vậy nếu thiếu một trong những điều kiện ấy sự phát triển của du lịch có thể bị trì trệ, giảm sút hoặc hoàn toàn ngừng hẳn. Sự có mặt của tất cả những điều kiện ấy đảm bảo cho sự phát triển mạnh mẽ của ngành du lịch.

1.2.2. Các điều kiện phát triển cầu du lịch

1.2.2.1. Thời gian rỗi

Thời gian rỗi: là thời gian của con người bao gồm: thời gian làm việc tại công sở và thời gian làm việc có liên quan, thời gian làm việc gia đình, thời gian thỏa mãn nhu cầu sinh lý tự nhiên. Ngoài ra còn có thể tham gia các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao hay nghỉ ngơi một cách tích cực.

Thời gian rỗi tác động mạnh đến cầu du lịch. Các yếu tố liên quan đến thời gian rỗi có tác động đến độ dài thời vụ du lịch là: độ dài, thời điểm và số lần có thời gian rỗi trong năm. Thời gian rỗi được xem xét trong phạm vi tuần, là yếu tố quan trọng cho các hoạt động du lịch. Thời gian nghỉ ngơi cuối tuần, thời gian nghỉ trong năm tăng thì sẽ là điều kiện để phát triển du lịch. Ví dụ: thời gian nghỉ hè, nghỉ cuối tuần. Dẫn đến lượng khách du lịch vào mùa hè, vào cuối tuần tương đối lớn.

1.2.2.2. Khả năng tài chính của du khách tiềm năng

Điều kiện sống của nhân dân là nhân tố quan trọng để phát triển du lịch. Nó được hình thành nhờ tăng thu nhập thực tế, cải thiện điều kiện sinh hoạt, nâng cao khẩu phần ăn uống, phát triển đầy đủ mạng lưới y tế, văn hóa, giáo dục.

Sự phát triển của nền sản xuất xã hội có tầm quan trọng hàng đầu làm xuất hiện nhu cầu du lịch và biến nhu cầu du lịch của con người thành hiện thực. Nền sản xuất xã hội phát triển tạo điều kiện ra đời của nhiều nhân tố khác nhau như: nhu cầu vui chơi giải trí, nghỉ ngơi, mức sống, thu nhập, thời gian rỗi,...

Nền kinh tế phát triển sẽ làm cho người dân có mức sống cao, do đó họ có

khả năng thanh toán cho nhu cầu về du lịch trong nước cũng như ra nước ngoài. Có nhiều nước rất giàu tài nguyên du lịch nhưng vì nền kinh tế lạc hậu nên không thể phát triển du lịch và càng không thể gửi khách du lịch ra nước ngoài.

Khi đi du lịch và lưu trú ngoài nơi ở thường xuyên, khách du lịch luôn là người tiêu dùng nhiều loại dịch vụ, hàng hóa. Để có thể đi du lịch và tiêu dùng du lịch, họ phải có phương tiện vật chất đầy đủ. Đó là điều kiện cần thiết để biến nhu cầu đi du lịch nói chung thành nhu cầu có khả năng thanh toán, vì khi đi du lịch khách phải trả thêm tiền tàu xe, phải trả thêm tiền nhà ở và xu hướng của con người khi đi du lịch là tiêu nhiều tiền. Do vậy, phúc lợi vật chất của nhân dân là điều kiện có ý nghĩa to lớn trong sự phát triển của du lịch. Thu nhập của nhân dân là chỉ tiêu quan trọng và là điều kiện vật chất để họ có thể tham gia đi du lịch. Con người khi muốn đi du lịch, không chỉ cần có thời gian mà còn phải có đủ tiền mới có thể thực hiện được mong muốn đó. Người ta đã xác lập được rằng mỗi khi thu nhập của nhân dân tăng thì sự tiêu dùng du lịch cũng tăng theo, đồng thời có sự thay đổi về cơ cấu của tiêu dùng du lịch. Phúc lợi vật chất của nhân dân luôn phụ thuộc vào sự phát triển của nền kinh tế, vào thu nhập quốc dân của đất nước.

1.2.2.3. Dân cư và nhận thức của dân cư

Số dân, thành phần dân tộc, đặc điểm nhân khẩu, cấu trúc, sự phân bố và mật độ dân cư có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển du lịch.

Sự phát triển của du lịch còn phụ thuộc vào trình độ văn hóa chung của nhân dân ở một đất nước. Nếu trình độ văn hóa của cộng đồng được nâng cao, nhu cầu đi du lịch của nhân dân ở đó tăng lên rõ rệt. Tại các nước phát triển, du lịch đã trở thành nhu cầu không thể thiếu được của con người. Nó được coi là tiêu chuẩn để đánh giá cuộc sống. Số người đi du lịch nhiều, lòng ham hiểu biết và mong muốn làm quen với các nước xa gần cũng tăng, và trong nhân dân thói quen đi du lịch sẽ hình thành càng rõ. Mặt khác nếu trình độ văn hóa của nhân dân ở một đất nước cao, thì đất nước đó khi phát triển du lịch sẽ dễ đảm bảo phục vụ khách du lịch một cách văn minh và làm hài lòng khách đi du lịch đến đó. Trình độ dân trí thể hiện bằng các hành động, cách ứng xử cụ thể với môi trường xung quanh, bằng thái độ đối với du khách của người dân địa phương, bằng cách cư xử của du khách tại nơi du lịch... Nếu du khách hoặc dân địa phương có những cách nhìn nhận có

hiểu biết sẽ làm cho hoạt động du lịch tăng thêm giá trị, ngược lại chính những hành vi thiếu văn hóa của họ có thể là nhân tố cản trở sự phát triển của du lịch.

1.2.2.4. Quá trình đô thị hóa và sức ép môi trường sống

Đô thị hóa tạo nên một lối sống mới: lối sống thành thị, đồng thời hình thành các thành phố lớn và các cụm thành phố. Điều đó đã cải thiện đời sống của người dân về phương diện vật chất và văn hóa, kéo con người vào cơn lốc của cuộc sống hiện đại, nâng cao trình độ nhận thức của họ và làm cho họ quen với thói quen và nhu cầu văn hóa (Leenin).

Đô thị hóa làm biến đổi các điều kiện sống tự nhiên, tách con người ra khỏi môi trường xung quanh, thay đổi bầu không khí và các quá trình tự nhiên khác của tự nhiên ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, từ đó thúc đẩy người dân đi du lịch.

Hàng loạt các yếu tố: mật độ dân cư dày đặc, thông tin phong phú, tần số tiếp xúc cao, giao thông như mắc cửi, tiếng ồn quá lớn, ô nhiễm môi trường trở thành nguyên nhân của bệnh căng thẳng thần kinh. Do vậy, con người phải đi du lịch để tiếp cận với thiên nhiên, giải tỏa căng thẳng, và nó trở thành nhu cầu không thể thay thế của người dân thành thị.

1.2.3. Các điều kiện phát triển cung du lịch

1.2.3.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch thiên nhiên

Các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

- Vị trí địa lý: Sự thuận lợi do vị trí địa lý mang lại như thông thương với các nước dễ dàng, có đường biển, đường bộ, đường không là trung tâm của những vùng kinh tế phát triển năng động trên thế giới. Vị trí địa lý cũng là yếu tố tạo ra sự khác biệt về địa hình và các yếu tố tự nhiên khác.

- Địa hình: Các dấu hiệu bên ngoài của địa hình và các dạng đặc biệt của địa hình có sức hấp dẫn cho khai thác du lịch. Khách du lịch thường ưa thích những nơi có phong cảnh đẹp, đa dạng.

Địa hình đồng bằng: có ảnh hưởng gián tiếp đến du lịch.

Địa hình vùng đồi: có khả năng phát triển loại hình tham quan theo chuyên đề.

Địa hình miền núi, địa hình bờ biển: có ý nghĩa nhất đối với du lịch, đặc biệt

là các khu vực thuận lợi cho việc tổ chức thể thao mùa đông, các nhà an dưỡng, các trạm nghỉ, các khu vực thuận tiện cho chuyển tiếp lộ trình, các đỉnh núi cao có thể nhìn toàn cảnh và thích hợp với môn thể thao leo núi.

Địa hình Karst: karst là kiểu địa hình được tạo thành do quá trình kiến tạo của Vỏ Trái đất (đứt gãy, tạo sơn, sụt lún) kết hợp với các quá trình ngoại lực chủ yếu là sự lưu thông của nước (cả nước mặt và nước ngầm) trong các loại đá dễ bị hòa tan (đá vôi, đolôminic, đá phấn, thạch cao, muối mỏ,...). Dạng địa hình này được hình thành ở Việt Nam chủ yếu trong địa hình đá vôi.

Địa hình karst gồm các dạng chủ yếu như: hang động karst, cánh đồng karst, phễu karst, sông hồ karst, karst ngập nước. Trong đó kiểu karst hấp dẫn du khách nhất là hang động karst và kiểu karst ngập nước (Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long, Cát Bà...)

Địa hình này tạo ra tài nguyên du lịch tổng hợp, có khả năng tổ chức các tour du lịch cả ngắn ngày và dài ngày.

- Tài nguyên khí hậu: Điều kiện khí hậu có ảnh hưởng đến việc thực hiện các chuyến du lịch hoặc hoạt động dịch vụ du lịch. Tính mùa của du lịch chịu tác động chủ yếu của nhân tố khí hậu. Các vùng khác nhau có tính mùa vụ du lịch không như nhau do ảnh hưởng của các thành phần khí hậu.

- Tài nguyên nước:

Nước mặt: sông, hồ, suối, thác nước, các vùng ngập nước ngọt, các vùng nước ven biển. Bề mặt nước của sông, hồ, suối, thác nước, các vùng ngập nước ngọt, các vùng nước ven biển đã kết hợp với các tài nguyên khác như núi non, rừng cây tự nhiên, hệ sinh thái nhân văn tạo ra những phong cảnh nên thơ, hữu tình hấp dẫn du khách.

Các điểm nước khoáng, suối nước nóng: là tài nguyên thiên nhiên quý để triển khai các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, tắm khoáng, chữa bệnh,...

Đối với du lịch thì nguồn nước có ý nghĩa rất lớn. Tài nguyên nước không chỉ có tác dụng phục hồi trực tiếp mà còn ảnh hưởng đến nhiều thành phần khác của môi trường sống, đặc biệt nó làm dịu khí hậu ven bờ. Nước cần thiết cho đời sống: Dùng để uống, vệ sinh và các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày khác của khách du lịch. Để đáp ứng cho những nhu cầu này, đòi hỏi phải có nguồn nước ngọt dồi dào.

Trong tài nguyên nước phải nói đến tài nguyên nước khoáng. Đây là nguồn tài nguyên có giá trị du lịch an dưỡng và chữa bệnh.

- Tài nguyên động thực vật: Du lịch và giải trí trở thành nhu cầu cấp thiết và sức hấp dẫn lớn đối với du khách, đó là các tour du lịch ở các đảo, khu bảo tồn thiên nhiên và đối tượng là các loài động thực vật phong phú, việc tham quan du lịch trong thế giới động thực vật sống động, hài hòa trong thiên nhiên làm cho con người tăng thêm lòng yêu cuộc sống.

Như vậy, các nhân tố địa hình, khí hậu, nguồn nước, động thực vật luôn luôn có tác động lẫn nhau mặc dù với mức độ khác nhau và hiệu quả du lịch không như nhau. Nếu tác động của địa hình đối với các mục đích du lịch, nghỉ ngơi là tương đối thường xuyên thì các thành phần còn lại, nhất là khí hậu và nguồn nước lại dao động rất lớn theo mùa và theo ngày đêm.

- Ngoài ra tài nguyên du lịch tự nhiên còn bao gồm:

- Vườn quốc gia: là nơi tập trung đa dạng sinh học cao, trong đó có nhiều loài động, thực vật đặc hữu, quý hiếm, nhiều VQG có khả năng hấp dẫn du khách cao, thuận lợi cho việc phát triển các loại hình du lịch sinh thái.

- Khu bảo tồn thiên nhiên: là một khu vực tự nhiên trên đất liền hoặc trên biển, được thành lập để bảo tồn bền vững các hệ sinh thái chưa hoặc bị biến đổi rất ít và có loài động – thực vật đặc hữu hoặc đang bị đe dọa. Khu bảo tồn thiên nhiên cũng có thể gồm các đặc trưng độc đáo về tự nhiên hoặc văn hóa.

- Khu bảo tồn loài và nơi cư trú: là khu vực trên đất liền hay trên biển, được quản lý bằng các biện pháp tích cực nhằm duy trì các nơi cư trú và đảm bảo sự sống lâu dài của các loài động vật kể cả các loài sinh vật biển đang có nguy cơ bị tiêu diệt.

- Khu bảo tồn cảnh quan: là khu vực đất liền, đất ngập nước ven biển hoặc trên biển, có tác động qua lại giữa con người và thiên nhiên lâu đời nên đã tạo ra một khu vực có giá trị cao về thẩm mỹ, sinh thái, văn hóa và lịch sử đôi khi cũng có giá trị đa dạng sinh học cao. Việc duy trì tính toàn vẹn của các môi trường tác động qua lại truyền thống này là điểm cốt lõi của công tác bảo vệ, duy trì và phát triển khu bảo tồn thuộc hạng này.

- Một số hệ sinh thái đặc biệt: các nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam có

một số HST đặc biệt có sự đa dạng sinh học cao tiêu biểu cho thiên nhiên mỗi vùng, có khả năng hấp dẫn du khách, có ý nghĩa cho việc bảo vệ môi trường, bảo vệ sự đa dạng sinh học. Trong đó có các hệ sinh thái đã được khai thác phục vụ mục đích du lịch như: HST rừng ngập mặn, HST đất ngập nước, HST san hô, HST núi cao,... Những HST này, do vị trí địa lý, địa hình nên các quá trình địa mạo như xói mòn, rửa trôi, xâm thực, triều dâng diễn ra rất mạnh mẽ. Vì vậy tính nhạy cảm của các thành phần tự nhiên rất cao, nếu việc bảo vệ, khai thác không tuân theo những quy định nghiêm ngặt thì khi một thành phần tự nhiên bị thay đổi theo hướng tiêu cực sẽ kéo theo sự phá hủy các thành phần tự nhiên khác mà khó có thể khắc phục được.

- Các điểm tham quan sinh vật: là những khu vực trên đất liền hoặc trên các đảo được đầu tư quy hoạch xây dựng để bảo tồn, nuôi dưỡng các loại động – thực vật quý hiếm, các HST nhằm mục đích bảo tồn sự đa dạng sinh học, nghiên cứu phổ biến khoa học, giáo dục cộng đồng, tìm hiểu cảm nhận môi trường sống.

- Di sản thiên nhiên thế giới: là các công trình thiên nhiên hợp thành bởi những thành tựu vật lý và sinh học hoặc những nhóm thành hệ có một giá trị toàn cầu, đặc biệt về mặt thẩm mỹ hoặc khoa học, các thành hệ địa chất và địa văn, các miền được phân định ranh giới rõ ràng, làm nơi sinh sống của các loài động vật và thực vật bị đe dọa, có một giá trị toàn cầu đặc biệt về mặt khoa học hoặc bảo tồn; các địa điểm tự nhiên hoặc các vùng tự nhiên được phân định ranh giới rõ ràng, có giá trị toàn cầu, đặc biệt về các mặt khoa học, bảo tồn hoặc vẻ đẹp thiên nhiên.

1.2.3.2. Điều kiện kinh tế xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn là tài nguyên có nguồn gốc nhân tạo do con người sáng tạo ra. Tuy nhiên chỉ có những tài nguyên nhân văn có sức hấp dẫn với du khách và có thể khai thác phát triển du lịch để tạo ra hiệu quả xã hội, kinh tế, môi trường mới được gọi là tài nguyên du lịch nhân văn.

Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm: truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch như các phong tục tập quán, lễ hội, các món ăn, thức uống dân tộc, các loại hình nghệ thuật, thói quen, lối sống,

nếp sống của các tộc người mang bản sắc độc đáo còn lưu giữ được tới ngày nay.

- Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể bao gồm di sản văn hóa thế giới, các di tích lịch sử văn hóa, thắng cảnh đẹp cấp quốc gia và địa phương(các di tích khảo cổ, các di tích lịch sử, các di tích kiến trúc nghệ thuật, các danh lam thắng cảnh, các công trình đương đại).

• Theo UNESCO, di sản văn hóa là:

Các di tích: các tác phẩm kiến trúc, tác phẩm điêu khắc và hội họa; các yếu tố hay các cấu trúc có tính chất khảo cổ học, ký tự, nhà ở, hang đá và các công trình có sự liên kết giữa nhiều đặc điểm, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

Các quần thể các công trình xây dựng: các quần thể, các công trình xây dựng tách biệt hay liên kết với nhau mà do kiến trúc của chúng, do tính đồng nhất, hoặc vị trí của chúng trong cảnh quan, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

Các di chỉ: các tác phẩm do con người tạo nên, hoặc các tác phẩm sự kết hợp giữa thiên nhiên – nhân tạo và các khu vực, trong đó có các di chỉ khảo cổ có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học.

Các di sản văn hóa là sự kết tinh cao những giá trị sáng tạo văn hóa của mỗi quốc gia. Các quốc gia có các di sản văn hóa được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới thì không những sẽ là vinh dự lớn cho quốc gia đó mà còn tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa vô giá của những di sản văn hóa, tạo ra sức hấp dẫn cao cho du khách đặc biệt là khách du lịch quốc tế.

• Các di tích lịch sử văn hóa, thắng cảnh đẹp cấp quốc gia và địa phương:

Di tích lịch sử văn hóa chứa đựng những truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hóa, kiến trúc, mỹ thuật của mỗi địa phương, mỗi quốc gia. DTLSVH là tài nguyên nhân văn quý giá được hình thành, bảo tồn, tôn tạo của nhiều thế hệ ở các địa phương và các quốc gia. Vì vậy nhiều DTLSVH đã trở thành đối tượng tham quan, nghiên cứu, thực hiện các nghi lễ tâm linh của nhiều du khách và là nguồn tài nguyên du lịch quý giá.

Các danh lam thắng cảnh: Theo Luật DSVH của Việt Nam năm 2003: “ Danh

lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm cso sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ và khoa học”.

Các công trình đương đại: là các công trình kiến trúc được xây dựng trong thời kỳ hiện đại, có giá trị về kiến trúc, mỹ thuật, khoa học, kỹ thuật xây dựng, kinh tế thể thao hấp dẫn du khách có thể là đối tượng tham quan nghiên cứu, vui chơi giải trí, chụp ảnh kỷ niệm,... đối với khách du lịch.

- Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể bao gồm: di sản văn hóa truyền miệng và phi vật thể của nhân loại; các lễ hội; nghề và làng nghề thủ công truyền thống; văn hóa nghệ thuật; văn hóa ẩm thực; thơ ca và văn học; văn hóa ứng xử và những phong tục tập quán tốt đẹp; tài nguyên du lịch gắn với văn hóa các tộc người; các hoạt động mang tính sự kiện.

- Di sản văn hóa truyền miệng và phi vật thể của nhân loại:

Năm 1989 tại phiên họp Đại hội đồng UNESCO đã đưa ra hai chính sách:

Một là: công nhận một danh hiệu cho một sản phẩm văn hóa phi vật thể danh hiệu ấy gọi là “ Kiệt tác DSVH truyền miệng và phi vật thể của nhân loại”.

Hai là: DSVH phi vật thể và truyền miệng luôn luôn được gìn giữ trình diễn, bổ sung truyền lại cho lớp trẻ thông qua trí nhớ và tài năng của nghệ nhân. Trên thế giới, văn hóa của mỗi nước đang được gìn giữ bằng chính những con người này và UNESCO tặng cho họ danh hiệu “ Báu vật nhân văn sống”.

- Các lễ hội: là hình thức sinh hoạt văn hóa tập thể của nhân dân sau thời gian lao động vất vả. Lễ hội là dịp để mọi người thể hiện lòng nhớ ơn tổ tiên, những người có công với địa phương và với đất nước, có liên quan đến những nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng, ôn lại những giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống hoặc hướng về một sự kiện lịch sử - văn hóa, kinh tế trọng đại của địa phương, của đất nước hoặc là những hoạt động vui chơi giải trí, là dịp để tăng thêm tinh thần đoàn kết cộng đồng. Như vậy lễ hội là một loại hình sinh hoạt văn hóa truyền thống có sức lôi cuốn đông người tham gia và trở thành nhu cầu trong đời sống tinh thần của nhân dân và là TNDL hấp dẫn du khách.

- Nghề và làng nghề thủ công truyền thống:

Nghề thủ công truyền thống là những nghề mà bí quyết về công nghệ sản xuất ra các sản phẩm mang những giá trị thẩm mỹ, tư tưởng triết học, tâm tư tình cảm,

ước vọng của con người.

Nghề thủ công truyền thống là nghề sản xuất mà các nghệ thuật (hay còn gọi là bí quyết nghề nghiệp) do những nghệ nhân dân gian sáng tạo, gìn giữ phát triển và truyền từ đời này sang đời khác cho những người cùng huyết thống hoặc ở cùng làng bản. Nghề thủ công truyền thống là nghề mà các công đoạn sản xuất tạo ra sản phẩm chủ yếu bằng các công cụ sản xuất thô sơ và bằng tài nghệ tinh xảo, khéo léo của các nghệ nhân. Các sản phẩm của các nghề thủ công cổ truyền không những mang những giá trị sử dụng mà còn có giá trị về mỹ thuật, giá trị triết học, tâm linh thể hiện tài nghệ, tâm tư ước vọng của người làm ra chúng.

Làng nghề được quan niệm: “ Làng nghề nông thôn Việt Nam là làng nghề có trên 30% tổng số dân tham gia sản xuất các sản phẩm phi nông nghiệp, tổng doanh thu do hoạt động sản xuất này chiếm trên 50% tổng doanh thu của cả làng”

- Văn hóa nghệ thuật:

Những giá trị văn hóa nghệ thuật là những món ăn tinh thần của nhân dân, thể hiện giá trị thẩm mỹ, truyền thống và bản sắc văn hóa, tâm tư, tình cảm, ước vọng của con người.

Các giá trị văn hóa nghệ thuật, đặc biệt là những Kiệt tác DSVH phi vật thể và truyền miệng thế giới, không những góp phần tạo ra sự đa dạng về sản phẩm du lịch, mà có sức hấp dẫn đặc biệt với du khách. Bởi vì, TNDL văn hóa nghệ thuật vừa mang lại cho du khách sự thư giãn, vui vẻ, nâng cao đời sống tinh thần, làm lãng quên bao lo toan, vất vả thường nhật; vừa mang lại sự nhận thức, cảm nhận cái đẹp, giúp cho du khách có thể tận dụng thời gian rảnh rỗi, nhất là vào ban đêm.

- Văn hóa ẩm thực:

Ăn uống là nhu cầu thiết yếu không thể thiếu được đối với mỗi người. Nhưng khi nói tới văn hóa ẩm thực hay nói tới nghệ thuật ẩm thực thì không chỉ nói đến nhu cầu ăn no, ăn đủ mà nói tới cái đẹp, nghệ thuật chế biến món ăn, không gian, thời gian ăn uống, cách ăn uống của con người, quan niệm triết học và nhu cầu ăn uống được nâng lên thành nghệ thuật.

Việt Nam cũng là quốc gia có nghệ thuật ẩm thực phong phú, đặc sắc, có nhiều món ăn, đồ uống đặc sản hấp dẫn du khách.

- Thơ ca và văn học:

Các tác phẩm thơ ca, văn học là quốc hồn, quốc túy của mỗi quốc gia. Thơ ca và văn học là nghệ thuật sử dụng ngôn từ phản ánh cái đẹp, tình yêu của con người với thiên nhiên; của con người với nhau, với quê hương đất nước và đời sống xã hội – sản xuất của con người. Những nơi có thiên nhiên hùng vĩ, đa dạng, trữ tình cùng với lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời nên nhân dân đã sáng tạo, bảo tồn được kho tàng thơ ca văn học dân gian phong phú đồ sộ, nhiều bài thơ, truyện kể dân gian ca ngợi các vùng đất, danh lam thắng cảnh cũng đã tạo sức hấp dẫn lớn đối với du khách.

- Văn hóa ứng xử và những phong tục tập quán tốt đẹp:

Văn hóa ứng xử, phong tục tập quán sinh sống, sản xuất khác lạ, tốt đẹp ở các địa phương, các quốc gia trở thành TNDL quý giá, vừa góp phần tạo nên môi trường xã hội, môi trường tự nhiên tốt đẹp, vừa tạo ra sự đa dạng độc đáo của sản phẩm du lịch hấp dẫn du khách.

TNDL gắn với văn hóa các tộc người: gồm những điều kiện sinh sống, sản xuất, phương thức sản xuất, kiến trúc, trang trí nhà ở, nghề thủ công truyền thống, văn hóa nghệ thuật, văn hóa ẩm thực, lễ hội, các phong tục, tập quán với những sắc thái riêng của các tộc người trên những địa bàn sinh sống của họ.

Việt Nam là một quốc gia đa sắc tộc, có 54 dân tộc, trong đó có tới 53 tộc người thiểu số sống chủ yếu ở các vùng miền núi, cao nguyên, đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng Duyên hải Nam Trung Bộ. Nhiều tộc người vẫn giữ được những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc tạo ra sức hấp dẫn lớn đối với du khách. Hiện nay nhiều loại hình du lịch tham quan các bảo tàng, di tích, nghiên cứu văn hóa và sinh thái gắn với việc khai thác bảo tồn những giá trị văn hóa tộc người đã và đang được triển khai phát triển ở nước ta.

- Các hoạt động mang tính sự kiện: như liên hoan phim, ảnh, ca nhạc quốc tế, các giải thể thao lớn. Các địa phương, các quốc gia đứng ra đăng cai tổ chức các sự kiện lớn như liên hoan phim, ảnh, nghệ thuật, các giải thể thao lớn, các cuộc triển lãm, những thành tựu kinh tế khoa học kỹ thuật, các hội nghị, hội thảo lớn, các lễ hội điển hình cũng là những đối tượng hấp dẫn du khách là điều kiện tài nguyên

Đối với nước ta tài nguyên du lịch nhân văn có các di chỉ đồ đá: Núi Đọ, Hòa Bình, Bắc Sơn, Hạ Long; di chỉ đồ đồng: Phùng Nguyên, Đông Sơn, Đông Sơn.

Từ thời các Vua Hùng dựng nước đến nay đã sản sinh, lưu giữ và phát huy một hệ thống di tích lịch sử - văn hóa, phong tục tập quán, lễ hội hết sức phong phú, đặc sắc: Khu Đền Hùng và Lễ hội Đền Hùng; Cổ Loa thành và huyền thoại My Châu – Trọng Thủy; Đền thờ Hai Bà Trưng; Cố đô Hoa Lư,... Tài nguyên du lịch nhân văn của nước ta còn được phân theo vùng mang tính đặc sắc riêng: Văn hóa Thăng Long; Văn hóa Huế; Văn hóa Tây Nguyên; Văn hóa Khơ Me – Nam Bộ; Văn hóa Tây Bắc;...

1.2.3.3. Một số tình hình và sự kiện đặc biệt

Có một số tình hình và sự kiện đặc biệt có thể thu hút khách du lịch và là điều kiện đặc trưng để phát triển du lịch. Đó là các hội nghị, đại hội, các cuộc hội đàm dân tộc hoặc quốc tế, các cuộc thi Olympic, các cuộc kỷ niệm tín ngưỡng hoặc chính trị, các đại hội, liên hoan,... Tất cả những hình thức đó đều ngắn ngủi, nhưng đóng vai trò có ích trong sự phát triển du lịch.

1.2.3.4. Sự sẵn sàng đón tiếp du khách

Sự sẵn sàng đón tiếp khách du lịch thể hiện ở 3 nhóm điều kiện chính: các điều kiện về tổ chức, về kỹ thuật và điều kiện về kinh tế. Các điều kiện ấy ảnh hưởng lớn đến việc tiếp đón và phục vụ khách du lịch. Mỗi nhóm điều kiện đều có đặc điểm riêng, mức độ phát triển riêng và điều đó quyết định khả năng phục vụ luồng khách du lịch.

Các điều kiện về tổ chức để có thể sẵn sàng đón tiếp khách du lịch thể hiện ở sự có mặt của các tổ chức và xí nghiệp du lịch chuyên trách. Các tổ chức và xí nghiệp ấy chăm lo đến việc đảm bảo sự đi lại và đảm bảo phục vụ thời gian lưu trú của khách du lịch. Đó là các bộ, ủy ban, tổng cục, ban thanh tra, ban thư ký và các hình thức tổ chức khác nhằm chỉ đạo hoạt động du lịch ở các nước. Những cơ quan và tổ chức ấy là các cơ quan chính thức về du lịch do Nhà nước lập ra để lãnh đạo ngành trong sự chỉ đạo thống nhất của nền kinh tế quốc dân. Họ đại diện cho chính quyền địa phương hoặc trung ương đảm bảo cho sự sẵn sàng thực sự để phục vụ khách du lịch trong vùng hoặc trong cả nước. Hoạt động của các cơ quan đó nhằm soạn thảo và thực hiện các phương sách của chính sách kinh tế trong lĩnh vực du lịch (nâng cao nhận thức về du lịch cho dân tộc, xây dựng tình cảm hữu hảo đối với khách du lịch ngoại quốc, đẩy mạnh và nâng cao lòng yêu tổ quốc của nhân

dân,...) chăm lo đến việc giữ gìn các giá trị thiên nhiên, văn hóa và lịch sử, lãnh đạo trực tiếp việc tổ chức và kinh doanh các xí nghiệp du lịch, tổ chức tuyên truyền và quảng cáo du lịch ở trong và ngoài nước, mở rộng và thúc đẩy các mối quan hệ du lịch quốc tế, tham gia vào các tổ chức quốc tế về du lịch, mở các viện nghiên cứu để dự đoán các vấn đề về du lịch, đào tạo cán bộ cho du lịch...

Các điều kiện về kỹ thuật ảnh hưởng đến sự sẵn sàng đón tiếp khách du lịch trước tiên là các vấn đề về trang thiết bị tiện nghi ở nơi du lịch, việc xây dựng và duy trì cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết,... Đó là cơ sở vật chất kỹ thuật của tổ chức du lịch và cơ sở hạ tầng.

Cơ sở vật chất kỹ thuật của tổ chức du lịch bao gồm toàn bộ nhà cửa và phương tiện kỹ thuật để thỏa mãn nhu cầu thường ngày của khách du lịch như: khách sạn, tiệm ăn, phương tiện giao thông, các khu nhà giải trí, cửa hàng, công viên, đường sá trong khu du lịch, hệ thống thoát nước, mạng lưới điện,... Cơ sở vật chất kỹ thuật còn gồm tất cả những công trình mà tổ chức du lịch xây dựng bằng vốn đầu tư của mình. Tóm lại, cơ sở vật chất kỹ thuật bao gồm tất cả công cụ lao động mà tổ chức du lịch tạo ra để phục vụ hoạt động của mình.

Cơ sở hạ tầng là những phương tiện vật chất không phải do tổ chức du lịch xây dựng nên mà là của toàn xã hội. Đó là hệ thống đường sá, nhà ga, sân bay, bến cảng, đường sắt, công viên của toàn dân, mạng lưới thương nghiệp của khu dân cư gần nơi du lịch, các rạp chiếu phim, nhà hát, viện bảo tàng, các giá trị văn hóa và lịch sử của toàn xã hội,... Cơ sở hạ tầng là cơ sở vật chất kỹ thuật bậc hai đối với du lịch, nó được xây dựng để phục vụ nhân dân địa phương và sau nữa phục vụ cả khách du lịch đến thăm đất nước hoặc vùng du lịch. Đây là cơ sở có tầm quan trọng đặc biệt, vì nó nằm sát ngay nơi du lịch, nó quyết định nhịp độ phát triển du lịch và trong chừng mực nào đó còn quyết định chất lượng phục vụ du lịch. Nói chung các điều kiện kỹ thuật liên quan đến việc sẵn sàng đón tiếp khách du lịch đóng một vai trò quyết định trong sự phát triển du lịch của một đất nước hoặc một vùng.

Các điều kiện kinh tế liên quan đến sự sẵn sàng đón tiếp khách du lịch phải kể đến là việc cung ứng vật tư hàng hóa, lương thực, thực phẩm,... cho tổ chức du lịch và khách du lịch phải thường xuyên. Song song với việc cung ứng đều đặn và

đầy đủ vật tư hàng hóa cho tổ chức du lịch, cần phải quan tâm đến chất lượng và giá cả của hàng hóa vật tư để đảm bảo cho tổ chức du lịch có đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

1.2.4. Một số các điều kiện khác ảnh hưởng đến phát triển du lịch

1.2.4.1. Tổ chức quản lý nhà nước về du lịch và nguồn lao động du lịch

Tổ chức quản lý nhà nước về du lịch và nguồn lao động du lịch là nguồn tài nguyên giữ vai trò quan trọng và mang tính quyết định sự phát triển du lịch của mỗi quốc gia cũng như mỗi địa phương.

Tổ chức quản lý nhà nước về du lịch bao gồm mô hình tổ chức quản lý, các cán bộ quản lý, nội dung, nhiệm vụ và cách thức quản lý sẽ tác động trực tiếp và gián tiếp đến tất cả mọi hoạt động du lịch ở mỗi địa phương cũng như quốc gia.

Ở các địa phương, các quốc gia có bộ máy tổ chức quản lý nhà nước về du lịch ổn định, hợp lý, khoa học, đội ngũ quản lý có chất lượng chuyên môn nghiệp vụ cao, phẩm chất tốt, làm việc hiệu quả, đảm bảo quản lý điều hành, theo dõi giám sát chặt chẽ mọi hoạt động trong ngành Du lịch chắc chắn ngành Du lịch sẽ đạt được hiệu quả cao về nhiều mặt.

Sản phẩm du lịch là sản phẩm hàng hóa đặc biệt có hàm lượng dịch vụ cao. Chất lượng, số lượng, chủng loại sản phẩm du lịch cung cấp cho du lịch phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ ngoại ngữ đặc biệt là phẩm chất người lao động du lịch. Vì vậy số lượng, chất lượng, cơ cấu chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất, cách thức sử dụng nguồn lao động; số lượng, chất lượng đào tạo nguồn lao động sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến số lượng, chủng loại, chất lượng, sản phẩm du lịch cũng như mọi hoạt động của ngành Du lịch.

Vì vậy, mỗi địa phương, mỗi quốc gia muốn ngành Du lịch phát triển đạt hiệu quả cao về nhiều mặt cần có sự quan tâm đầu tư đúng mức và cần có các chiến lược phù hợp, đúng đắn về việc sử dụng, đào tạo, nâng cao đời sống của nguồn lao động du lịch.

1.2.4.2. Điều kiện về mở rộng quan hệ quốc tế hòa bình và hữu nghị

Trong nhiều thập kỉ vừa qua du lịch quốc tế đã có sự phát triển mạnh mẽ xu hướng toàn cầu hóa sản phẩm du lịch và thị trường du lịch ngày càng trở nên rõ nét, các mối quan hệ đa phương, song phương giữa các quốc gia trở thành một điều

kiện hết sức quan trọng để phát triển du lịch. Khách du lịch ở một quốc gia này muốn đến một quốc gia khác để tiêu dùng sản phẩm du lịch thì trước hết phải có mối quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia đó. Mức độ hòa bình và hữu nghị trong mối quan hệ giữa hai quốc gia được thể chế hóa ở các đường lối, chính sách và các ưu đãi ngoại giao mà mỗi quốc gia giành cho nhau. Sự tăng trưởng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam giai đoạn 1990-2002 chứng minh thuyết phục, dẫn chứng bằng số liệu cho thấy so với năm 1990 số du khách quốc tế tăng 9 lần, còn du khách nội địa tăng hơn 10 lần. Du lịch mang lợi cho ngành kinh tế quốc dân năm 2001 là 1,4 tỷ USD bao gồm các khoản thu trực tiếp của tổ chức du lịch và các ngành có liên quan. Tổng cục du lịch cho biết năm 2002 thu nhập toàn ngành đạt 23.500 tỷ đồng. Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam tăng trưởng 11% và khách du lịch nội địa tăng 5% so với năm 2001. Hoạch Thái Lan đã miễn visa cho công dân của 56 nước và công dân của 96 nước khác có thể xin visa vào Thái Lan ngay tại các cửa khẩu. Kết quả là vào những năm 90 của thế kỷ 20 mỗi năm có khoảng 8 triệu lượt khách du lịch quốc tế đến với nước này với doanh thu khoảng 7 tỷ USD. Mối quan hệ quốc tế hòa bình và hữu nghị giữa các quốc gia trước hết phụ thuộc vào thể chế chính trị của quốc gia, đặc điểm của kinh tế thế giới, giao lưu văn hóa giữa các dân tộc. Từ mối quan hệ quốc tế này mà tạo điều kiện thuận lợi dễ dàng an toàn cho chuyên đi của khách, cửa vào mỗi quốc gia được mở rộng. Mối quan hệ này xuất phát từ nhu cầu của con người được sống trong hòa bình, hữu nghị được tự do đi lại để chiêm ngưỡng, thưởng thức các giá trị thẩm mỹ, để học hỏi và cuối cùng là để nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Khi mà mối quan hệ quốc tế hòa bình và hữu nghị được mở rộng sẽ tạo ra du lịch không biên giới làm cho cả cung và cầu du lịch phát triển.

1.2.4.3. Các hoạt động xúc tiến quảng bá phát triển du lịch

Một trong những đặc điểm của sản phẩm du lịch là không vận chuyên để bán cho du khách mà thường được bán tại chỗ. Vì vậy, du khách không thể tiếp xúc trực tiếp cũng như không biết rõ về sản phẩm du lịch khi lựa chọn điểm đến nếu họ thiếu thông tin về điểm đó. Họ quyết định có mua sản phẩm du lịch đó hay không trước chuyến du lịch phụ thuộc rất nhiều vào việc họ biết những thông tin về điểm đến. Vì vậy, hoạt động xúc tiến tuyên truyền quảng bá có ý nghĩa lớn đối

với hoạt động du lịch. Nếu thiếu các hoạt động xúc tiến quảng bá phát triển du lịch, các yếu tố cung và cầu du lịch rất khó gặp nhau. Các hoạt động xúc tiến quảng bá có vai trò lớn trong việc thúc đẩy phát triển các hoạt động du lịch như thu hút đầu tư phát triển du lịch, giáo dục du lịch, bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch, cung cấp các thông tin về điểm đến cho du khách như tài nguyên du lịch, các điều kiện kinh tế - xã hội, các dịch vụ du lịch, giá cả,... Ở các quốc gia có ngành Du lịch phát triển thường quan tâm đầu tư khoảng từ 6 – 8% cho hoạt động xúc tiến phát triển du lịch với nhiều hình thức như in ấn, phát hành miễn phí các ấn phẩm về du lịch, thành lập và duy trì hoạt động của các trung tâm thông tin và các trung tâm xúc tiến phát triển du lịch, các IT kios, tổ chức hội nghị, hội thảo, liên hoan du lịch, xây dựng các chương trình phát thanh truyền hình, lập – duy trì các trang web,...

1.2.4.4. Sản phẩm du lịch

Việc sản xuất và tiêu dùng nhiều sản phẩm của du lịch diễn ra đồng thời vì vậy mà người tiêu dùng không nhìn thấy sản phẩm hàng hóa mà mình mua trước khi dùng. Mặt khác đa số sản phẩm du lịch không tồn tại dưới dạng vật thể vì vậy việc đánh giá chất lượng của sản phẩm ngành du lịch rất khó khăn. Người tiêu dùng thường chỉ có thể biết được chất lượng sản phẩm thông qua việc tiêu dùng mà khó đánh giá được từ trước. Nếu hoạt động kinh doanh du lịch không được tổ chức tốt, việc cung cấp dịch vụ du lịch cho lần trước không phải để quảng bá cho lần sau và không chú ý tạo dựng uy tín, thương hiệu của sản phẩm thì kinh doanh du lịch nói riêng và phát triển du lịch nói chung sẽ dễ dàng, chóng vánh bị đổ vỡ.

Sự co dãn cung cầu của sản phẩm du lịch thường không ổn định. Chẳng hạn du lịch biển về mùa hè thường đông khách hơn mùa đông, các ngày lễ tết, cầu về sản phẩm du lịch cao hơn ngày thường.

Có những sản phẩm du lịch mang đặc trưng của hàng hóa công cộng là phi loại trừ, phi cạnh tranh trong quá trình sử dụng của khách hàng. Chẳng hạn đối với sản phẩm cảnh quan, tiêu dùng của người này không làm ảnh hưởng đến tiêu dùng của người khác, người khách này không thể cấm người khác khác thưởng thức cảnh quan mà họ đi du lịch đồng thời sản phẩm cảnh quan đó không mất đi trong quá trình người đó tiêu dùng.

1.2.4.5. Giá cả hàng hóa

Đây là nhân tố trực tiếp quyết định việc biến nhu cầu du khách thành hiện thực. Hoạt động du lịch của xã hội không thể phát triển nếu lực lượng sản xuất xã hội còn thấp kém, hơn nữa nếu giá cả hàng hóa dịch vụ tăng cao thì cầu về dịch vụ đó sẽ giảm xuống. Đối với sản phẩm du lịch, nơi nào giá cả hàng hóa du lịch thấp thì cầu du lịch đó sẽ tăng lên. Tuy nhiên sự tác động này không hoàn toàn đúng với mọi sản phẩm du lịch (chẳng hạn du lịch chữa bệnh).

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Du lịch là một ngành công nghiệp không khói. Bước vào thế kỷ 21 ngành du lịch ngày càng có những thay đổi rõ ràng, do sự tác động của nhiều yếu tố. Do vậy để phát triển du lịch cần phải có sự thay đổi trong phương pháp quản lý trong phát triển du lịch. Trong quá trình phát triển chúng, ta cần phải thấy được vai trò của các đối tượng, các thành phần và vị trí của nó trong phát triển du lịch của toàn ngành. Xác định được vai trò, vị trí và mối quan hệ giữa chúng với nhau với quá trình phát triển của du lịch có nghĩa là cần phải hiểu được làm thế nào để trong quá trình phát triển du lịch mà ta không làm tổn hại đến các yếu tố trong du lịch như tài nguyên xã hội, nhân văn và tài nguyên thiên nhiên. Do vậy, phần chương 1 của luận văn đã trình bày khái quát về các điều kiện ảnh hưởng tới phát triển du lịch nói chung cũng như vai trò vị trí của chúng trong đối với ngành du lịch. Từ việc nghiên cứu các điều kiện ảnh hưởng tới phát triển du lịch có thể giúp các ban ngành địa phương tiến hành quản lý và quy hoạch tổng thể đối với từng điểm du lịch giúp cho ngành du lịch hoạt động một cách có quy mô và hiệu quả hơn.

CHƯƠNG 2:

TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở HUYỆN GIAO THỦY TỈNH NAM ĐỊNH

2.1. Giới thiệu khái quát huyện Giao Thủy

Vùng đất Giao Thủy được hình thành vào khoảng từ cuối thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVI, thuộc Phủ Thiên Trường, trấn Sơn Nam Hạ, gồm 4 tổng: Hoàn Thu, Hà Cát, Quất Lâm, Lạc Thiện. Do phù sa sông Hồng bồi tụ, đất đai của huyện ngày càng được mở rộng hướng ra phía biển Đông. Hơn 500 năm qua, các thế hệ người Giao Thủy cùng với các cư dân đến từ Xuân Trường nối tiếp nhau quai đê lấn biển, khai hoang lập ấp hình thành nên những miền quê phì nhiêu trù phú, có những xã lịch sử hình thành chưa đầy 200 năm nhưng các xã thuộc tổng Lạc Thiện chỉ mới được hình thành từ cuối thế kỷ XIX.

Năm 1967, Giao Thủy được sáp nhập với Xuân Trường và được mang tên là huyện Xuân Thủy. Ngày 01/04/1997, huyện Giao Thủy được tái lập theo Nghị định 19/1997/NĐ-CP của Chính phủ. Hiện nay, huyện có 20 xã và 2 thị trấn?: Giao Hà, Giao Xuân, Giao Thiện, Giao Hương, Hồng Thuận, Hoàn Sơn, Giao Thanh, Giao Nhân, Giao Châu, Giao Tiến, Giao Yên, Giao Tân, Bạch Long, Giao Long, Giao Phong, Giao Thịnh, Giao Lạc, Giao An, Bình Hòa, Giao Hải. Thị trấn Ngô Đồng là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa. Thị trấn Quất Lâm là trung tâm kinh tế, văn hóa và du lịch biển.

Trong 5 năm trở lại đây (2005 – 2010) mặc dù gặp nhiều khó khăn do tình hình an ninh nông thôn có thời kỳ diễn biến phức tạp, song Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Giao Thủy luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, vượt lên khó khăn, thử thách, tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, của tỉnh, phát huy nội lực, khai thác các tiềm năng thế mạnh của huyện để phát triển kinh tế - xã hội và đã thu được những thành tựu quan trọng. Nền kinh tế của huyện phát triển tương đối toàn diện và vững chắc. Nhịp độ tăng trưởng bình quân 5 năm (2001 – 2005) là 7,42%/năm. Bộ mặt nông thôn không ngừng đổi mới, đời sống nhân dân từng bước cải thiện và nâng cao. Lĩnh vực văn hóa – xã hội liên tục có nhiều khởi sắc. Hệ thống giáo dục – đào tạo phát triển mạnh có thể đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực có

trình độ học vấn, kỹ thuật và tay nghề dần đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông thôn. Hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được xây dựng và củng cố vững chắc, quốc phòng – an ninh được bảo đảm là những điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Các điều kiện phát triển cung du lịch ở huyện Giao Thủy

2.2.1. Các điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên

2.2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Giao Thủy là một trong 3 huyện ven biển của tỉnh Nam Định, diện tích tự nhiên 328,18 km², là khu vực đồng bằng tương đối bằng phẳng, nằm trong hành lang trọng điểm của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, cạnh hai cửa sông lớn là cửa Ba Lạt và Hà Lạn. Giao Thủy nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Nam Định, có tọa độ địa lý từ 20⁰10' đến 20⁰21' vĩ độ Bắc và từ 106⁰21' đến 106⁰35' kinh độ Đông. Cách thành phố Nam Định 45km, với trục giao thông chính là quốc lộ 21 và đường tỉnh lộ 489, 481 chạy qua.

Phía Đông – Bắc giáp với tỉnh Thái Bình

Phía Tây Bắc giáp với huyện Xuân Trường

Phía Tây giáp với huyện Hải Hậu

Phía Nam – Đông Nam giáp với biển Đông.

Huyện Giao Thủy có đầy đủ giao thông thủy và bộ đảm bảo cho phát triển kinh tế - xã hội, khoa học – kỹ thuật trong tỉnh và cả nước.

- Địa hình: Huyện Giao Thủy có địa hình tương đối bằng phẳng có xu hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam, có thể chia thành hai vùng chính là vùng nội đồng và vùng bãi bồi ven biển, đất đai của huyện nhìn chung màu mỡ tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng trọt, với 32 km bờ biển, ngư trường rộng lớn, sinh vật đa dạng, bãi biển đẹp tạo điều kiện thuận lợi cho ngành thủy sản và ngành du lịch. Địa tầng khu vực khảo sát nằm trong vùng có cấu trúc địa chất đơn giản bao gồm các trầm tích sông, hồ, đầm lầy, trầm tích biển.

- Khí hậu huyện Giao Thủy mang đầy đủ những thuộc tính cơ bản của khí hậu miền Bắc. Đó là khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, có mùa đông khá lạnh, ít mưa; mùa hè nóng, nhiều mưa, có 4 mùa rõ rệt. Đặc điểm khí hậu khu vực là sự khác biệt giữa hai mùa (mùa hè và mùa đông) trong năm, nhiệt độ trung bình mùa

hè: 27,8⁰C, mùa đông là: 19,5⁰C. Nhiệt độ trung bình năm 2008 là 24,2 ⁰C, tháng nóng nhất là tháng 7 và lạnh nhất là tháng Giêng. Biên độ dao động ngày đêm của nhiệt độ tương đối nhỏ.

2.2.1.2. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Thiên nhiên đã ban tặng cho Giao Thủy một nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú và hấp dẫn với các loại hình du lịch có thể khai thác như: tắm biển, nghỉ dưỡng, tham quan thắng cảnh, du lịch sinh thái... bờ biển trải dài 32km với bãi tắm Quát Lâm nổi tiếng được nhiều du khách biết đến. Khu du lịch biển Quát Lâm thuộc thị trấn Quát Lâm huyện Giao Thủy có quy hoạch rộng 58ha, chính thức được khai thác từ năm 1999. Tại đây có bãi tắm đẹp và khu khách sạn, có các dịch vụ hồ bơi, ao cá, khu bơi thuyền,... So sánh các chỉ tiêu về độ mịn bãi cát, chiều cao của sóng, độ dốc của bờ biển cho thấy những bãi cát này có chất lượng rất tốt. Lợi thế hơn hẳn các bãi tắm của Giao Thủy là rất hoang sơ, môi trường trong sạch lại nằm cạnh một vùng cảnh quan đã được công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới, tham gia Công ước Ramsar. Bãi tắm Quát Lâm – Giao Phong cùng với khu vực, bãi bồi và đồng muối rộng lớn thuộc thị trấn Quát Lâm và xã Giao Phong tạo điều kiện để phát triển thành một khu du lịch biển quy mô lớn. Không những thế, vùng biển này còn có nhiều tôm, nghêu, và các hải sản khác. Đến đây, không chỉ được tắm biển mà du khách còn được thưởng thức các món ăn đặc sản từ biển với giá thật hấp dẫn. Bên cạnh đó, ở Quát Lâm hiện nay đã phát triển nhiều loại hình dịch vụ giải trí và dân có chỗ đứng trong hệ thống các bãi biển ở khu vực phía Bắc. Ngày càng nhiều du khách tìm đến Quát Lâm cho những ngày cuối tuần và các kỳ nghỉ. Sự đa dạng về cảnh quan thiên nhiên là một thuận lợi lớn để tạo ra tính đặc trưng độc đáo cho du lịch Giao Thủy. Quát Lâm đã thu hút nhiều thành phần kinh tế đến đầu tư xây dựng. Trong tương lai, Quát Lâm sẽ trở thành khu đô thị biển sầm uất của tỉnh Nam Định.

- Hệ sinh thái Vườn Quốc gia Xuân Thủy: nằm ở huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định cách Hà Nội khoảng 150km về hướng Đông Nam. Tháng 01/1989, khu bãi bồi ở phía Nam cửa sông Hồng thuộc huyện Xuân Thủy (tỉnh Nam Định) được UNESCO công nhận chính thức gia nhập công ước Ramsar (Công ước bảo tồn những vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt như là nơi cư trú của

những loài chim nước Ramsar, Iran, 1971). Đây là khu Ramsar thứ 50 của thế giới, đầu tiên của khu vực Đông Nam Á và duy nhất của Việt Nam suốt 16 năm (đến năm 2005, Việt Nam mới có khu Ramsar thứ 2 là khu Bàu Sấu của Vườn Quốc gia Cát Tiên). Năm 1992, Ủy ban nhân dân huyện Xuân Thủy thành lập Trung tâm tài nguyên môi trường thuộc huyện, nhằm giúp Chính phủ thực hiện tốt cam kết quốc tế về quản lý bảo tồn Khu Ramsar Xuân Thủy. Năm 1993, ngành Lâm nghiệp đã đề xuất xây dựng Khu Ramsar Xuân Thủy trở thành Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Xuân Thủy, thuộc hệ thống các Vườn quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam. Ngày 19/01/1995, Bộ Lâm nghiệp đã quyết định phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Xuân Thủy. Từ đó trở đi Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Xuân Thủy chính thức được thành lập, Khu bảo tồn trực thuộc Chi cục Kiểm lâm Nam Hà (nay là tỉnh Nam Định). Ngày 02/01/2003, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định chuyển hạng Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Xuân Thủy thành Vườn quốc gia Xuân Thủy. Tháng 10/2004, UNESCO công nhận Khu dự trữ sinh quyển thế giới liên tỉnh đồng bằng ven biển châu thổ sông Hồng. Trong đó, Vườn quốc gia Xuân Thủy là vùng lõi có tầm quan trọng đặc biệt của Khu dự trữ sinh quyển thế giới này. Ngay từ ngày bắt đầu tham gia các Công ước quốc tế Ramsar, cộng đồng quốc tế đã có sự quan tâm đặc biệt nhằm trợ giúp cho sự nghiệp bảo tồn và phát triển tài nguyên môi trường ở khu vực.

Sau khi thành lập Vườn quốc gia Xuân Thủy có nhiệm vụ như: bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước điển hình của vùng cửa sông Hồng, các loài động, thực vật đặc trưng của hệ sinh thái đất ngập nước, đặc biệt là các loài thủy sinh và chim di trú, chim nước phục vụ cho nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và phát triển du lịch sinh thái, góp phần tạo công ăn việc làm và tích cực phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Vườn quốc gia Xuân Thủy được coi là điểm du lịch sinh thái độc đáo, đạt được 3 điều nhất đó là: “Đa dạng sinh học cao nhất, năng suất sinh học lớn nhất và cũng là hệ sinh thái nhạy cảm nhất”. Đây là điểm du lịch có sức hấp dẫn khách tham quan du lịch trong nước và quốc tế đặc biệt là vào mùa đông – mùa chim di trú. Hàng năm khu du lịch này đã đón nhiều đoàn khách du lịch trong nước và

quốc tế (chủ yếu là các nhà khoa học, học sinh, sinh viên các trường đại học cao đẳng...) về tham quan nghiên cứu hệ sinh thái mang tính đặc trưng của vùng đất ngập nước cửa sông ven biển Bắc Bộ.

Vườn quốc gia Xuân Thủy là một vùng bãi bồi ngập nước rộng lớn nằm ở phía Nam cửa sông Hồng; bao gồm một phần Cồn Ngạn (ở phía ngoài đê Vành Lược), toàn bộ Cồn Lu và Cồn Xanh thuộc huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định có tổng diện tích tự nhiên là 7100 ha. Vùng đệm Vườn quốc gia Xuân Thủy bao gồm phần còn lại của Cồn Ngạn (ở phía trong đê Vành Lược), toàn bộ Bãi Trong và diện tích tự nhiên của 5 xã: Giao Thiện, Giao An, Giao Lạc, Giao Xuân và Giao Hải. Tổng diện tích của vùng đệm là 7300ha.

- Địa hình: Vườn quốc gia Xuân Thủy có địa hình tự nhiên được kiến tạo bởi quy luật bồi lắng phù sa của vùng cửa sông ven biển. Các bãi sa bồi rộng lớn nằm xen kẽ với các dòng sông tạo nên cảnh quan tự nhiên đặc thù của khu vực. Vật liệu cấu thành nên các bãi bồi gồm cả sét lẫn cát, đã định hình nên các đầm lầy (là nơi sinh trưởng của rừng ngập mặn, cũng là nơi ăn nghỉ của những loài chim nước và chim di trú). Phù sa biển hình thành nên các giồng cát cao ở má ngoài Cồn Lu (là nơi quần tụ của rừng phi lao chắn sóng, đồng thời là nơi cư trú của nhiều loài chim bản địa). Phù sa màu mỡ của sông Hồng – con sông lớn nhất miền Bắc cùng với điều kiện tự nhiên trời phú đã tạo nên sự giàu có bậc nhất của tài nguyên môi trường ở khu vực về các giá trị sinh học và các loại hình dịch vụ kinh tế khác. Đây cũng chính là những tiềm năng phong phú đáp ứng hữu hiệu cho việc thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế - xã hội của vùng nhằm sử dụng khôn khéo tài nguyên đất ngập nước, phát triển nghiên cứu khoa học và du lịch sinh thái...

Vườn quốc gia Xuân Thủy có tài nguyên thiên nhiên rất phong phú và đa dạng, là tiềm năng to lớn và quý giá để phát triển du lịch.

- Thực vật:

Khu Ramsar có hệ thực vật khá phong phú và đa dạng. Thành phần thực vật bậc cao có mạch Vườn quốc gia Xuân Thủy có các ngành: Khuyết thực vật – Psilotophyta (6 loài); Thực vật hạt kín – Angiospermae (109 loài); Thực vật hai lá mầm – Dicotyledones (85 loài); Thực vật một lá mầm – Monocotyledones (34 loài). Tuy nhiên thành phần họ và chi thực vật rất đa dạng so với tổng số loài, với

chỉ có 116 loài nhưng đó là sự đóng góp của 42 họ, 99 chi thực vật. Có tới 24 họ chỉ có 1 loài trong họ, 6 họ có 2 loài, 4 họ có 3 loài, 2 họ có 4 loài, 6 họ còn lại có từ 5 loài trở lên. Họ có số loài lớn nhất là Họ Cỏ (Poaceae) 18 loài, sau đó là Họ Cúc (Compositae) 14 loài, họ Cói (Cyperaceae) 10 loài và họ Đậu (Leguminosae) 8 loài. Đối với các loài cây gỗ ở rừng ngập mặn thường mọc tự nhiên thuần loài hoặc nếu được trồng thì cũng thuần loài nên chúng càng nghèo về thành phần loài. Vườn quốc gia Xuân Thủy có 14 loài cây gỗ trong đó chỉ có 6 loài tham gia vào rừng ngập mặn và rừng phi lao, tập trung đó là các loài: Mắm biển, Sú, Vẹt dù, Trang, Đước và Phi lao.

Từ kết quả điều tra sơ bộ cho thấy ở đây có trên 120 loài thực vật bậc cao có mạch, trong đó có gần 20 loài thích nghi với điều kiện sống ngập nước, cấu thành rừng ngập mặn rộng trên 3000ha. Có những loài thực vật chính tiêu biểu cho hệ sinh thái rừng ngập mặn như cây Trang (*Kandelia obovata*), Sú (*Aegiceras corniculata*), Bần chua (*Sonneratia caseolaris*), Mắm biển (*Avicennia marina*), Cóc kèn (*Derris trifolia*)... Ngoài những giá trị bảo tồn cao, rừng ngập mặn ở đây góp phần cố định phù sa để tạo nên các cồn bãi mới, còn là nơi ươm giống, cung cấp thức ăn và môi sinh yên lành cho các loài động vật thủy sinh tồn tại và phát triển bền vững.

Thực vật nổi có 57 giống với 111 loài, trong đó có nhiều loài rong tảo có giá trị kinh tế cao, đặc biệt có loài rong câu chỉ vàng (*Gracilariabodgettii*) dùng làm nguyên liệu chế biến xuất khẩu. Các sinh cảnh chính thường gặp là: rừng ngập mặn (64,6%); bãi sậy và cói (67,4%); bãi bồi và cồn cát trồng (55,1%), rừng phi lao (42,2%).rừng phi lao.

Trải dài trên các giồng cát ở Cồn Lu có gần 100ha. (*Phụ lục 2*)

- Động vật: Hệ động vật của vườn cũng rất phong phú và đa dạng bao gồm động vật nổi, động vật đáy và động vật rừng, vườn còn có trên 500 loài động vật thủy sinh. Trong đó, động vật nổi có 104 loài, gồm 46 loài cá, 23 loài giáp xác. Động vật đáy có trên 200 loài, nhiều loài gan tơ và nhuyễn thể, trong đó có nhiều loài có giá trị kinh tế như tôm, cua bể, nghêu, ngao,... Động vật rừng có hai lớp chim và thú:

Lớp chim:

Theo điều tra bước đầu của Birdlife international ở Vườn quốc gia Xuân Thủy đã gặp 219 loài chim thuộc 41 họ 13 bộ. Khu hệ chim ở đây tiêu biểu là các loài bộ Hạc, bộ Ngỗng, bộ Rẽ và bộ Sẻ.

Trong 13 bộ chim ở khu vực, bộ Sẻ chiếm số lượng nhiều nhất tới 40% sau đó là bộ Rẽ, bộ Hạc, bộ Sếu và bộ Sả. Bộ Chim Lặn chỉ có hai loài. Nếu so sánh với danh lục các loài chim Việt Nam ở Vườn quốc gia Xuân Thủy có:

- + 219 loài bằng 26,5% của tổng số loài chim cả nước 828 loài
- + 41 họ bằng 50,61% tổng số họ chim cả nước 81 họ
- + 13 bộ bằng 68,42% tổng số bộ chim cả nước 19 bộ.

Như vậy sự đa dạng của khu hệ chim ở Vườn quốc gia Xuân Thủy là tương đối cao nếu so sánh với Vườn quốc gia khác.

Những loài chim quý hiếm được ghi vào sách đỏ quốc tế thường gặp là: Cò thìa (*Platalea minor*, *P.leucorodia*); Bò nông (*Penecanus philippensis*), Cò trắng Trung Quốc (*Egretta eulophotes*), Mòng bể mỏ thìa (*Erynorhynchus pygmeus*), Choắt chân màng lớn (*Limodromus simepalmatus*), Te vàng (*Vanellus cinereus*).

Hai loài Cò thìa và Mòng bể mỏ ngắn được coi là đỉnh của chuỗi dinh dưỡng đã có mặt khá đông ở Vườn quốc gia Xuân Thủy. Có thời điểm loài Cò thìa đã chiếm tới 20% số cá thể còn lại của thế giới. Loài Choi chơi mỏ thìa là loài cực hiếm hầu như chỉ có thể thấy ở Vườn quốc gia Xuân Thủy. Có lúc đã phát hiện trên 20 cá thể. Những năm gần đây chỉ còn thấy dăm ba cá thể vào mùa di trú.

Trong số 219 loài chim, có tới 150 loài di trú và gần 50 loài chim nước. Những loài chim nước và chim di cư có số lượng cá thể đông nhất, vào mùa di trú có thể gặp 30 đến 40 ngàn con (Tiêu chí của một vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế chỉ là: 20.000 con).

Hàng năm vào mùa đông (từ tháng 11,12 năm trước đến tháng 3,4 năm sau) chim di trú từ Xiberi, Hàn Quốc, Bắc Trung Quốc di cư tránh rét xuống phía Nam, Vườn quốc gia Xuân Thủy là ga chim quan trọng trong chu trình di cư của nhiều loài chim. Đến Vườn quốc gia Xuân Thủy chim di trú dừng chân để nghỉ ngơi và tích lũy năng lượng cho hành trình di cư dài hàng ngàn km của mình. Khi mùa xuân ấm áp chim lại từ phía Nam (Australia, Malaysia, Indonexia) trở về nơi sinh sản (khoảng tháng 3,4) lại dừng chân ở Xuân Thủy. Có những loài đã trú đông ở

Xuân Thủy khá dài, như Cò thià (từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau). Vườn quốc gia Xuân Thủy cũng là địa điểm lý tưởng của nhiều loài chim định cư. Chính vì vậy Vườn quốc gia Xuân Thủy có ý nghĩa rất quan trọng đối với công cuộc bảo tồn các loài chim, bao gồm cả chim bản địa và đặc biệt quan trọng đối với dòng chim di trú quốc tế.

Lớp thú:

Theo điều tra sơ bộ có khoảng chục loài thú ở trên cạn là các loài: Dơi, chuột, cầy, cáo...; ở dưới nước có 3 loài quý hiếm là: Rái cá (*Lutra lutra*), cá heo (*Lipotes vexilifer*) và cá đầu ông sư (*Neophocaera phocaenoides*). Cá heo thường gặp vào mùa mưa bão (từ tháng 8 đến tháng 10 hàng năm).

• Ngoài ra Vườn quốc gia Xuân Thủy còn có hàng trăm loài bò sát và lưỡng cư, côn trùng cũng rất phong phú tạo nên bức tranh về đa dạng sinh học rất độc đáo và vô giá. Số liệu về đa dạng sinh học của các lớp Bò sát và Lưỡng cư được điều tra sơ bộ là 27 loài, côn trùng có 112 loài.

• Tài nguyên thủy sản:

- Thực vật thủy sinh:

Thành phần rong biển ở khu vực khác nhau về tình trạng phát triển. Các loài rong có giá trị kinh tế thuộc hai ngành rong đỏ và rong xanh, tiêu biểu là rong câu chỉ vàng (*Gracilaria bodgettii*). Trong các thủy vực của vùng cửa sông có lau sậy, cói và rong tảo. Đa số rong tảo là nguồn thức ăn quan trọng của tôm cá và các loài động vật thủy sinh khác.

Theo số liệu của Sở thủy sản, mùa khô 1996 có kết quả thu mẫu của 37 loài thuộc 4 ngành tảo như sau:

Ngành tảo Silic (*Bacillariophyta*): 15 chi, 27 loài, chiếm 73%

Ngành tảo Giáp (*Pirophy*): 2 chi, 4 loài, chiếm 10,8%

Ngành tảo Lam (*Cyanophyta*): 2 chi, 3 loài, chiếm 8%

Ngành tảo Lục (*Chlorophyta*): 3 chi, 3 loài, chiếm 8%

Hai chi có số loài cao thuộc ngành tảo Silic, các chi còn lại chỉ chiếm từ 1 đến 2 loài.

Kết quả thu mẫu mùa mưa (1996) được 40 loài theo tỷ lệ:

Ngành tảo Silic: 15 chi, 3 loài, chiếm 75%

Ngành tảo Giáp: 1 chi, 5 loài, chiếm 12,5%

Ngành tảo Lam: 2 chi, 2 loài, chiếm 2%

Ngành tảo Lục: 3 chi, 3 loài, chiếm 7,5%

Số tảo Giáp, Lục, Lam không có giá trị làm thức ăn cho thủy hải sản chiếm 25% tổng số loài.

Mặc dù số loài phát hiện ở trên còn thấp nhưng lại có mặt nhiều loài ưu thế ở vùng cửa sông ven biển, ngành tảo Silic chiếm tỷ lệ lớn tạo lên sinh khối lớn làm thức ăn phong phú cho các loài động vật thủy sinh.

Mật độ tế bào trung bình trong mùa mưa và mùa khô là: Mùa mưa: 140.370 tế bào/m³ nước, mùa khô: 2.275.644 tế bào/m³ nước. Như vậy có sự chênh lệch lớn giữa mùa khô và mùa mưa. Mùa mưa mật độ tế bào cao gấp 16 lần mùa khô. Đặc biệt là tảo *Thalassiothrix* có mật độ cá thể cao và xuất hiện phổ biến ở tất cả các trạm thu mẫu.

- Động vật nổi:

Đóng vai trò quan trọng vùng cửa sông Hồng bao gồm 165 loài của 14 nhóm chính như: Copepoda, Cladocera, Siphonophora, Chaetognatha, Nauphius.

Tất cả các nhóm phù du động vật ở sông Hồng đều rộng muối và rộng nhiệt, bắt nguồn từ biển nhiệt đới thích nghi với dao động lớn của độ muối ở môi trường cửa sông và mật độ của chúng cũng dao động rất lớn tùy theo các điều kiện cụ thể của môi trường.

Định tính: (Kết quả của Sở thủy sản 1996)

Về mùa khô: thu được 33 loài, thuộc 7 nhóm. Chiếm ưu thế là Copepoda với 19 loài, chiếm 57,5%.

Về mùa mưa: thu được 42 loài, thuộc 7 nhóm, nhóm Copepoda chiếm ưu thế 27 loài, chiếm 64,3%.

Định lượng:

Sự phân bố cá thể động vật nổi chịu sự chi phối của độ muối là yếu tố giới hạn chủ yếu đối với sự xâm nhập của các loài động vật nổi vào vùng cửa sông và kiểm soát sự phát triển về số lượng của chúng. Về mùa khô mật độ cá thể đạt mức hàng chục ngàn con/m³ nước. Về mùa mưa mật độ cá thể giảm xuống dưới 1000con/m³. Nhìn chung mật độ cá thể giảm quá nửa. Riêng cửa Ba Lạt giảm chỉ còn 6%. Dù là

mùa mưa hay mùa khô, giáp xác chân chèo vẫn là nhóm có lượng cá thể cao nhất, tạo nên sinh khối lớn, làm nguồn thức ăn phong phú cho các loài động vật khác trong vùng.

- Động vật đáy:

Thành phần động vật đáy tương đối phong phú, đã phát hiện 154 loài, thuộc các nhóm phổ biến như Polychaeta, Mollusca và Crustacea. Mùa khô chiếm 78%, mùa mưa chiếm 59% số loài đã gặp. Trong đó có một số loài có giá trị kinh tế cao như: Ngao (*Meretrix Iusoria*), Vẹm (*Macra quadrangularis*), Cua rềm (*Scylla serrata*), Ghẹ (*Portunus penaeus*), Tôm he (*Penaeus Merguiensis*), Tôm rảo (*Metapenna ensis*), Tôm vàng (*Metapenna soyneri*). Gần đây Tôm sú (*Penaeus monodon*) đã được đưa vào nuôi có giá trị kinh tế khá cao, bổ sung cho cơ cấu loài hải sản đặc sản của vùng.

Về định lượng của động vật đáy cỡ nhỏ thuộc nhóm giun nhiều tơ, ấu trùng, nhuyễn thể ở giai đoạn bám, ấu trùng giáp xác sống đáy với kết quả như sau:

Mùa khô: 2.400 cá thể/m³ nước (trung bình)

Mùa mưa: 450 cá thể/m³ nước (trung bình)

- Cá: vào những năm 1980 đã thống kê được 156 loài, năm 2002 điều tra sơ bộ thấy 107 loài thuộc 12 bộ, 44 họ, có trên 40 loài cá có giá trị kinh tế, sản lượng cá đạt khoảng 4000 tấn/ năm. Một số loài có giá trị cao như: Cá Vược (*Lates calcarifer*), Cá Bớp (*Bostrichthys sinensis*), Cá Đồi (*Mugil nepalensis*), Cá Dưa (*Muraenesox cinereus*), Cá Nhệch (*Pisodonophifboro*), Cá Tráp (*Taius tumifrons*).

- Về mặt số lượng các loài cá trên chiếm tỷ lệ khá lớn. Tuy nhiên thời gian gần đây bị suy giảm do bị khai thác quá mức.

• Các đặc sản của địa phương:

- Hải sản: Đối với du lịch biển, ngoài việc tắm biển thưởng ngoạn cảnh quan thiên nhiên, hít thở không khí trong lành thì việc thưởng thức các món ăn chế biến từ hải sản cũng là nhu cầu và mục tiêu của chuyến đi. Giao Thủy có nhiều món ăn ngon nổi tiếng được chế biến từ hải sản như: Ngao, cua biển, tôm sú, mực, sò huyết, cá thu, cá vược,... và nhiều món ăn mang hương vị của biển đó là: Nôm sứa, nem hải sản,...

- Các đặc sản khác từ nông nghiệp như: gạo nếp, gạo tám thơm, rượu Thúc Hóa, nước mắm Sa Châu,...

2.2.2. Các điều kiện kinh tế xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn

2.2.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội:

Theo số liệu tổng điều tra dân số và nhà ở 01/04/2009, dân số huyện Giao Thủy 188.903 người (trong đó, nam 93.613 người, nữ 95.290 người). Đại bộ phận người dân sống ở nông thôn 174.312 người, chiếm 92,27% dân số toàn huyện. Dân thành thị 14.591 người, chiếm 7,73% dân số toàn huyện. Mật độ dân số toàn huyện khá cao so với nhiều địa phương trong tỉnh (842 người/km²). Năm 2009, toàn huyện có khoảng 96.003 lao động, chiếm 50,82% tổng dân số. Đây là lực lượng lao động dồi dào tham gia vào nhiều lĩnh vực sản xuất kinh tế của huyện.

Những năm qua, nhờ có sự đổi mới về cơ chế quản lý và chính sách kinh tế của Nhà nước, cùng với sự chỉ đạo của Đảng bộ, chính quyền, kinh tế huyện Giao Thủy ngày một phát triển, duy trì nhịp độ tăng trưởng cao. Trong 4 năm (2006-2009) kinh tế phát triển khá, giá trị tổng sản phẩm tăng bình quân 10,56%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng giá trị và thu nhập, giảm tỷ trọng nhóm ngành nông – lâm – ngư nghiệp; năm 2009 tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ chiếm 51,32%, tỷ trọng ngành nông – lâm – ngư nghiệp còn 48,68%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2009 đạt 8,5 triệu đồng/người/năm.

Kết cấu hạ tầng: Hoàn thành việc bàn giao lưới điện nông thôn cho ngành điện quản lý, 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia. Hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng qua nhiều năm đang phát huy tác dụng: trên địa bàn huyện có 46,4km tỉnh lộ, 19km huyện lộ, 761km đường trục xã, liên xã, đường thôn xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa. Hiện tại chỉ còn 5% đường thôn xóm chưa được nâng cấp. Bưu chính viễn thông thường xuyên nâng cao chất lượng dịch vụ. Mạng lưới viễn thông phủ sóng toàn huyện với chất lượng sóng tốt, 100% số xã có điểm bưu điện văn hóa xã, 32,7% số hộ sử dụng điện thoại cố định và hàng vạn điện thoại di động, đáp ứng yêu cầu về thông tin liên lạc của xã hội.

Sự nghiệp giáo dục – đào tạo được quan tâm, giữ vững thành tích đơn vị tiên tiến xuất sắc đứng trong tốp đầu của ngành giáo dục – đào tạo tỉnh Nam Định. Phong trào xây dựng nhà văn hóa xóm, xây dựng cơ quan, gia đình văn hóa phát

triển mạnh và mang lại hiệu quả thiết thực: 38% số xóm, tổ dân phố có nhà văn hóa; 36% số xóm (tổ dân phố) đạt tiêu chuẩn “Làng văn hóa”; 61 trường học, 28 cơ quan, 20 trạm y tế được công nhận có nếp sống văn hóa; số gia đình văn hóa năm 2009 chiếm 61,83% tổng số hộ gia đình toàn huyện. Cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường về số lượng và nâng cao chất lượng :18/22 xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Bệnh viện đa khoa trung tâm huyện được đầu tư nâng cấp với số kinh phí hàng chục tỷ đồng, số giường bệnh năm 2009 đạt 190 giường, tăng 40 giường so với năm 2005. Bình quân có 4,2 bác sỹ/1 vạn dân (tăng 2,1 bác sỹ/1 vạn dân so với năm 2005). 100% số xóm và tổ dân phố có cán bộ y tế.

Tích cực giải quyết việc làm cho người lao động. Tạo việc làm mới bình quân 4.000 lao động/ năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 35%. Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2009 còn 5,93%.

Phát triển du lịch huyện Giao Thủy bên cạnh việc tạo hiệu quả to lớn về kinh tế như tăng thu nhập và nâng cao mức sống của người dân địa phương cũng cần quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường bao gồm cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của khu vực.

Có thể khẳng định rằng đối với xã hội, du lịch có vai trò giữ gìn, phục hồi sức khỏe và tăng cường sức sống cho người dân. Đối với cộng đồng dân cư địa phương, du lịch có tác dụng tạo điều kiện cho họ được tiếp xúc với các nền văn hóa mới, giúp họ thu hẹp khoảng cách giữa các cộng đồng người khiến họ trở nên ân cần, thân thiện với nhau hơn. Qua hoạt động du lịch để tăng cường tinh đoàn kết cộng đồng, nâng cao dân trí, phát huy những đức tính tốt đẹp mang bản chất người như giúp đỡ, tương trợ, chân thành với nhau.

Phát triển du lịch cũng góp phần nâng cao dân trí cho cộng đồng địa phương thông qua việc trích nguồn thu từ hoạt động du lịch để cải thiện, nâng cao cơ sở hạ tầng xã hội, y tế, giáo dục cho địa phương. Nguồn thu ngân sách đã góp phần quan trọng trong việc cải tạo và nâng cấp hệ thống trường học , lớp học và các trang thiết bị cơ bản phục vụ sự nghiệp giáo dục đào tạo của địa phương.

Mức sống của cộng đồng dân cư sẽ được nâng cao hơn: Trong những năm tới hoạt động du lịch của huyện Giao Thủy sẽ góp phần tăng thu nhập cho người dân ở đây, cơ cấu lao động của vùng đang chuyển đổi dần theo hướng tăng nhanh số

lượng lao động tham gia phục vụ du lịch, chất lượng của đội ngũ này cũng đang từng bước được cải thiện.

Về công tác đảm bảo an ninh – trật tự an toàn xã hội: trong những năm qua tại địa bàn huyện Giao Thủy hầu như không xảy ra điểm nóng, tình hình trật tự an toàn xã hội được giữ vững, các vụ tranh chấp đều được nhanh chóng giải quyết kịp thời. Trật tự an toàn luôn được đảm bảo. Đây là một chuyển biến tích cực của chính quyền địa phương nhằm từng bước loại bỏ những vấn đề xã hội tiêu cực nảy sinh từ hoạt động phát triển du lịch như mại dâm, ăn xin, trẻ em lang thang chèo kéo khách du lịch,...

Bên cạnh những tác động tích cực, hoạt động du lịch cũng đã có những ảnh hưởng tiêu cực nhất định đến môi trường xã hội của vùng. Trước hết, du lịch đã làm tăng dần khoảng cách về mức sống của người dân trong vùng. Theo số liệu điều tra, thu nhập trung bình của người dân trong vùng chỉ bằng khoảng 1/7 thu nhập trung bình của nhóm người dân được tham gia dịch vụ du lịch ở khu vực thị trấn Quất Lâm. Đây là vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển du lịch tại các điểm du lịch trong địa bàn huyện.

Tình trạng cò mồi, chèo kéo khách hiện nay, đặc biệt ở khu vực bãi tắm cũng đang là nguyên nhân gây nên những xung đột trong bản thân cộng đồng sống trong vùng. Nếu vấn đề này không được giải quyết sẽ tạo nguy cơ tiềm ẩn tạo nên sự rạn nứt trong cộng đồng vốn rất gắn kết trước đây khi du lịch còn ít phát triển.

2.2.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

Giao Thủy là vùng đất mới, có lịch sử hình thành khoảng 500 năm, mang đặc trưng của văn hóa lúa nước đồng bằng sông Hồng. Người dân Giao Thủy từ bao đời nay kiên cường trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên, vật lộn với biển khơi, miệt mài quai đê lấn biển, khai hoang lập ấp hình thành nên những làng quê trù phú. Tinh thần cố kết cộng đồng, tình làng nghĩa xóm rất bền chặt. Giao Thủy có 3 tôn giáo chính là đạo Phật, đạo Thiên Chúa và đạo Tin lành. Trên địa bàn huyện có hàng chục di tích lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng cùng nhiều công trình tôn giáo có kiến trúc độc đáo sẽ là những địa chỉ thú vị đối với khách tham quan.

Với truyền thống canh tác “lúa lán cói, cói lán vẹt, vẹt lán biển”, những nét sinh hoạt văn hóa mang đậm dấu ấn của nền văn minh lúa nước như chèo cổ, châu

văn, bơi chải. múa lân, chọi gà hay đấu vật,...trong các dịp lễ hội cùng với sinh hoạt thường nhật của cộng đồng. Đặc biệt du khách đến đây sẽ được nghe những làn điệu dân ca do chính người dân địa phương biểu diễn như “Sắp cỗ phong”, “Hát mời trâu”, “Hát giã gạo”,...

Văn hóa phi vật thể ở đây bao gồm hệ thống kiến trúc truyền thống đan xen hòa quyện với các công trình kiến trúc hiện đại như nhà Bồi, nhà thờ, cảng cá, chợ chiều, khu thị tứ sầm uất, các điểm sản xuất nước mắm truyền thống, các sản phẩm du lịch độc đáo,...cùng với tấm lòng rộng mở của người dân miền biển quen đối diện với biển trời bao la...

Nhà Bồi: xã Giao Xuân huyện Giao Thủy còn có những ngôi nhà bồi – nhà đặc trưng của vùng đất ven biển ngập nước, cũng là điểm đến thu hút du khách. Nhàbồi là những căn nhà khung gỗ, nền đất, được lợp bằng cói và rạ, mái nhà nặng hơn hai tấn, dày từ 1m – 1,2m, mát mẻ vào mùa hè và ấm áp vào mùa đông. Qua thời gian, mái bồi xẹp dần xuống, nhưng vẫn rất bền, chịu đựng được sức tàn phá của gió biển. Những căn nhà mái bồi ở Giao Xuân có tuổi thọ hàng trăm năm và được người dân rất gìn giữ từ thế hệ này qua thế hệ khác. Người Giao Xuân cung cấp dịch vụ lưu trú cho du khách, khách ăn ngủ ngay tại nhà dân, nếu may mắn, bạn có thể được nghỉ tại một trong những căn nhà bồi này.

Đặc biệt, ở Giao Thủy còn có làng nghề nước mắm Sa Châu – xã Giao Châu nổi tiếng với các loại mắm ngon với trên 100 hộ tham gia sản xuất, chế biến, sản lượng bình quân đạt 450.000 – 500.000 lít nước mắm/năm.

Cùng với sự phong phú của tài nguyên du lịch tự nhiên, khu vực phụ cận của huyện Giao Thủy có rất nhiều tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị có thể kết hợp trong các Tour du lịch. Trước hết, trên đường đi đến thành phố Nam Định du khách có thể ghé thăm Phủ Dầy (Một di tích lịch sử nổi tiếng – nơi thờ Bà Chúa Liễu Hạnh ở huyện Vụ Bản – cách thành phố Nam Định khoảng 15km). Đến thành phố Nam Định du khách tham quan cụm di tích lịch sử: Đền Trần, Chùa Tháp, Đền Bảo Lộc – là nơi lưu giữ những chứng tích hào hùng về một triều đại hưng thịnh vào loại bậc nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Du khách cũng có thể ghé thăm tượng đồng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn uy nghi bên hồ Vị Xuyên. Trước khi rời thành phố Nam Định đến với mảnh đất Giao Thủy để có dịp tìm hiểu

thêm về đất và người của mảnh đất ngàn năm văn hiến này, du khách hãy ghé thăm làng trồng hoa cây cảnh Vĩ Khê – Nam Điền (ở ngoại thành thành phố Nam Định). Đến đây du khách sẽ gặp những bất ngờ hết sức thú vị khi chứng kiến những cỏ cây hoa lá tự nhiên vô tri vô giác nhưng dưới những bàn tay khéo léo của các nghệ nhân đã trở thành những sinh vật có hồn, đẹp mắt và sống động lạ thường. Xuôi tiếp xuống phía nam du khách có thể ghé thăm chùa Keo – Cổ Lễ, nơi gắn liền với các truyền thuyết về Thánh sư Không Minh Không và những điển tích của Phật giáo kỳ thú, cùng với lối kiến trúc độc đáo và vẻ đẹp huyền bí, chùa Keo như đưa con người về với cội nguồn của tiêu chí “Chân, Thiện, Mỹ”. Đi xuôi xuống đất Xuân Trường du khách có thể ghé thăm một điểm văn hóa – lịch sử khác cũng rất có ý nghĩa, đó là Tượng đài bằng đồng và Nhà lưu niệm của Cố Tổng bí thư Trường Chinh tại làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng. Cách làng Hành Thiện không xa là tòa thành Phú Nhai và Trường dòng Bùi Chu. Đây còn là một trung tâm lớn của Đạo Thiên Chúa giáo. Trường dòng Bùi Chu cùng với nhà thờ Phát Diệm là hai cái nôi đầu tiên của Thiên Chúa giáo ở miền Bắc Việt Nam và cũng là nơi cung cấp cho chúng ta cái nhìn tổng quát về lịch sử phát triển và ảnh hưởng của Thiên Chúa giáo ở khu vực. Trên đường đến với Giao Thủy, du khách có thể ghé thăm Tòa thánh Phú Nhai – là nhà thờ lớn nhất Đông Nam Á được xây dựng từ những năm 30 của thế kỷ trước. Giao Thủy là khu vực giao thoa của nhiều văn hóa, nhiều tập tục sinh hoạt khác nhau (đi theo đạo Thiên Chúa có xã chiếm 80% dân số. Trên địa bàn huyện có rất nhiều nhà thờ Thiên Chúa giáo trong đó có 15 nhà thờ lớn nằm rải rác ở các khu vực trong huyện (*phụ lục 3*). Điều này vừa tạo nên những khó khăn cho công tác quản lý, song đồng thời cũng tạo nên một đặc điểm hấp dẫn đối với việc phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng. Giá trị văn hóa bao trùm của huyện Giao Thủy là văn hóa vùng biển. Thời gian gần đây, chính quyền địa phương rất chú trọng việc đầu tư nâng cấp lễ hội truyền thống của cư dân.

Với những tiềm năng và thế mạnh trên cho thấy Giao Thủy là một vùng đất có nhiều tiềm năng và thế mạnh để phát triển du lịch đặc biệt khu vực Vườn quốc gia Xuân Thủy với hệ sinh thái nguyên sơ rất thích hợp với việc phát triển các loại hình du lịch sinh thái biển. (*phụ lục 4*)

2.2.3. Chủ trương chính sách phát triển du lịch

- Chủ trương, chính sách của tỉnh Nam Định:

Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XVIII đã xác định: “Khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch, hình thành và ổn định các tour du lịch trong tỉnh và liên tỉnh có lợi thế về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, tâm linh, văn hóa,... Đẩy mạnh tiến độ xây dựng hạ tầng các khu du lịch trọng điểm: Khu du lịch văn hóa Trần, Phủ Dầy, các khu du lịch biển Quất Lâm, Thịnh Long,... Đào tạo nguồn nhân lực du lịch có chất lượng”.

- Chủ trương, chính sách phát triển du lịch của huyện Giao Thủy:

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2010 – 2015 đã xác định: “Tập trung mở rộng quy mô, nâng cấp cơ sở hạ tầng khu du lịch Quất Lâm phù hợp với nhu cầu và quy hoạch. Đổi mới quản lý, đảm bảo các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch văn minh, lịch sự, đúng pháp luật. Góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách. Đưa việc xây dựng dự án khai thác tiềm năng du lịch sinh thái Vườn quốc gia Xuân Thủy thành nhiệm vụ trọng tâm của lĩnh vực du lịch trong nhiệm kỳ. Phần đầu xây dựng du lịch tại đây trở thành một trong những trung tâm du lịch của tỉnh Nam Định và vùng đồng bằng sông Hồng”.

2.3. So sánh các lợi thế và hạn chế chủ yếu trên con đường phát triển du lịch huyện Giao Thủy:

2.3.1. Các lợi thế:

- Giao Thủy có vị trí địa lý thuận lợi, có nguồn tài nguyên trên mặt đất và ngoài biển khơi phong phú thuận lợi cho việc phát triển một nền kinh tế đa dạng nhất là phát triển ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá (lúa đặc sản, rau sạch, hoa quả, các sản phẩm thủy sản...) gắn với chế biến, cung cấp nguồn thực phẩm dồi dào, có chất lượng tốt phục vụ nhu cầu khách du lịch.

- Tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng, kết hợp với khí hậu trong lành, mát mẻ là lợi thế để phát triển mạnh du lịch, dịch vụ phục vụ khách trong và ngoài nước. Các bãi tắm của Giao Thủy còn hoang sơ, môi trường trong sạch lại nằm cạnh một vùng cảnh quan đã được công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới, tham gia Công ước Ramsar. Bãi biển Quất Lâm- Giao Phong (228 ha) cùng với vùng đồng muối rộng lớn thuộc thị trấn Quất Lâm và xã Giao Phong (365 ha) là

điều kiện thuận lợi để phát triển thành một khu du lịch sinh thái biển quy mô lớn.

2.3.2. Những hạn chế và khó khăn:

- Huyện Giao Thủy là huyện đồng bằng ven biển, dân cư làm nghề sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, bên cạnh những thuận lợi thì có những khó khăn về thiên tai bão lụt hàng năm, khắc phục hậu quả sau thiên tai. Đất vùng ven biển nhiễm mặn hàng năm ảnh hưởng đến sản xuất.

- Du lịch Giao Thủy gặp nhiều khó khăn do chịu tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu toàn cầu, thường xuyên phải hứng chịu thiên tai, bão lũ đặc biệt là hiện tượng nước biển dâng. Du lịch biển mang tính mùa vụ, sức cạnh tranh thấp do các bãi tắm nằm giữa 2 cửa sông, chịu ảnh hưởng của phù sa nên chất lượng nước bị hạn chế.

- Điểm xuất phát của nền kinh tế còn thấp, chưa tích lũy được nhiều, công nghiệp chưa phát triển.

- Khả năng thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài còn hạn chế.

- Kết cấu hạ tầng tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường và mở cửa hội nhập, do vậy chưa đủ đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch hiện tại và tương lai.

- Trong quá trình phát triển kinh tế còn tạo mâu thuẫn giữa việc phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái.

Vì vậy, huyện Giao Thủy cần khai thác, phát huy tốt các lợi thế đồng thời có biện pháp khắc phục những hạn chế, tạo điều kiện cho kinh tế - xã hội nói chung và ngành du lịch của huyện nói riêng phát triển mạnh.

2.4. Thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn huyện Giao Thủy

2.4.1. Khái quát thực trạng phát triển du lịch của huyện Giao Thủy

Giao Thủy là một vùng đất có nhiều lợi thế về tự nhiên, văn hóa, cảnh quan bên cạnh đó cũng có nhiều thuận lợi trong việc kết hợp với các điểm, các khu du lịch trong địa bàn tỉnh Nam Định cũng như các tỉnh lân cận để xây dựng các tour tuyến du lịch nhằm thúc đẩy sự phát triển du lịch tại huyện nhà. Trong những năm gần đây, du lịch Giao Thủy đã có nhiều khởi sắc với sự phát triển của các loại hình

du lịch mới như du lịch dựa vào cộng đồng được triển khai trên địa bàn xã Giao Xuân, du lịch biển kết hợp nghỉ dưỡng,... đã tạo cơ hội thu nhập đáng kể cho người dân địa phương.

Trên địa bàn huyện Giao Thủy hoạt động du lịch ngày càng trở nên sôi động và hấp dẫn hơn, làm đa dạng hóa sản phẩm du lịch và phong phú hóa sự lựa chọn của du khách khi đến với Giao Thủy, đặc biệt là giảm thiểu lượng thời gian rỗi của du khách và kéo dài thêm thời gian thăm viếng trong vùng. Hoạt động du lịch trong vùng trở nên hấp dẫn hơn, chất lượng dịch vụ được nâng cao sẽ tạo điều kiện kích cầu du lịch địa phương từ đó góp phần quảng bá hữu hiệu hình ảnh và thương hiệu điểm đến trong mắt du khách với chi phí thấp nhất.

Do đặc điểm là sự phụ thuộc vào đối tượng khách tham quan, không nên đặt quá nhiều tham vọng trong việc xây dựng các mô hình du lịch, cần xây dựng thí điểm mô hình du lịch với quy mô nhỏ mang tính khả thi.

Người dân khá chủ động và mong muốn phát triển du lịch tại địa phương. Nhân lực của huyện Giao Thủy khá tốt, có thời gian và đủ năng lực để tham gia hoạt động du lịch cùng với sự hỗ trợ của các tổ chức quản lý và chính quyền địa phương sẽ hứa hẹn sự thành công trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện các hoạt động du lịch trên địa bàn huyện.

2.4.2. Sản phẩm du lịch

2.4.2.1. Loại hình du lịch sinh thái:

- Bộ phận làm dịch vụ phục vụ khách tham quan VQG Xuân Thủy bao gồm 01 cán bộ phụ trách cùng với các cán bộ khác của VQG thay nhau làm nhiệm vụ lái xuồng máy, hướng dẫn viên, phục vụ khách ăn uống. Hiện VQG Xuân Thủy có 12 phòng nghỉ chủ yếu phục vụ khách tới VQG công tác, nghiên cứu khoa học. Trung bình mỗi năm VQG Xuân Thủy đón từ 30- 40 đoàn khách đến tham quan với khoảng 5.000 lượt khách/năm, trong đó bình quân có trên 100 lượt khách quốc tế/năm.

- Từ 2007 đến nay, dưới sự hỗ trợ giúp đỡ của Trung tâm Bảo tồn biển và phát triển cộng đồng (MCD), huyện đã xây dựng mô hình thí điểm du lịch sinh thái cộng đồng Vườn Quốc gia Xuân Thủy tại xã Giao Xuân với Ban quản lý gồm 7 người do 01 đ/c Phó Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban, đ/c Hội trưởng Hội

LHPN xã làm Phó ban phụ trách điều hành và các ủy viên thuộc các ban ngành, đoàn thể khác có liên quan đảm nhiệm hướng dẫn viên và quản lý khách lưu trú. Có 4 tổ: tổ nhà nghỉ, tổ hướng dẫn viên, tổ văn nghệ và tổ chuyên chở. Cơ sở lưu trú gồm 12 hộ nông dân với 12 phòng nghỉ, mỗi năm đón khoảng trên 100 lượt khách chủ yếu là khách quốc tế. Tuy nhiên loại hình du lịch sinh thái cộng đồng mới chỉ dừng lại ở việc xây dựng mô hình thí điểm, quy mô nhỏ, hiệu quả kinh tế chưa cao.

2.4.2.2. Loại hình du lịch biển kết hợp với nghỉ dưỡng:

- Là loại hình du lịch chủ yếu ở huyện Giao Thủy hiện nay, tập trung tại khu du lịch nghỉ mát- tắm biển Quất Lâm. Khu du lịch này được hình thành từ năm 1997, kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng ngày càng khang trang. Trung bình mỗi năm khu du lịch Quất Lâm đón khoảng 130.000 lượt khách tham quan, tổng doanh thu từ hoạt động du lịch đạt trên 30 tỷ đồng/năm, giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động, góp phần tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện.

2.4.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

- Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản:

Những năm qua, kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn huyện đã được đầu tư tập trung vào một số lĩnh vực đáp ứng cho nhu cầu du lịch và phát triển dịch vụ như hệ thống giao thông trên địa bàn được đầu tư nâng cấp. Nhiều dự án hạ tầng du lịch đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng như: tuyến đường tỉnh lộ 51B từ ngã ba Hải Hậu đến khu du lịch Quất Lâm được nâng cấp, hoàn thành, các tuyến đường bộ phục vụ khai thác tiềm năng du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Xuân Thủy như đường 489, đường Bình Xuân đang được gấp rút thi công. Năm 2008 tuyến xe buýt Nam Định – Quất Lâm đưa vào sử dụng liên tục trong ngày đã tạo điều kiện thuận lợi cho du khách từ thành phố Nam Định đến Quất Lâm và ngược lại. Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch thể hiện sự quan tâm của tỉnh đối với du lịch Giao Thủy và cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của du lịch Giao Thủy trong tương lai.

Riêng Khu du lịch Quất Lâm đã được đầu tư xây dựng 3 km kè, 3 trục đường nhựa với tổng chiều dài 3,1 km và 1 km đường bê tông; 2 trạm cấp nước sạch phục

vụ khu kiốt với công suất 220 m³ /ngày, đêm; 2 trạm biến áp điện công suất 250KVA. Tổng nguồn vốn đã đầu tư trên 120 tỷ đồng.

Đối với Vườn quốc gia Xuân Thủy, hệ thống giao thông cũng khá thuận tiện:

Giao thông đường bộ: giao thông đường bộ từ tất cả các nơi đến đê quốc gia, tiếp giáp với ranh giới Vườn quốc gia khá thuận lợi. Từ trung tâm Hà Nội du khách đến đây khoảng 150km, thời gian đi mất khoảng 4,0-4,5 giờ. Tuy nhiên từ ranh giới đê quốc gia đi ra vùng lõi của Vườn quốc gia Xuân Thủy thì đường còn xấu, chỉ có một đường trục Cồn Ngạn dài khoảng 4km là con đường giao thông huyết mạch của Ban quản lý vườn quốc gia. Con đường này đã được cải tạo nâng cấp, gặp thời tiết xấu xe máy, xe thô sơ và xe ô tô loại nhỏ có thể đi được. Tuy vậy, đây là con đường độc đạo, 2 xe ô tô không thể tránh nhau. Ranh giới giữa vùng lõi và vùng đệm ở phía Tây Bắc là hệ thống đê bao bằng đất, hiện nay nếu đi vào các đầm tôm chỉ có xe máy và xe thô sơ có thể đi lại được. Đây là tuyến đường bộ duy nhất có trong khu vực dùng để tuần tra bảo vệ và phục vụ khách tham quan du lịch, nhưng do ảnh hưởng của những công tháo nước nên xe ô tô không thể đi được và vào những ngày trời mưa việc đi lại cũng rất khó khăn.

Giao thông đường thủy: có thể nói giao thông đường thủy trong vùng cũng khá thuận tiện, từ Hà Nội du khách có thể đi tàu thủy thẳng xuống vườn quốc gia. Tuy nhiên tuyến đường này chưa thực sự đi vào hoạt động. Trong Vườn quốc gia có sông Vọng, sông Trà và nhiều sông lạch nhỏ khác, du khách có thể đi thuyền nhỏ lên lõi theo các dòng chảy để quan sát chim và thưởng ngoạn cảnh đẹp của một trong những khu vực rừng ngập mặn còn lại tốt nhất vùng châu thổ sông Hồng. Tuy nhiên giao thông đường thủy ở Vườn quốc gia còn phụ thuộc vào thủy triều, vào những ngày triều kiệt việc đi lại thăm thú của du khách bằng đường thủy gặp rất nhiều khó khăn. Do vậy, nếu muốn đi thăm quan Vườn quốc gia bằng xuồng, du khách phải liên hệ trước với Ban quản lý du lịch để chủ động hơn trong chuyến đi của mình.

- Hệ thống khách sạn nhà nghỉ:

Hiện nay, trên địa bàn toàn huyện có 167 cơ sở kinh doanh lưu trú, trong đó có 44 nhà nghỉ, khách sạn; 12 hộ dân phục vụ khách du lịch lưu trú và 111 kiốt phục vụ khách tắm biển với tổng số: 1.093 phòng nghỉ.

Bảng 1: Số cơ sở kinh doanh lưu trú trên địa bàn huyện Giao Thủy từ năm 2006 đến 2010

Nội dung	2006	2007	2008	2009	2010
Số cơ sở lưu trú	113	127	151	159	167
Số phòng	485	715	901	989	1093

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Giao Thủy năm 2010

Qua bảng tổng hợp trên cho thấy, mặc dù số lượng cơ sở lưu trú ở Giao Thủy trong thời gian qua đã được cải thiện, tuy nhiên việc cải thiện này vẫn còn nhiều vấn đề bất cập, đó là cơ sở lưu trú chủ yếu là nhà nghỉ và cả ki ốt, chưa có khách sạn nào được xếp hạng sao, thậm chí cả các ki ốt phục vụ tắm biển cũng tham gia kinh doanh phòng nghỉ.

Riêng Vườn quốc gia Xuân Thủy đã có khu nhà nghỉ với 15 phòng trong đó có 4 phòng đôi và 2 phòng ba khép kín được trang bị khá đầy đủ, còn lại là những phòng nghỉ trung bình (dùng chung công trình phụ). Ngoài những trang thiết bị cơ bản như giường ngủ, chăn, ga, gối, đệm, tủ, bàn làm việc,... còn có tivi, điều hòa nhiệt độ, nước nóng. Hệ thống phong nghỉ tại Vườn quốc gia Xuân Thủy có thể phục vụ được khoảng 30 – 40 khách/ đêm. Vào mùa du lịch, khi số lượng khách đông Vườn quốc gia Xuân Thủy sẽ bố trí thêm các phòng nhân viên cho khách nghỉ. Trong chuyến tham quan Vườn quốc gia Xuân Thủy, du khách có thể nghỉ tại nhà dân nếu muốn tận hưởng không khí trong lành, yên ả của một làng quê. Tại xã Giao Xuân có 8 -12 phòng nghỉ với trang thiết bị khá đầy đủ, đảm bảo có thể phục vụ cùng một lúc tối thiểu là 16 khách và cao nhất là 30 khách.

Khu du lịch biển Quất Lâm có tới 42 nhà nghỉ, khách sạn phục vụ khách du lịch.

Nhìn chung, số lượng cơ sở lưu trú trên địa bàn huyện không ngừng tăng lên qua các năm nhưng số cơ sở lưu trú chất lượng cao chưa nhiều, do du lịch tắm biển có tính mùa vụ nên vào mùa đông công suất phòng đạt rất thấp trong khi đó vào mùa hè, những đợt cao điểm hầu như không đủ cơ số phòng để phục vụ khách du lịch lưu trú nhất là các dịp lễ 30/4, 1/5 và các ngày thứ 7, chủ nhật cuối tuần. Vì vậy, lượng khách hiện tại lưu lại Giao Thủy còn ít mà chủ yếu họ đi về trong ngày,

chính vì vậy dẫn đến tình trạng lượng khách đông nhưng doanh thu du lịch đạt thấp.

- Cơ sở ăn uống:

Cùng với sự gia tăng của các cơ sở kinh doanh lưu trú thì hệ thống cơ sở phục vụ ăn uống cũng gia tăng nhanh chóng về số lượng. Tất cả các nhà nghỉ đều có quầy Bar, phòng ăn; các ki-ốt cũng đều tham gia kinh doanh dịch vụ ăn uống. Nhìn chung các cơ sở ăn uống hiện nay còn nhỏ lẻ, chưa đủ khả năng phục vụ cho lượng lớn du khách; chất lượng phục vụ và khả năng chế biến món ăn phần lớn chưa đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và thẩm mỹ, chưa được quản lý chặt chẽ về chất lượng phục vụ, giá cả và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Dịch vụ vui chơi giải trí:

Các loại hình dịch vụ phục vụ hoạt động vui chơi giải trí tại khu vực còn rất nghèo nàn. Hiện tại khu du lịch Quất Lâm mới chỉ có 01 sân tennis, 01 sân cầu lông, 02 bàn bóng bàn, 01 bể bơi, 15 phòng massage và một số phòng hát karaoke trong các nhà nghỉ và ki-ốt. Với nhu cầu du lịch tại đây rất lớn, cần thiết phải phát triển các loại hình dịch vụ vui chơi giải trí, để tạo sức hấp dẫn cho các Tour du lịch và kéo theo thời gian lưu trú, tăng chi phí chi trả của du khách.

2.4.4. Nguồn nhân lực của du lịch

Tổng số lao động trong ngành Du lịch Giao Thủy năm 2010 là 1382 người, trong đó lao động trực tiếp 432 người, lao động gián tiếp 950 người, lao động qua đào tạo 102 người, đạt tỷ lệ 23,6%, chủ yếu là qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn.

Bảng 2: Nguồn nhân lực của du lịch Giao Thủy (2006 - 2010).

Năm	LĐ du lịch (người)		Lao động qua đào tạo (người)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)
	Trực tiếp	Gián tiếp		
2006	126	277	37	29,4
2007	202	444	46	22,7
2008	285	627	58	20,3
2009	367	807	85	23,2
2010	432	950	102	23,6

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Giao Thủy năm 2010

- Nguồn nhân lực của Du lịch Giao Thủy hiện nay còn một số bất cập như sau:

+ Số lượng lao động trong du lịch còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số lao động hiện có của huyện.

+ Thu nhập thực tế của lao động trong ngành du lịch còn quá thấp, chưa đủ sức hấp dẫn để người lao động gắn bó với nghề (mức thu nhập của lao động không chuyên nghiệp dao động từ 1.000.000 đến 1.500.000đ).

+ Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý du lịch, công nhân kỹ thuật phần lớn chưa được đào tạo cơ bản, chủ yếu mới chỉ qua các khoá đào tạo ngắn hạn, vì vậy năng lực chuyên môn còn nhiều hạn chế.

Như vậy, có thể nói lực lượng lao động trong ngành du lịch Giao Thủy những năm qua tuy đã được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, số lao động tăng lên song thực tế chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Vì vậy những người làm công tác quy hoạch và quản lý du lịch cần có hướng bồi dưỡng, đào tạo cho lực lượng lao động du lịch nhất là đối với những lao động chuyên nghiệp.

2.4.5. Kết quả kinh doanh du lịch 2006-2010:

2.4.5.1. Khách du lịch

- Lượng khách hàng năm đến với Giao Thủy tăng khá mạnh, bình quân tăng 15- 20%/năm. Tuy nhiên số lượt khách lưu trú ít, chỉ chiếm khoảng 35- 40% tổng số lượt khách đến tham quan. Trong khoảng thời gian từ 2006 trở lại đây lượng khách đến Giao Thủy chủ yếu là khách du lịch nội địa, một lượng nhỏ khách nước ngoài. Năm 2010, du lịch Giao Thủy đón 172.000 lượt khách tham quan, trong đó khách lưu trú: 69.925 người, đạt tỷ lệ: 40,6%.

Bảng 3: Số khách đến du lịch trên địa bàn huyện Giao Thủy năm 2006 – 2010

Đơn vị: lượt người

	2006	2007	2008	2009	2010
<i>Số khách đến</i>	111.500	132.000	138.207	145.802	172.000
Ng. Việt Nam	111.346	131.819	137.928	145.549	171.710
Ng. nước ngoài	154	181	279	253	290
<i>Số khách lưu trú</i>					
Ng. Việt Nam	35.673	45.790	51.032	60.470	69.765
Ng. nước ngoài	103	112	129	134	160

Trong khoảng thời gian từ 2006 trở lại đây lượng khách đến Giao Thủy chủ yếu là khách du lịch nội địa, một lượng nhỏ khách nước ngoài. Lượng khách này đi tự phát hoặc đi theo tour của các công ty du lịch tư nhân, quy mô đoàn từ 5 – 10 người, chủ yếu là về tham quan rừng ngập mặn và nghiên cứu khoa học. Đặc điểm và cơ cấu khách cụ thể như sau: Du khách nước ngoài chủ yếu là nhóm khách nhỏ lẻ và ngắn ngày, yêu thích thiên nhiên, tìm đến du lịch sinh thái dưới hình thức: thuê ca nô du lịch, thậm chí có khách đi bằng tàu thuyền đánh cá của ngư dân.

Khách du lịch nội địa hiện nay chủ yếu là các khách đi tự do theo nhóm hoặc hình thức tập trung theo hộ gia đình từ Hà Nội, Nam Định và các tỉnh lân cận. Lượng khách thuộc nhóm này rất đông, thường đi về trong ngày, thời gian lưu trú của các nhóm khách này thường vào những ngày nghỉ cuối tuần làm cho các cơ sở lưu trú không đáp ứng được nhu cầu lưu trú của khách.

Riêng khu du lịch biển Quất Lâm, Trong quý I năm 2011, tuy chưa phải là

mùa du lịch song Du lịch Quất Lâm đã đón 21.000 lượt khách tham quan, doanh thu du lịch ước đạt 9 tỷ đồng tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2010 và đạt 16,7% kế hoạch năm 2011. Khu du lịch Quất Lâm đã và đang trở thành địa chỉ tin cậy của khách du lịch, là cơ hội cho các nhà đầu tư khai thác tiềm năng kinh doanh dịch vụ du lịch. Sự phát triển của khu nghỉ mát, tắm biển Quất Lâm đã góp phần quan trọng vào việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, là động lực thúc đẩy chiến lược khai thác tiềm năng kinh tế biển để phát triển kinh tế, xã hội của thị trấn Quất Lâm và góp phần vào sự phát triển kinh tế- xã hội của huyện. Từ một xã heo hút, dân cư chủ yếu sống bằng nghề làm muối và đánh bắt hải sản, Giao Lâm xưa đã trở thành thị trấn Quất Lâm- một đô thị ven biển với kết cấu hạ tầng được đầu tư khang trang, hiện đại, là một trong 2 trung tâm kinh tế- văn hoá của huyện Giao Thủy và là điểm đến hấp dẫn trên bản đồ du lịch của cả nước và tỉnh Nam Định.

2.4.5.2. Doanh thu

- Tổng doanh thu du lịch trên địa bàn huyện năm 2010 đạt 45 tỷ đồng tăng gấp 4 lần so với năm 2006. Tuy nhiên, xét theo thành phần kinh tế, doanh thu chủ yếu thuộc về hộ cá thể (chiếm 93% tổng doanh thu), doanh thu các công ty tư nhân chỉ chiếm khoảng 7% tổng doanh thu du lịch trên địa bàn, không có doanh thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

- Phân loại doanh thu theo các loại hình dịch vụ có thể thấy: doanh thu từ dịch vụ ăn uống là chủ yếu, chiếm tới 81% tổng doanh thu còn doanh thu từ các loại hình dịch vụ khác như: thuê phòng, thương mại... chiếm tỷ trọng rất nhỏ, chưa có doanh thu từ dịch vụ lữ hành, vận chuyển khách.

Bảng 4: Doanh thu du lịch trên địa bàn

Đơn vị tính: Triệu đồng

	2006	2007	2008	2009	2010

Tổng số	10.900	12.500	14.750	38.000	45.000
I. Phân theo TPKT					
<i>KV KT trong nước</i>					
Tư nhân	785	912	1.435	2.318	3.150
Cá thể	10.115	11.588	13.315	35.682	41.850
<i>KVKT có vốn ĐTNN</i>					
II. Phân loại doanh thu	10.990	12.500		38.000	45.000
<i>Doanh thu dịch vụ</i>	2.158	2.315	2.840	3.650	4.320
Thuê phòng	2.158	2.315	2.840	3.650	4.320
Lữ hành					
Vận chuyển khách					
<i>Doanh thu bán hàng</i>	1.220	1.310	1.450	2.135	2.520
<i>Doanh thu hàng ăn uống</i>	7.357	8.687	10.080	30.965	36.450
<i>Doanh thu khác</i>	165	188	380	1.250	1.700

2.5. Những tồn tại, hạn chế của du lịch Giao Thủy:

- Ngành du lịch phát triển chưa xứng với tiềm năng, đặc biệt tiềm năng du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Xuân Thủy chưa được quan tâm khai thác để phát triển.

- Công tác quản lý nhà nước về du lịch trên một số lĩnh vực như quản lý đất đai, rừng, biển chưa theo kịp tốc độ và xu hướng phát triển chung. Công tác quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch về du lịch còn nhiều hạn chế. Chưa thu hút được nguồn vốn đầu tư để phát triển du lịch với quy mô lớn, chất lượng cao.

- Lực lượng lao động trong ngành du lịch còn ít, mang tính thời vụ, thiếu

chuyên nghiệp. Văn hoá ứng xử và trình độ ngoại ngữ chưa đáp ứng yêu cầu. Thiếu đội ngũ hướng dẫn viên hướng dẫn khách tham quan Vườn Quốc gia Xuân Thủy.

- Các chương trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng chưa theo kịp với nhu cầu phát triển kinh tế du lịch trong tình hình mới. Một số địa phương đang trong tình trạng phát triển “nóng”: nuôi trồng thuỷ sản manh mún nhỏ lẻ, khai thác và chế biến sứa gây ô nhiễm môi trường..... làm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sinh thái tự nhiên.

- Tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng nhưng chưa có sản phẩm du lịch hấp dẫn. Việc nghiên cứu, khảo sát để tìm ra các hàng hoá đặc thù của địa phương chưa được chú trọng. Các loại hình dịch vụ phục vụ hoạt động vui chơi giải trí chưa được đầu tư nên du lịch Giao Thuỷ chưa có sức hút đối với khách tham quan.

- Lượng khách tăng nhanh trong điều kiện kết cấu hạ tầng và dịch vụ du lịch chưa đủ đáp ứng tạo ra nguy cơ phá vỡ môi trường sinh thái. Tốc độ đầu tư phát triển du lịch nhanh trong khi khả năng quản lý, khai thác lại rất hạn chế (chưa xây dựng được quy hoạch phát triển du lịch từ tổng thể đến chi tiết, chưa xây dựng được quy chế quản lý phù hợp).

2.6. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

- Nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền, ban ngành, đoàn thể và một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân về du lịch chưa thật đầy đủ. Một vài địa phương trọng điểm về du lịch chưa chủ động tìm biện pháp phát triển du lịch một cách bền vững.

- Các chính sách khuyến khích phát triển du lịch và thu hút đầu tư chưa thực sự hấp dẫn, thủ tục hành chính còn rườm rà, chưa có chính sách thu hút nhân tài trong ngành du lịch. Vai trò tham mưu của cơ quan chuyên môn còn hạn chế. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành để tập trung quản lý và hỗ trợ du lịch phát triển thiếu chặt chẽ.

- Đội ngũ lao động đang làm việc phần lớn chưa được đào tạo cơ bản và chưa được cập nhật thông tin, kiến thức thường xuyên. Khi tuyển nhân viên, chủ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh muốn tiết kiệm chi phí nhân công nên chủ yếu thuê lao động phổ thông chưa qua đào tạo vì số này chấp nhận mức tiền công thấp. Mặt

khác do bị ảnh hưởng bởi tính chất mùa vụ nên việc sử dụng lao động du lịch không thường xuyên dẫn tới một bộ phận lao động du lịch đã được đào tạo không có việc làm, phải tìm việc làm khác.

- Công tác tuyên truyền, quảng bá về du lịch Giao Thủy chưa được chú trọng, chưa làm nổi bật được giá trị du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Xuân Thủy.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Trong những năm gần đây cùng với sự lớn mạnh của du lịch cả nước cũng như du lịch tỉnh Nam Định nói chung, du lịch huyện Giao Thủy đã có những bước trưởng thành và đang khởi sắc từng ngày, góp phần vào thành tựu chung xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chương 2 của khóa luận đã giới thiệu khái quát về tiềm năng cũng như thực trạng phát triển du lịch của huyện trong giai đoạn 2006 – 2010. Qua đó có thể thấy, Giao Thủy là một huyện có rất nhiều thế mạnh để phát triển du lịch và trên thực tế du lịch Giao Thủy đã và đang có những bước phát triển mới cả về chất cũng như về lượng. Có được sự đổi thay kỳ diệu đó, trước hết là do có sự quan tâm chỉ đạo về chiến lược phát triển, định hướng quy hoạch xây dựng, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch của Tỉnh uỷ, HĐND-UBND tỉnh, của Huyện uỷ- UBND huyện, các ngành chức năng từ tỉnh đến huyện đã tạo điều kiện giúp đỡ thị địa phương khai thác tốt tài nguyên du lịch, đẩy mạnh phát triển kinh tế- xã hội. Tuy nhiên một trong những yếu tố quyết định của thành công ngày hôm nay không thể không kể đến sự tích cực, chủ động, năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của Đảng uỷ- UBND đã lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ và nhân dân địa phương tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của cấp trên phát huy tốt nội lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng kinh tế biển, phát triển mạnh du lịch- dịch vụ đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương. Giao Thủy ngày nay không chỉ là một vùng đất giàu truyền thống lịch sử cách mạng mà đã và đang trở thành một điểm sáng về phát triển kinh tế- xã hội của huyện Giao Thủy.

CHƯƠNG 3:

ĐỊNH HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIAO THỦY

3.1. Xu hướng phát triển ngành du lịch ở Việt Nam và thế giới

3.1.1. Xu hướng phát triển du lịch của thế giới

So với nhiều ngành kinh tế khác, ngành du lịch trên phạm vi thế giới có tốc độ tăng trưởng khá cao, nửa cuối thế kỷ XX, tốc độ tăng trưởng của du lịch trung bình năm là 6,93% về lượng khách và 11,8% về thu nhập. Bước sang thế kỷ XXI, du lịch vẫn tiếp tục trên đà tăng trưởng. Theo dự báo của tổ chức Thương mại quốc tế WTO, khu vực Đông Nam Á (ASEAN) được dự báo là khu vực sẽ có tốc độ tăng trưởng rất nhanh, đứng thứ hai trên thế giới, chỉ sau Châu Âu, mức tăng trưởng bình quân hàng năm của du lịch khu vực này là 6%. Loại hình du lịch thu hút chính của khu vực này là du lịch văn hóa và sinh thái kết hợp tham quan, nghỉ ngơi, mua sắm.

Mặt khác, trong xu thế hội nhập, sự liên kết hợp tác phát triển giữa các nước Đông Nam Á – Thái Bình Dương, giữa các nước Đông Nam Á – 6 nước tiểu vùng sông Mekong theo hướng song phương và đa phương sẽ mở ra những cơ hội và điều kiện thuận lợi cho sự phát triển du lịch của mỗi nước. Đó cũng là những triển vọng rất tốt đẹp cho xu hướng phát triển du lịch Việt Nam.

3.1.2. Xu hướng ở Việt Nam

Trong bối cảnh của sự đổi mới đất nước, với những thành tựu quan trọng đã đạt được về chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội và an ninh quốc phòng, Đảng và Nhà nước ta đã xác định: Mục tiêu phát triển của du lịch Việt Nam: “Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa lịch sử, huy động tối đa nguồn lực trong nước và tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ quốc tế, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từng bước đưa nước ta trở thành trung tâm du lịch có tầm cỡ của khu vực, phấn đấu sau năm 2010 du lịch Việt Nam được xếp vào nhóm quốc gia có ngành du lịch phát triển trong khu vực”.

Trên cơ sở định hướng phát triển du lịch Việt Nam của Đảng và Nhà nước cũng như nghiên cứu thị hiếu du lịch Việt Nam và thế giới, trong những năm tới

loại hình du lịch biển kết hợp với nghỉ dưỡng và loại hình du lịch sinh thái sẽ là những loại hình du lịch được du khách trong nước và quốc tế ưa chuộng. Đây là những loại hình du lịch mà huyện Giao Thủy có thể mạnh.

3.1.3. Cơ hội phát triển ngành du lịch Giao Thủy

Trong quá trình phát triển của mình, vì lợi ích kinh tế con người đã tàn phá thiên nhiên, phá vỡ cân bằng hệ sinh thái dẫn đến hậu quả về biến đổi khí hậu ngày càng tăng. Do đó, một xu hướng du lịch mới hiện nay là con người muốn tìm lại thiên nhiên hoang sơ, tìm đến với loại hình du lịch thân thiện với môi trường- đó là du lịch sinh thái. Một bộ phận những người có thu nhập cao đang có xu hướng tìm mua đất ở các vùng đất xa trung tâm thành phố, có khí hậu trong lành, gần gũi với thiên nhiên tươi đẹp để xây biệt thự nghỉ dưỡng cuối tuần. Cách Hà Nội không xa (khoảng 130 km), hệ thống đường giao thông ngày càng thuận lợi, rất gần với khu du lịch tâm linh Tràng An- Bái Đính của Ninh Bình, khu di tích lịch sử văn hóa Trần, Phủ Giầy (Nam Định), huyện Giao Thủy đang đứng trước thời cơ hòa mình vào tour du lịch Nam đồng bằng sông Hồng: Hà Nội- Ninh Bình (Tràng An- Bái Đính)- Nam Định (Phủ Giầy, Đền Trần)- Nhà lưu niệm Cố Tổng Bí thư Trường Chinh- Quất Lâm- Vườn Quốc gia Xuân Thủy và gia nhập hành trình “Con đường di sản”: Khu dự trữ sinh quyển thế giới đất ngập nước ven biển liên tỉnh châu thổ sông Hồng: Kim Sơn (Ninh Bình)- Nghĩa Hưng- Quất Lâm, VQG Xuân Thủy- Thái Thụy, Tiên Hải (Thái Bình)- Khu dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà (Hải Phòng)- Khu di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long- VQG Bái Tử Long (Quảng Ninh). Đây là cơ hội thuận lợi cho du lịch Giao Thủy phát triển.

3.1.4. Sự cần thiết phát triển du lịch Giao Thủy

Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, du lịch đã trở thành một nhu cầu tất yếu của xã hội. Phát triển du lịch không những cho phép khai thác các điều kiện tự nhiên để đáp ứng nhu cầu thưởng thức của con người mà còn là nguồn thu ngoại tệ quan trọng, thúc đẩy cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng hiện đại, thúc đẩy hòa bình, hợp tác, giao lưu văn hóa giữa các vùng miền, các quốc gia tạo ra những giá trị vô hình nhưng bền chặt.

Giao Thủy là huyện có nhiều lợi thế và tiềm năng để phát triển ngành du lịch. Trong xu thế tất yếu của thời đại ngày nay là mở cửa và hội nhập toàn cầu, quá

trình phát triển nền kinh tế, các địa phương đều chịu ảnh hưởng và tác động chi phối của thị trường và bối cảnh thế giới. Hội nhập sẽ là động lực thúc đẩy cạnh tranh gay gắt. Giao Thủy đang đứng trước vận hội lớn cho việc phát triển kinh tế - xã hội nói chung và ngành du lịch nói riêng. Tiềm năng về tài nguyên rất đa dạng, đặc biệt là tài nguyên du lịch phong phú, nhân dân Giao Thủy có truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm, cần cù, sáng tạo và hiếu khách. Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định tạo thuận lợi cho du lịch phát triển.

Tuy nhiên, du lịch Giao Thủy hiện nay đang trong quá trình phát triển tự phát, mức tăng trưởng khá nhanh nhưng hiệu quả về nhiều mặt còn thấp so với nhiều địa phương khác, điều này là do chưa xây dựng được một chiến lược phát triển khai thác tiềm năng du lịch sẵn có và đi cùng với các chính sách đầu tư đồng bộ và kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo. Trên cơ sở dự báo viễn cảnh phát triển du lịch Giao Thủy thành một khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng biển chất lượng cao với nhiều loại hình du lịch, với quan điểm xuyên suốt quá trình phát triển là phát triển bền vững về kinh tế, văn hóa và cảnh quan về môi trường sẽ là con đường để huyện Giao Thủy đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện thành công mục tiêu xây dựng quê hương Giao Thủy thành một huyện: “ Giàu về kinh tế, vững về chính trị, mạnh về an ninh – quốc phòng, đẹp về nếp sống văn hóa”.

3.2. Định hướng phát triển du lịch

3.2.1. Định hướng chung

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2010- 2015 đã Lâm phù hợp với nhu cầu và quy hoạch. Đổi mới quản lý, đảm bảo các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch văn minh, lịch sự, đúng pháp luật. Góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách. Đưa việc xây dựng dự án khai thác tiềm năng du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Xuân Thủy thành nhiệm vụ trọng tâm của lĩnh vực du lịch trong nhiệm kỳ. Phân đầu xây dựng du lịch tại đây trở thành một trong những trung tâm du lịch của tỉnh Nam Định và vùng đồng bằng sông Hồng”.

Trên cơ sở quán triệt Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV về phát triển du lịch và dịch vụ, mục tiêu chung của chiến lược phát triển du lịch Giao Thủy giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn 2020 được xác định là: “Phát triển du lịch bền

vững, hiệu quả kinh tế- xã hội cao gắn với đảm bảo vững chắc an ninh- quốc phòng,; đa dạng hoá sản phẩm du lịch, kéo dài thời gian lưu trú của du khách, tăng hiệu quả kinh doanh và sức hấp dẫn cho du lịch Giao Thủy, tạo ra nhiều việc làm cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng nhanh tỷ trọng ngành du lịch trong cơ cấu kinh tế địa phương; tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa các ngành trong quá trình phát triển kinh tế, phát huy truyền thống bản sắc văn hoá dân tộc, tôn tạo và giữ gìn các di tích lịch sử văn hoá, cảnh quan môi trường góp phần thúc đẩy du lịch phát triển”.

3.2.2. Một số định hướng phát triển du lịch Giao Thủy giai đoạn 2011- 2015, tầm nhìn 2020:

3.2.2.1. Phát triển huyện Giao Thủy thành vùng kinh tế tổng hợp bao gồm:

- Phát triển du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Xuân Thủy và khu khách sạn, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí chất lượng cao tại Quất Lâm- Giao Phong với nhiều hình thức hấp dẫn. Coi đây là một trong những trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế- xã hội huyện Giao Thủy đến năm 2015 và tầm nhìn 2020. Xây dựng cảng biển Quất Lâm- Cồn Lu phục vụ tour du lịch sinh thái đường biển Quất Lâm- Vườn Quốc gia Xuân Thủy.

- Phát triển nuôi trồng thuỷ, hải sản đặc sản chủ yếu như: Ngao, sò huyết, tôm sú, cua biển, cá vược...bằng hình thức tự nhiên, không gây ô nhiễm môi trường, tạo ra sản phẩm sạch phục vụ du lịch chất lượng cao, xây dựng một số cơ sở dịch vụ nghề cá nhưng không phá vỡ không gian du lịch.

- Ứng dụng công nghệ sạch trong sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp thân thiện với môi trường và dịch vụ vận tải chất lượng cao tạo điều kiện hỗ trợ phát triển ngành du lịch.

- Xây dựng Quất Lâm- Giao Phong trở thành đô thị ven biển văn minh, hiện đại; quy hoạch xây dựng các khu nhà vườn, biệt thự nghỉ dưỡng đẹp, hiện đại, hạn chế xây dựng nhà nhiều tầng làm ảnh hưởng đến cảnh quan.

- Tiến độ xây dựng:

+ Giai đoạn 2010 – 2012 : Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng bãi tắm Quất Lâm, xây dựng sa bàn, quy hoạch chi tiết khu khách sạn cao cấp, trung tâm thương

mai, sân Golf, khu vui chơi giải trí, khu biệt thự nghỉ dưỡng,... khởi công và hoàn thành cảng biển Hà Lạn – Côn Lu và hoàn chỉnh hệ thống cung cấp điện, nước sạch, viễn thông.

+ Thời kỳ 2013 – 2015: Tiến hành khởi công xây dựng và hoàn thành cơ bản những công trình then chốt: khu khách sạn cao cấp, sân Golf, khu vui chơi giải trí, hoàn thành giai đoạn I khu biệt thự nghỉ dưỡng hiện đại.

+ Giai đoạn 2016 – 2020: hoàn thành việc xây dựng trung tâm du lịch sinh thái biển Quất Lâm – Vườn quốc gia Xuân Thủy với những công trình tiêu biểu, bắt đầu tăng tốc, phát triển hiệu quả toàn diện.

3.2.2.2. Định hướng về thị trường – sản phẩm

- Mục tiêu về thị trường:

Khu vực nên khuyến khích phát triển thị trường khách du lịch nội địa đến nội vùng. Do vậy nhóm thực hiện dự án du lịch cần lựa chọn đối tượng khách phù hợp để vừa tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương, vừa giảm thiểu được các áp lực về môi trường của hoạt động du lịch trọng khu vực tự nhiên đầy nhạy cảm Vườn quốc gia Xuân Thủy nói riêng và du lịch trên toàn địa bàn huyện nói chung.

- Về thị trường khách du lịch:

+ Thị trường khách quốc tế mục tiêu: chủ yếu là khách đến từ các nước Pháp, Canada, Úc, Đức,...

- ✓ Người làm hành chính nhà nước và học sinh, sinh viên
- ✓ Trong độ tuổi lao động trẻ hay còn đi học
- ✓ Đi du lịch theo tour nhóm nhỏ (dưới 10 người)
- ✓ Có đặt trước dịch vụ qua các công ty du lịch
- ✓ Kênh thông tin: truyền miệng, sách hướng dẫn du lịch, công ty du lịch.
- ✓ Mục đích đi du lịch thuần túy kỳ nghỉ
- ✓ Thời gian khoảng 2 ngày, hoạt động ưa thích của khách quốc tế là tắm biển, homestay, văn cảnh chùa, nhà thờ, tour xe đạp đồng quê.

- + Thị trường khách nội địa mục tiêu:

- ✓ Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An, Thanh Hóa,....
- ✓ Các tỉnh ven biển đi tham quan mô hình
- ✓ Học sinh, sinh viên, cán bộ nghỉ hưu, cán bộ cơ quan nhà nước

- ✓ Trong độ tuổi lao động trẻ hay còn đi học
- ✓ Đi du lịch theo tour nhóm nhỏ (dưới 10 người)
- ✓ Không đặt trước dịch vụ hoặc nếu có thì tự đặt qua điện thoại, fax
- ✓ Kênh thông tin: truyền miệng, đã đến Giao Thủy hay qua quảng cáo.
- ✓ Mục đích đi du lịch thuần túy ngày nghỉ.
- ✓ Thời gian khoảng 2 ngày, hoạt động ưa thích là tắm biển và vui chơi ở bãi biển, văn cảnh chùa, nhà thờ, ẩm thực trên lòng bè hay vui chơi giao lưu với người dân.

Người ở độ tuổi khác nhau có sự quan tâm khác nhau đáng kể đối với các hoạt động tắm biển và vui chơi ở bãi biển và xem hát chèo. Nhóm đối tượng quan tâm nhất đến tắm biển và vui chơi ở biển là trung niên 35 – 55 tuổi và thanh thiếu niên. Nhóm đối tượng quan tâm nhất đến xem hát chèo là người đã nghỉ hưu và trung niên 35 – 55 tuổi. Những đối tượng quan tâm nhất đến các hoạt động này là người làm công việc hành chính và quản lý nhà nước, giáo dục, dịch vụ.

- Mục tiêu và định hướng về sản phẩm: Đa dạng hoá các sản phẩm du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch mang tính đặc thù của địa phương:

- *Khả năng liên kết các sản phẩm du lịch trong vùng là rất khả thi đó là phối hợp với Vườn quốc gia , các bãi tắm, các làng ven biển nhằm xây dựng và nối kết giữa hoạt động du lịch xem chim, tắm biển, du lịch tham quan làng bản, du lịch trải nghiệm cuộc sống sinh hoạt cộng đồng và tham gia hỗ trợ cộng đồng trong một số hoạt động lao động sản xuất có thể.*

Ngoài ra, du lịch Giao Thủy còn có khả năng nối kết với các tuyến, điểm du lịch khác như Vườn quốc gia Cúc Phương, nhà thờ đá Phát Diệm, Tam Cốc Bích Động, đền Trần, chùa Phổ Minh, làng dệt cói Triều Hải, chùa Keo,.... Các điểm di tích lịch sử, công trình tôn giáo và bãi biển địa phương có thể chỉ hấp dẫn du khách nội địa, không có khả năng thu hút sự tham quan của khách quốc tế.

+ Xe đạp tham quan làng xóm/ tour xe đạp tham quan làng xóm lồng ghép với tour xem chim, tắm biển: tour này chủ yếu nhắm vào đối tượng khách du lịch xem chim, tắm biển với mục tiêu hỗ trợ các hoạt động du lịch trong thời gian nhà rỗi của du khách và tạo cầu lưu trú qua đêm tại Giao Xuân, Thịnh Long, Quất Lâm, Chòi Vạng hay tại Vườn quốc gia. Theo chuyên gia về chim, thời điểm xem chim tốt

nhất là buổi sáng sớm hoặc chiều muộn. Trong khoảng thời gian còn lại của ngày, hầu như không có hoạt động du lịch hấp dẫn nhằm lôi cuốn du khách và giảm thiểu thời gian rỗi của du khách. Thời gian mà khách du lịch đi tắm biển là khoảng từ tháng 4 đến tháng 9 hàng năm mà khách tắm biển chủ yếu đi vào những ngày cuối tuần do vậy mà thời gian rỗi của khách còn khá nhiều. Vì vậy, đây là cơ hội để có thể liên kết và tổ chức các tour tham quan làng bản bằng xe đạp, từ đó tạo thu nhập cho người dân địa phương dẫn đường, hướng dẫn viên địa phương, dịch vụ ăn uống, biểu diễn văn nghệ, dịch vụ nghỉ đêm tại nhà Bồi hoặc Chòi Vạng, các sản phẩm lưu niệm và dịch vụ vận chuyển (chèo đò).

+ Du thuyền hoặc bè mảng: tour này dùng phương tiện thuyền, bè (không nên dùng các loại thuyền gắn động cơ gây tiếng ồn) men theo các con lạch, thăm cảnh rừng ngập mặn, xem chim, tham quan tìm hiểu các khu nuôi trồng thủy sản của địa phương và nghỉ đêm tại chòi Vạng. Có thể tổ chức một số chương trình tham gia hoạt động sản xuất của cộng đồng (đánh cá, câu mực, khai thác ngao vạng)

+ Đi bộ: đi bộ men theo các khu rừng ngập mặn, qua thăm khu vực khai thác thủy sản của cộng đồng, bãi chim (để xây dựng các tour này, cần xem xét khả năng tạo con đường đi bộ tự nhiên tại những khu vực ít ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động bảo tồn, và không làm xáo trộn môi trường sống của chim di cư, xem xét tạo những cây cầu treo, cầu vượt rừng ngập mặn nhằm tạo cảm giác khác lạ, mở rộng tầm nhìn và các điểm ngắm cảnh cho du khách. Sử dụng nguyên vật liệu địa phương và hài hòa với môi trường, có thể làm bằng tre hoặc vật liệu phù hợp khác, tuyệt đối không sử dụng bê tông, cốt thép.

+ Trải nghiệm cuộc sống cộng đồng: chương trình xem chim, tham quan làng xóm kết hợp với các hoạt động hỗ trợ cộng đồng nhằm cải thiện điều kiện vệ sinh, sửa sang trường học hay tham gia lao động sản xuất và sinh hoạt cùng cộng đồng.

+ Thăm các nhà thờ, ngôi chùa kết hợp với làng nghề: Giao Thủy là một trong những huyện nằm trong vùng có tỷ lệ dân số theo đạo Thiên Chúa khá cao, nơi có những nhà thờ nổi tiếng trong xứ đạo của khu vực Bắc Bộ như nhà thờ Phú Nhai, nhà thờ Bùi Chu,... và nơi đây cũng có rất nhiều chùa chiền: chùa Cổ Lễ, chùa Keo Hành Thiện, và các làng nghề chiếu cói, làng nghề làm bánh nhãn, nước mắm,... Do vậy, có thể tổ chức một số tour du lịch về văn hóa tâm linh trong vùng,

du lịch làng nghề để du khách có thể cùng cộng đồng dân cư vùng sản xuất sản phẩm,...

Các tour được thiết kế trên nhằm phục vụ cho nhu cầu của đối tượng khách xem chim. Mặc dầu có thể có một vài đối tượng khách khác quan tâm đến hoạt động du lịch cộng đồng tại vùng ven biển nhưng số lượng khách này sẽ rất ít. Vì vậy, nếu tách rời tour du lịch tắm biển với đối tượng khách xem chim, các hoạt động du lịch sẽ trở nên kém khả thi. Việc xây dựng chương trình tham quan cho các tour đề xuất trên cần cân nhắc hợp lý yếu tố xuất phát điểm, thời gian tham quan, đối tượng và địa điểm tham quan, lộ trình tham quan, phương tiện tham quan, các hoạt động du lịch, hình thức tổ chức tham quan, thông tin hỗ trợ cho hoạt động tham quan.... Vì vậy xây dựng chương trình tham quan cần lồng ghép với hoạt động thiết kế xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, các dịch vụ du lịch, các đối tượng du lịch mà khách tham quan.

- *Các loại hình du lịch:*

+ Du lịch sinh thái: Tham quan Vườn quốc gia, tham quan vùng nuôi ngao.

+ Du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng: Nghỉ mát, tắm biển tại Quát Lâm- Giao Phong.

+ Du lịch thể thao mạo hiểm: Bơi thuyền, lướt ván, nhảy dù, mô tô nước...

+ Du lịch văn hoá tâm linh: Tham quan các di tích lịch sử, di tích văn hoá, di tích tâm linh, lễ hội.

+ Du lịch công vụ: Xây dựng các khu nghỉ dưỡng đẹp, trang bị hệ thống thiết bị hiện đại phục vụ du khách vừa đi du lịch vừa có thể làm việc bằng máy tính kết nối mạng Internet.

- *Xây dựng các tour du lịch hỗ trợ:*

+ Du lịch cuối tuần.

+ Hội nghị, hội thảo kết hợp với du lịch.

- *Xây dựng các tour du lịch:*

+ Các tour du lịch nội địa:

✓ Tour du lịch sinh thái đường biển Quát Lâm- VQG Xuân Thủy: đón khách du lịch từ bãi tắm Quát Lâm- Giao Phong bằng tàu biển đến Côn Lu thưởng ngoạn toàn bộ cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái đất ngập nước suốt dọc chiều dài 32

km bờ biển huyện Giao Thủy; tham quan khu nuôi thả, khai thác nhuyễn thể; tìm hiểu hệ sinh thái rừng ngập mặn, xem chim di trú.

✓ Tour du lịch đường bộ Quát Lâm- VQG Xuân Thủy: đón khách từ bến xe Quát Lâm bằng xe ô tô chất lượng cao theo chạy theo đê TW đến Trụ sở VQG Xuân Thủy, đi xuống tham quan VQG, tìm hiểu hệ sinh thái rừng ngập mặn và đời sống chim di trú.

✓ Phát triển, nhân rộng mô hình du lịch sinh thái cộng đồng tại xã Giao Xuân và các xã vùng đệm VQG Xuân Thủy.

+ Các tour du lịch liên kết trong và ngoài tỉnh:

✓ Hà Nội- Ninh Bình (Tràng An, Bái Đính)- Nam Định (Phủ Giầy, Đền Trần, Làng hoa và cây cảnh Nam Điền, Nhà lưu niệm cố Tổng Bí thư Trường Chinh)- Quát Lâm- Vườn Quốc gia Xuân Thủy.

✓ Gia nhập hành trình “Con đường di sản”: Khu dự trữ sinh quyển thế giới đất ngập nước ven biển liên tỉnh châu thổ sông Hồng: Kim Sơn (Ninh Bình)- Nghĩa Hưng- Quát Lâm, VQG Xuân Thủy- Thái Thụy, Tiền Hải (Thái Bình)- Khu dự trữ sinh quyển quần đảo Cát Bà (Hải Phòng)- Khu di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long- VQG Bái Tử Long (Quảng Ninh).

Về lâu dài, khi hạ tầng du lịch Giao Thủy phát triển sẽ nghiên cứu tổ chức các tuor du lịch các tỉnh, thành phố khác trong cả nước.

- Đề xuất về sản phẩm du lịch: (Phụ lục 5)

3.2.2.3. Quy hoạch và xây dựng 2 cụm du lịch:

- Cụm du lịch trung tâm Quát Lâm- Giao Phong: Sản phẩm du lịch là tắm biển, nghỉ dưỡng, du lịch cảnh quan tự nhiên, nghỉ ngơi cuối tuần. Xây dựng khu vui chơi giải trí, hồ câu cá, trang trại cây cảnh, làng văn hóa ẩm thực Việt (mang đặc trưng văn hóa đồng bằng châu thổ sông Hồng), khu biệt thự cho thuê, khu resort độc đáo ở một số khách sạn cao cấp, nhà nghỉ và cơ sở du lịch hiện đại cho khách lưu trú tại Quát Lâm. Hướng quy hoạch cụ thể như sau:

+ Củng cố, nâng cấp hệ thống nhà nghỉ, khách sạn hiện có khu du lịch Quát Lâm; quy hoạch lại khu ki- ốt theo hướng văn minh, hiện đại đảm bảo không phá vỡ cảnh quan môi trường khu du lịch.

+ Mở rộng khu du lịch sang vùng bãi biển thuộc địa phận xã Giao Phong

(77ha), quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng bảo đảm đồng bộ, văn minh, hiện đại. Đặc biệt chú trọng quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng khu ki-ốt đạt tiêu chuẩn ngay từ ban đầu.

+ Phát triển khu du lịch vào phía bên trong đê TW thuộc khu vực đồng muối thị trấn Quất Lâm và Ang Giao Phong với diện tích 365 ha (trừ diện tích 60.000 m² thuộc trận địa pháo phòng không 12,7 ly tại Quất Lâm và đất các công trình quốc phòng khác) quy hoạch xây dựng khách sạn cao cấp, khu vui chơi giải trí, làng văn hóa ẩm thực, trung tâm thương mại, khu biệt thự nghỉ dưỡng ...

+ Xây dựng cầu cảng biển đón khách từ Quất Lâm đi Côn Lu theo tuor du lịch sinh thái đường biển Quất Lâm- VQG Xuân Thủy.

- Cụm du lịch Vườn Quốc gia Xuân Thủy: Sản phẩm du lịch chính là du lịch sinh thái rừng ngập mặn, tham quan vùng nuôi ngao, tìm hiểu đời sống chim di trú. Không quy hoạch hệ thống khách sạn, nhà nghỉ tại đây để giảm thiểu tác động của con người đối với rừng ngập mặn và đời sống chim di trú, giữ vẻ đẹp của thiên nhiên hoang sơ. Tuy vậy cần mở rộng bộ phận làm dịch vụ phục vụ khách du lịch tại VQG Xuân Thủy với quy mô từ 30- 35 phòng nghỉ phục vụ khách tham quan, nghiên cứu khoa học đến bằng đường bộ. Xây dựng hệ thống nhà sàn mái lá giữa rừng phi lao, chòi quan sát làm điểm dừng chân nghỉ ăn trưa cho du khách trên đảo Côn Lu (diện tích 2.500 ha, trừ 10.000 m² đất quốc phòng), xây dựng bến cập tàu tại đảo Côn Lu đón khách đi tàu biển từ Quất Lâm thăm Vườn Quốc gia Xuân Thủy.

Đồng thời quy hoạch xây dựng đồng bộ các cơ sở dịch vụ có chất lượng cao: Hệ thống dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ công nghệ cao, viễn thông, cơ sở y tế chất lượng cao phục vụ khách về nghỉ dưỡng và làm việc.

3.2.2.4. Định hướng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ:

- Xây dựng cơ sở vật chất và cung cấp dịch vụ du lịch:

- Tiếp tục tập trung đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng như: giao thông, điện, nước sạch, thông tin liên lạc, y tế, đường liên gia, quy hoạch, xây dựng các địa điểm bán hàng để bà con ổn định bán hàng, giảm tình trạng đeo bám khách để bán hàng như hiện nay. Quy hoạch và xây dựng các điểm ngắm, điểm dừng chân.

- Hỗ trợ về vệ sinh môi trường như: xây dựng khu nhà vệ sinh, nhà tắm hợp

quy cách, hệ thống thu gom và xử lý rác thải, trồng rừng cảnh quan,...

- Đầu tư cho các cơ sở ăn uống: thường do người dân tự đầu tư.

- Xây dựng các nhà sinh hoạt tập thể, sử dụng làm nơi tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ tập thể phục vụ khách du lịch thường do các dự án cộng đồng đầu tư với sự hỗ trợ từ ngân sách, trong một số trường hợp các doanh nghiệp lữ hành cũng đóng góp cho các công trình này.

- Đầu tư cho hạ tầng: thường do ngân sách đầu tư, một số hạ tầng do các dự án cộng đồng đầu tư, ở một số điểm doanh nghiệp lữ hành cũng đầu tư cho hạ tầng.

- Đầu tư xây dựng sản phẩm: mục đầu tư này chủ yếu do các dự án cộng đồng hoặc doanh nghiệp đầu tư, chính quyền địa phương và người dân không tham gia đầu tư xây dựng sản phẩm tổng thành.

Tuy nhiên một vấn đề đối với việc xây dựng sản phẩm du lịch hiện nay là các sản phẩm khi bước đầu thành công thường không được tái đầu tư đổi mới sản phẩm. Vì vậy, sự hấp dẫn lâu dài của sản phẩm không còn. Thậm chí nhiều nơi tính thương mại ngày càng bị đẩy lên cao, nên du lịch ngày càng gặp khó khăn. Tình trạng sao chép thiếu sáng tạo cũng là những hạn chế đối với xây dựng sản phẩm du lịch tại địa phương.

3.2.3. Nhiệm vụ, kế hoạch phát triển du lịch Giao Thủy giai đoạn 2011-2015:

3.2.3.1. Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng bãi tắm Quát Lâm:

- Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách Tỉnh đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kè và đường trục số 4 bãi tắm Quát Lâm. (Dự án đã được phê duyệt với tổng vốn đầu tư 58 tỷ đồng, đang trong quá trình thi công, đã thực hiện 14 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 2011 là 44 tỷ đồng).

- Đề nghị công ty Điện lực I Nam Định tiếp tục đầu tư xây dựng thêm 2 trạm biến áp điện công suất 250 KVA theo quy hoạch đã được phê duyệt (vốn đầu tư ước tính 12 tỷ đồng).

- Trích một phần ngân sách thu từ bãi tắm Quát Lâm cùng với huy động nguồn đóng góp của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh dịch vụ du lịch mở rộng con đường bê tông và xây dựng hệ thống thoát nước sau khu vực ki-ốt nhằm cải tạo cảnh quan môi trường khu du lịch (vốn đầu tư ước tính 1 tỷ đồng)

- củng cố, nâng cấp hệ thống nhà nghỉ, khách sạn hiện có, cho phép khu ki-ốt

được xây dựng 01 tầng kiên cố nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ kinh doanh lưu trú. Hướng dẫn, khuyến khích, tạo điều kiện cho các khách sạn làm thủ tục đề nghị xếp hạng sao. Đôn đốc các chủ dự án đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng các công trình nhà nghỉ, khách sạn, khu vui chơi giải trí để sớm đưa vào khai thác, sử dụng theo các dự án thuê đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2.3.2. Mở rộng khu du lịch sang địa phận xã Giao Phong:

*** Phương án 1:** Phát triển theo mô hình khu du lịch Quất Lâm, quy hoạch và xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng:

+ 03 đường trục, hệ thống thoát nước: 3 km	=	30 tỷ đ
+ 03 trạm biến áp 250KVA và đường điện hạ thế	=	18 tỷ đ
+ 01 trạm cấp nước sạch	=	2 tỷ đ
Tổng nguồn vốn đầu tư ước tính:		<u>50 tỷ đ</u>

*** Phương án 2:**

Phát triển Du lịch Giao Phong theo mô hình du lịch sinh thái chất lượng cao, góp phần đa dạng hoá sản phẩm du lịch của huyện.

- Không xây dựng hệ thống kè biển, giữ vẻ đẹp bãi biển hoang sơ.

- Giữ nguyên vẹn và phát triển thảm thực vật hiện có (trồng rừng phi lao và rừng ngập mặn chắn sóng).

- Xây dựng các khách sạn, khu resort, biệt thự nghỉ dưỡng sinh thái chất lượng cao, nhà sàn, nhà chòi thân thiện với môi trường phục vụ khách quốc tế và khách nội địa có nhu cầu tìm đến với thiên nhiên hoang dã.

- Đầu tư kết cấu hạ tầng:

+ 03 đường trục, hệ thống thoát nước: 3 km	=	30 tỷ đ
03 trạm biến áp 250KVA và đường điện hạ thế	=	18 tỷ đ
+ 01 trạm cấp nước sạch	=	2 tỷ đ
Tổng nguồn vốn đầu tư ước tính:		<u>50 tỷ đ</u>

3.2.3.3. Xây dựng bến cập tàu du lịch tại cửa Hà Lạn và sông Trà khu vực Đảo Cồn

Lu, thiết lập tua Du lịch sinh thái đường biển Quất Lâm, Giao Phong- Vườn quốc gia Xuân Thủy. Lập quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Xuân Thủy.

+ Bến cập tàu du lịch tại Hà Lạn và Cồn Lu	=	5 tỷ đ
+ 02 trạm biến áp 250KVA, đường điện hạ thế	=	13 tỷ đ
+ 01 trạm nước sạch	=	2 tỷ đ
Tổng nguồn vốn đầu tư ước tính:		<u>20 tỷ đ</u>

3.2.3.4. *Lập quy hoạch Trung tâm du lịch sinh thái biển Quất Lâm, Giao Phong:* quy hoạch khu khách sạn cao cấp, khu vui chơi giải trí, trung tâm thương mại, làng văn hoá ẩm thực, khu biệt thự... (bên trong đê Trung ương), xây dựng sa bàn quy hoạch, kêu gọi các tập đoàn tài chính đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

Nguồn vốn đầu tư ước tính 1.000 tỷ đồng.

3.2.3.5. *Chỉ tiêu kế hoạch phát triển du lịch Giao Thủy giai đoạn 2011-2015:*

- Tổng lượng khách du lịch đến Giao Thủy năm 2015 là 323.790 lượt người, trong đó:

+ Khách nội địa: 323.090 người

+ Khách quốc tế: 700 người

+ Khách lưu trú: 152.560 người

+ Lưu trú trung bình: 1,7 ngày

- Tổng số phòng nghỉ đạt tiêu chuẩn 1.293 phòng, hiệu suất sử dụng buồng phòng 55 %.

- Tổng doanh thu du lịch: 136 tỷ đồng, thu nộp ngân sách 6,1 tỷ đồng.

- Tổng số lao động thu hút trong ngành du lịch: 2.180 người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: 760 người

+ Lao động gián tiếp: 1.420 người

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 55 %.

Bảng 5: Số lượng khách đến Giao Thủy thời kỳ 2011-2015

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng số khách	Lượt người	206.000	230.700	258.300	289.100	323.790
<i>Khách. nội địa</i>	Lượt người	205.700	230.300	257.800	288.500	323.090
Tr.đókhách lưu trú	Lượt người	72.000	87.500	105.600	126.000	152.000
Lưu trú trung bình	Ngày	1,1	1,3	1,5	1,7	1,9
<i>Khách quốc tế</i>	Lượt người	300	400	500	600	700
Trong đó khách lưu trú	Lượt người	190	240	350	480	560
Lưu trú trung bình	Ngày	1,0	1,1	1,2	1,4	1,6
Tổng số phòng	phòng	1.133	1.173	1.213	1.253	1.293
HSSD phòng	%	35	40	45	50	55

Bảng 6: Chỉ tiêu doanh thu du lịch 2011-2015

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Doanh thu	Tỉ đồng	45	54	67	80	96	136
Nộp NS	Tỉ đồng	2,4	3	3,6	4,3	5,7	6,1

Bảng 7: Chỉ tiêu nguồn nhân lực trong ngành du lịch 2011-2015

Chỉ tiêu	Đ.vị tính	2011	2012	2013	2014	2015
Lao động trực tiếp	Người	484	542	607	680	760
Lao động gián tiếp	Người	970	1.080	1.210	1.360	1.420
Tổng số lao động	Người	1.454	1.620	1.810	2.040	2.180
Tỷ lệ LĐ qua đào tạo	%	30	35	40	45	55

3.3. Một số giải pháp chủ yếu phát triển du lịch huyện Giao Thủy:

3.3.1. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về du lịch:*

Trước hết cần nâng cao nhận thức về du lịch cho đối tượng là các cán bộ làm công tác quản lý về du lịch, những người hoạch định chính sách liên quan đến bảo tồn thiên nhiên và phát triển du lịch, những người cung ứng dịch vụ du lịch, nhân

dân địa phương và khách du lịch. Đối với từng đối tượng phải vận dụng các hình thức và nội dung khác nhau để tuyên truyền giáo dục cho thích hợp để các đối tượng hiểu rõ trách nhiệm và lợi ích khi tham gia kinh doanh, sử dụng các loại hình dịch vụ du lịch. Cụ thể như sau:

- Đối với đối tượng là cán bộ quản lý, hoạch định chính sách: Cần nâng cao nhận thức về lợi ích của du lịch, các nguyên tắc phát triển du lịch. Hình thức đào tạo: Bồi dưỡng tập trung, tham quan, thông qua các phương tiện truyền thông.

- Đối với những người kinh doanh du lịch: Cần nâng cao nhận thức về bản chất và các yếu tố cấu thành du lịch, các nguyên tắc và yêu cầu du lịch. Hình thức áp dụng là bồi dưỡng tập trung, tham quan, thông qua các phương tiện truyền thông.

- Đối với khách du lịch: Tuyên truyền làm rõ về lợi ích của hệ sinh thái đất ngập nước và trách nhiệm của du khách. Hình thức tuyên truyền: thông qua tờ rơi, hướng dẫn viên du lịch.

- Đối với dân cư tại điểm du lịch: Tuyên truyền nâng cao nhận thức về trách nhiệm đối với hoạt động mà mình tham gia. Hình thức đào tạo là tổ chức các hội nghị tuyên truyền, lớp tập huấn ngắn hạn và thông qua các phương tiện truyền thông.

3.3.2. Giải pháp tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch:

- Trong thời gian tới để tạo lập và nâng cao hình ảnh du lịch Giao Thủy, một trong những việc cần làm là công tác xúc tiến quảng bá. Để thực hiện công tác này cần nghiên cứu tâm lý, thị hiếu, tập quán, thói quen tiêu dùng của các đối tượng khách du lịch để có sản phẩm phù hợp với thị trường thông qua các chương trình quảng cáo có tính chất chuyên nghiệp bằng hình ảnh, đa dạng hoá các hình thức thông tin tuyên truyền, các ấn phẩm phát hành thông tin một cách thường xuyên và liên tục theo các kênh khác nhau, có chất lượng để phản ánh, giới thiệu về du lịch Giao Thủy, lấy du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Xuân Thủy là sản phẩm chủ lực mang tính đặc thù.

- Phối hợp chặt chẽ với sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch, các cơ quan báo chí của Trung ương và địa phương để thực hiện công tác tuyên truyền quảng bá.

- Xây dựng website về du lịch Giao Thủy. Tham gia thường xuyên các hội

chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo du lịch trong nước và quốc tế, phối hợp với các cấp, các ngành, các đơn vị có liên quan tiến hành các chiến dịch phát động thị trường.

- Khuyến khích các cơ sở kinh doanh, các nhà đầu tư, các tổ chức xã hội và nhân dân trong huyện tích cực tham gia công tác tuyên truyền quảng bá xúc tiến du lịch; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị làm việc nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ những người làm công tác du lịch để thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, quảng bá, kêu gọi đầu tư.

- Tranh thủ những lợi thế về ổn định chính trị, về truyền thống văn hóa lịch sử để xây dựng và tổ chức các sự kiện về du lịch Giao Thủy, tạo ra điểm nhấn trong việc nâng cao hình ảnh du lịch của huyện nhà.

- Thành lập quỹ hỗ trợ và phát triển du lịch trên cơ sở hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn thu của hoạt động du lịch, đóng góp của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh dịch vụ du lịch, tài trợ của các tổ chức trong nước và nước ngoài.

3.3.3. Giải pháp về quy hoạch:

Du lịch Quất Lâm đã có quy hoạch tổng thể phát triển đến năm 2010, được phê duyệt từ năm 2004, tuy nhiên cho đến nay đã có rất nhiều biến động về tình hình phát triển kinh tế- xã hội, song bản quy hoạch này chưa được điều chỉnh, bổ sung. Do đó, cần thiết phải có bản quy hoạch có tầm nhìn rộng hơn cả về không gian và thời gian cho phù hợp với mục tiêu xây dựng Trung tâm du lịch sinh thái Quất Lâm, Giao Phong- Vườn Quốc gia Xuân Thủy.

Trước mắt, huyện phối hợp với Sở Văn hoá – Thể thao & Du lịch tỉnh Nam Định và các cơ quan chuyên ngành khác, đặc biệt là mời các chuyên gia có kinh nghiệm để tiến hành quy hoạch chi tiết phát triển du lịch Giao Thủy đến năm 2020 và xa hơn nữa. Trong việc lập quy hoạch và thực hiện quy hoạch cần lưu ý kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp với việc bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ lợi ích cộng đồng dân cư nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

3.3.4. Giải pháp về tổ chức quản lý:

Thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển du

lich Giao Thủy với các nhiệm vụ cụ thể đảm bảo các điều kiện để Ban này hoạt động liên tục, có hiệu lực và hiệu quả. Nhiệm vụ của Ban này là: nghiên cứu những chủ trương, chính sách phát triển du lịch của Nhà nước, các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và huyện. Tổng hợp, tư vấn và đề xuất với Huyện ủy, UBND huyện về những chủ trương, chính sách và biện pháp thúc đẩy phát triển du lịch huyện theo định hướng phát triển quy hoạch tổng thể. Tổ chức công khai các dự án quy hoạch chi tiết đầu tư phát triển du lịch và thông tin quảng cáo thu hút đầu tư phát triển du lịch theo dự án đầu tư. Tư vấn cho UBND huyện thẩm định kỹ thuật đối với các dự án đầu tư du lịch theo quy hoạch hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, đề xuất với UBND huyện những giải pháp quyết định kịp thời về việc quản lý nhà nước đối với những khu vực không gian địa lý được đầu tư phát triển du lịch và có những dự án đầu tư phát triển du lịch. Xây dựng quy chế tổ chức quản lý khai thác đầu tư du lịch tại địa phương.

3.3.5. Giải pháp về vốn:

Việc đầu tư kết cấu hạ tầng cần đi trước nhằm đẩy nhanh việc triển khai thực hiện quy hoạch và tạo ra động lực hấp dẫn thu hút vốn của các nhà đầu tư. Các nguồn vốn chính cần huy động bao gồm: Vốn xây dựng các công trình hạ tầng và tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá. Huy động vốn từ nguồn ODA, vốn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương, vốn từ ngân sách địa phương hoặc vốn doanh nghiệp thông qua các chương trình hành động quốc gia về du lịch. Ngoài ra có thể huy động nguồn vốn trong nhân dân. Đặc biệt cần đẩy mạnh công tác đối ngoại, tiếp cận với các doanh nghiệp TW, các tập đoàn tài chính đầu tư trong lĩnh vực du lịch, vui chơi giải trí, thu hút họ đầu tư phát triển du lịch Giao Thủy thông qua các cơ chế ưu đãi thích hợp.

3.3.6. Các giải pháp về cơ chế chính sách:

- Cơ chế chính sách quản lý: Trên cơ sở đánh giá vị trí ngành du lịch trong tổng thể cơ cấu kinh tế của huyện, cần tập trung tạo được hành lang pháp lý thông thoáng cho hoạt động du lịch phát triển song song với hoạt động thương mại trên địa bàn. Xây dựng quy chế tổ chức quản lý khai thác, đầu tư du lịch tại địa phương, tạo ra các cơ chế chính sách phối hợp liên ngành, xây dựng các văn bản cam kết, quy định liên ngành để phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch và

tổ chức khai thác, phát triển du lịch.

- Cơ chế chính sách thu hút đầu tư: Vận dụng một cách linh hoạt Luật đầu tư trong nước, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, chính sách ưu đãi riêng có của Nhà nước đối với vùng biên giới hải đảo. Xây dựng chính sách thuế, chính sách giá đất hấp dẫn để cạnh tranh thu hút vốn đầu tư. Xác lập về mặt pháp lý quyền sử dụng, khai thác đất đai, tài nguyên du lịch đối với các dự án đầu tư du lịch tại địa phương ổn định lâu dài để các nhà đầu tư yên tâm. Cần có một cơ chế chính sách giải phóng mặt bằng cho các dự án phát triển nhanh, hiệu quả, không gây ra những bất ổn ảnh hưởng đến chủ đầu tư.

- Có cơ chế khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và hoạt động du lịch vì chính sự tham gia của người dân sẽ góp phần tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cải thiện chất lượng cuộc sống, từ đó người dân sẽ nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, ý thức trách nhiệm trong tham gia các hoạt động du lịch.

3.3.7. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực:

- Làm tốt công tác hướng nghiệp, dạy nghề cho học sinh phổ thông, tăng tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đi học nghề, trung học chuyên nghiệp; định hướng cho học sinh tốt nghiệp THPT thi vào các trường cao đẳng và đại học về các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ lệ lao động làm việc trong ngành du lịch, thương mại, dịch vụ.

- Tranh thủ sự quan tâm của Tổng cục dạy nghề, phối hợp với Sở LĐTB&XH, Trường trung cấp nghề mở các lớp dạy nghề thương mại- du lịch tại huyện theo hình thức liên kết đào tạo với các trường cao đẳng, đại học có uy tín trong nước nhằm nhanh chóng xây dựng lực lượng lao động có tay nghề cao đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành du lịch những năm tới, đặc biệt là đội ngũ quản lý, hướng dẫn viên và tư vấn du lịch, đội ngũ quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ, các chủ hộ gia đình kinh doanh dịch vụ du lịch, công nhân lành nghề thuộc lĩnh vực thương mại- du lịch.

3.3.8. Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương:

- Ban hành quy chế tổ chức đầu tư phát triển và khai thác du lịch tại địa

phương theo Luật du lịch và những nghị định, quy chế đặc thù của ngành du lịch.

- Tăng cường quản lý nhà nước trong các lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn đầu tư, chống lấn chiếm sử dụng đất đai trái phép, khai thác tài nguyên trái phép, bảo vệ sự trong lành của môi trường tự nhiên, duy trì sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và khách du lịch.

- Hoạch định kế hoạch phân kỳ đầu tư, phát triển hợp lý cho từng giai đoạn đảm bảo sử dụng hợp lý tài nguyên, tiết kiệm vốn đầu tư, cân đối nhu cầu du lịch đảm bảo hiệu quả đầu tư .

- Quản lý và kiểm soát chặt chẽ các dự án đầu tư xây dựng trong khu vực theo quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết

- Quy mô đầu tư cho từng dự án du lịch: Cần quan tâm từ đầu về quy mô dự án, khi quy hoạch chi tiết các dự án phát triển du lịch, quy mô các dự án không nên quá nhỏ dưới 5 ha cho mỗi dự án; khuyến khích các dự án có quy mô bằng hoặc lớn hơn 10 ha với quan điểm phát triển thành khu du lịch đa năng, tránh việc phân lô đầu tư nhỏ sẽ tạo ra những khu vực không có chủ thể quản lý trên thực tế.

3.3.9. Giải pháp tăng cường liên kết kinh tế mở rộng không gian lưu thông:

Đối với trong nước cần quan tâm liên kết kinh tế du lịch với các tổ chức du lịch trong vùng Nam đồng bằng sông Hồng mà Hà Nội là nòng cốt. Đối với nước ngoài, đặc biệt quan tâm liên kết kinh tế du lịch với các tổ chức phi chính phủ, đại sứ quán các nước tại Hà Nội nhằm khai thác thị trường khách du lịch quốc tế quan tâm đến hệ sinh thái đất ngập nước Vườn quốc gia Xuân Thủy.

3.3.10. Giải pháp khoa học công nghệ:

Tiếp cận với các đề tài khoa học về lĩnh vực du lịch và công nghệ mới trong việc tổ chức phát triển và quản lý du lịch trong nước và du lịch quốc tế để lựa chọn các mô hình tổ chức hoạt động như: lễ hành du lịch, vận chuyển du lịch, tổ chức hình thành khu du lịch, khu vui chơi giải trí, thể thao, khách sạn và các hình thức lưu trú khác đảm bảo thiết thực, phù hợp, hiện đại không bị lạc hậu với xu thế, có sức cạnh tranh và tiết kiệm đầu tư.

Nghiên cứu các xu hướng phát triển du lịch trên thế giới của các nhà khoa học và công nghệ phục vụ du lịch, nhu cầu hưởng thụ du lịch trong thế kỷ XXI để ứng

dụng xây dựng các dự án đầu tư phát triển du lịch, thiết kế các mô hình khu du lịch tổng hợp với nhiều chức năng khác nhau như: nghỉ ngơi, hưởng thụ, giải trí, thể thao,...

3.3.11. Giải pháp bảo vệ môi trường cảnh quan du lịch:

Quản lý và kiểm soát các dự án đầu tư xây dựng trong khu vực theo quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết: một trong những giải pháp cơ bản đặc biệt quan trọng để bảo vệ cảnh quan khu vực là xây dựng chiến lược khai thác đồng bộ thông qua các quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết. Các quy hoạch đó sẽ định ra các phân kỳ phát triển hợp lý đi kèm các nguyên tắc tổ chức cảnh quan môi trường. Các tiêu chí và chỉ tiêu như: mật độ xây dựng, chiều cao công trình, hệ số sử dụng đất, phong cách kiến trúc, vật liệu xây dựng cần được giám sát chặt chẽ trong quá trình phê duyệt các dự án đầu tư trong khu vực.

Quản lý số lượng khách du lịch không vượt quá “sức chứa” của môi trường: một trong những giải pháp nhằm tránh sức ép của hoạt động du lịch tới môi trường là việc đánh giá “sức chứa của khu vực đó”. Quan niệm về sức chứa được sử dụng trong việc quy hoạch các khu du lịch ven biển, được hiểu với nghĩa là: “Số lượng và đơn vị sử dụng mà một điểm du lịch có thể cung cấp mỗi năm không làm suy giảm các khả năng vật lý, sinh học bình thường của khu vực và cũng không làm mất đi chất lượng của điểm du lịch. Định nghĩa này quan hệ chủ yếu tới đặc tính sinh học và vật lý của khu du lịch”. Sức chứa được đánh giá bởi rất nhiều yếu tố nhưng cuối cùng nó được quyết định bởi các quản lý về mức độ sử dụng.

Ưu tiên phát triển kiến trúc sinh thái. Đối với điều kiện môi trường nhạy cảm như trong các đảo du lịch, việc phát triển kiến trúc sinh thái càng phải được đề cao như một giải pháp tất yếu cho sự phát triển bền vững. Việc phát triển kiến trúc sinh thái cần phải dựa trên các yêu cầu như sau:

Việc lựa chọn địa điểm xây dựng: cần lựa chọn các địa điểm xây dựng có vị trí xa các khu vực có hệ sinh thái nhạy cảm, địa hình ít phải san lấp, kiểm tra những điều kiện hiện có như: khí hậu, thổ nhưỡng, nước ngầm, không khí, năng lượng, những chất thải xấu của môi trường để đưa ra các dự báo tác động môi trường đối với việc xây dựng.

Tạo một chu trình khép kín của hệ sinh thái: công trình kiến trúc trên đảo cần

ưu tiên sử dụng các năng lượng của tự nhiên như sức gió, sức nước, ánh sáng mặt trời để tạo ra một chu trình khép kín hạn chế lượng chất thải ra môi trường.

Kiến trúc đa dạng: sự đa dạng tạo ra khả năng hòa nhập thích nghi đối với các hệ sinh thái khác nhau. Công trình xây dựng trong khu vực rừng ngập mặn cần phải có hình thức khác với các công trình xây dựng trong khu rừng tự nhiên.

Mật độ xây dựng: là tiêu chí quan trọng để khống chế sự phát triển của công trình kiến trúc sao cho không lấn át môi trường tự nhiên. Kiến trúc cần có tỷ lệ gần gũi với con người, gắn được công trình vào cảnh quan thiên nhiên.

Công nghệ xử lý môi trường: áp dụng các công nghệ xử lý môi trường hiện đại, tiên tiến trên thế giới, ưu tiên sử dụng các loại năng lượng sạch.

Nâng cao nhận thức môi trường: tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về môi trường cho các nhà quản lý, các nhà đầu tư và cộng đồng người dân bản địa.

3.3.12. Giải pháp về kỹ thuật nghiệp vụ khác:

Xử lý tính mùa vụ: Huyện Giao Thủy có từ 3 đến 4 tháng mùa đông không thích hợp cho các loại hình du lịch ngắn ngày vì vậy cần phải có giải pháp sử dụng lao động hiệu quả tốt hơn. Tốt nhất là nên đào tạo lao động tại chỗ, hợp đồng thời vụ cho các đối tượng lao động vùng đệm để cung cấp cho các dự án phát triển du lịch vừa ổn định và cải thiện mức sống cộng đồng, vừa phù hợp hiệu quả đầu tư và kinh doanh du lịch do nguyên nhân mùa vụ gây ra. Lựa chọn các mô hình du lịch tổng hợp với nhiều chức năng khác nhau để khắc vụ tính mùa vụ.

Quy mô đầu tư cho từng dự án du lịch: cần quan tâm từ đầu về quy mô dự án, khi quy hoạch chi tiết các dự án phát triển du lịch, quy mô các dự án không nên quá nhỏ dưới 5ha cho mỗi dự án, quy mô bằng hoặc lớn hơn 10ha với quan điểm phát triển thành khu du lịch đa năng, tránh việc phân lô đầu tư nhỏ sẽ tạo ra những khu vực không có chủ thể quản lý trên thực tế.

Sớm triển khai chương trình đào tạo nhân lực tại chỗ: cùng với yêu cầu về kỹ thuật, cần quan tâm đến việc giáo dục đào tạo về kỹ năng ứng xử, văn hóa phục vụ tạo ra những điều kiện hấp dẫn các chủ đầu tư và khách du lịch.

3.4. Kiến nghị, đề xuất:

3.4.1. Kiến nghị với Chính phủ, Tổng cục du lịch và các cơ quan TW:

- Quan tâm tạo điều kiện cho huyện Giao Thủy được tiếp cận các nguồn vốn

vay từ nguồn ODA, vốn hỗ trợ từ ngân sách TW thông qua các chương trình hành động quốc gia về du lịch.

- Có chính sách ưu đãi điều tiết nguồn thu ngân sách giữa Trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước để tăng nguồn vốn đầu tư cho khu du lịch Quất Lâm, Giao Phong- Vườn Quốc gia Xuân Thủy.

- Sớm triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường quốc phòng ven biển để tạo điều kiện cho tỉnh Nam Định nói chung và huyện Giao Thủy nói riêng hội nhập kinh tế với các tỉnh miền Bắc và đồng bằng sông Hồng.

3.4.2. Kiến nghị với UBND tỉnh Nam Định:

- Cho phép huyện Giao Thủy được mời các công ty tư vấn giỏi có năng lực tham gia lập quy hoạch xây dựng tổng thể và quy hoạch chi tiết Trung tâm du lịch sinh thái biển Quất Lâm – Vườn quốc gia Xuân Thủy. Từ đó tổ chức đấu thầu dự án đầu tư kinh doanh du lịch ở huyện Giao Thủy tạo ra thị trường lành mạnh trong kinh doanh và lựa chọn được những doanh nghiệp có khả năng tài chính để đầu tư phát triển nhanh chóng.

- Phê duyệt Đề án phát triển Trung tâm du lịch sinh thái Quất Lâm, Giao Phong- VQG Xuân Thủy, chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp với UBND huyện Giao Thủy lập quy hoạch phát triển du lịch Giao Thủy giai đoạn 2011-2020. Tổ chức đấu thầu dự án đầu tư kinh doanh du lịch ở huyện Giao Thủy, tạo ra thị trường lành mạnh trong kinh doanh và lựa chọn được những doanh nghiệp có năng lực tài chính đủ mạnh để đầu tư phát triển nhanh chóng.

- Phê duyệt các dự án đầu tư phát triển và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm tại Khu du lịch Quất Lâm, Giao Phong- VQG Xuân Thủy; với những dự án không tiến hành triển khai thực hiện, UBND tỉnh cần xem xét để có quyết định thu hồi nhằm đảm bảo quỹ đất được sử dụng theo đúng quy hoạch, tránh nguy cơ đầu cơ tích lũy đất của các doanh nghiệp. Nghiên cứu, ban hành các quy định khuyến khích phát triển đầu tư du lịch trên địa bàn tỉnh, chỉ đạo việc triển khai nghiên cứu thị trường du lịch, đẩy mạnh xúc tiến quảng bá du lịch Nam Định nói chung và du lịch huyện Giao Thủy nói riêng trong nước, trong khu vực và quốc tế.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch của huyện, nhất là tuyến tỉnh lộ 56 đã và đang xuống cấp, cứng hóa mặt đê TW các

đoạn còn lại từ Quất Lâm đến VQG Xuân Thủy.

3.4.3. Kiến nghị với huyện Giao Thủy

- Rà soát lại quy hoạch tổng thể khu du lịch Quất Lâm, quy hoạch cụm công nghiệp Thịnh Lâm và quy hoạch các điểm du lịch của huyện để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới. Cụ thể là:

+ Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu du lịch Quất Lâm theo hướng mở rộng quy mô, nâng cao kết cấu hạ tầng theo hướng hiện đại; mở rộng khu du lịch về phía bên trong đê TU (do nguy cơ nước biển dâng), thu hồi đất muối của thị trấn Quất Lâm hiện sản xuất kém hiệu quả để quy hoạch xây dựng khu biệt thự nghỉ dưỡng, sân Golf, khu vui chơi giải trí, khách sạn cao cấp, quy hoạch khu đô thị mới bán đất cho người có thu nhập cao tại các thành phố lớn để xây biệt thự nghỉ dưỡng cuối tuần...

+ Điều chỉnh quy hoạch cụm công nghiệp Thịnh Lâm, phần diện tích nằm trên địa giới hành chính của thị trấn Quất Lâm chuyển mục đích sử dụng phục vụ cho phát triển du lịch và cũng là giảm thiểu tác động tiêu cực của cụm công nghiệp đến môi trường khu du lịch; phần diện tích thuộc địa giới hành chính của xã Giao Thịnh tiếp tục quy hoạch cho phát triển cụm công nghiệp.

+ Lập dự án xây dựng âu thuyền Hà Lạn thành cầu cảng biển, xây dựng cầu cảng biển trên đảo Cồn Lu phục vụ tuyến du lịch sinh thái bằng đường biển Quất Lâm – Vườn quốc gia Xuân Thủy.

Có cơ chế khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và hoạt động du lịch vì chính sự tham gia của người dân sẽ góp phần tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cải thiện chất lượng cuộc sống từ đó người dân sẽ nâng cao ý thức trách nhiệm đến việc bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, ý thức trách nhiệm trong tham gia các hoạt động du lịch.

Tập trung đầu tư cho công tác đào tạo nâng cao trình độ quản lý chuyên ngành của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. Huy động vốn từ nhiều thành phần kinh tế để đầu tư phát triển du lịch một cách đồng bộ và hiệu quả.

3.4.4. Với các nhà đầu tư kinh doanh du lịch trên địa bàn huyện:

Có cơ chế đầu tư cho công tác đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ lao động chuyên nghiệp trong doanh nghiệp, đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên. Phối hợp

chặt chẽ với các cơ quan chức năng của địa phương để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cho kinh doanh du lịch nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Đảm bảo chất lượng các dịch vụ hàng hóa tương xứng giá cả mà khách phải chi trả.

Có các biện pháp đảm bảo an toàn về sức khỏe, tính mạng và tài sản của du khách, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và các quy định khác của pháp luật, tạo hình ảnh, thương hiệu kinh doanh của đơn vị.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Từ lâu, du lịch được biết đến là ngành kinh tế tổng hợp có tính xã hội hóa cao. Vì vậy, hoạt động phát triển du lịch có thể thu hút và cần được sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế và cộng đồng xã hội. Đây được xem là một trong những điểm mạnh của du lịch so với các ngành kinh tế khác. Vì vậy, trong tương lai nếu biết khai thác tốt tiềm năng vốn có của huyện kết hợp với các hoạt động du lịch khác thì sẽ thu hút ngày một đông du khách đến với huyện Giao Thủy hơn. Hy vọng rằng Quất Lâm cùng với khu du lịch nghỉ dưỡng Giao Phong sẽ được kết nối với du lịch sinh thái Vườn Quốc Gia Xuân Thủy sẽ trở thành khu du lịch hiện đại với các khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao và các loại hình dịch vụ hấp dẫn phục vụ du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng. Những nhà nghỉ, khách sạn mới đang tiếp tục mọc lên với các phòng nghỉ chất lượng cao, môi trường trong lành, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự được đảm bảo, thái độ phục vụ khách thân thiện cởi mở ngày càng văn minh chuyên nghiệp. Đến với Giao Thủy du khách sẽ được sống trong bầu không khí cởi mở, thân thiện và hiểu biết với những ngày nghỉ vui tươi, sáng khoái, đầy ấn tượng về sự quyến rũ của cảnh quan thiên nhiên, hương vị đậm đà, độc đáo của các món ăn hải sản và tình cảm nồng hậu đầm ấm của người dân nơi đây.

Tất cả đã sẵn sàng cho một mùa du lịch mới hứa hẹn những kỳ nghỉ đầy lý thú và bổ ích, những chuyến du lịch đầy ấn tượng kỷ niệm khó quên.

KẾT LUẬN

Phát triển du lịch là một xu thế tất yếu của thời đại, là mục tiêu đặt ra cho sự phát triển xã hội và có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam nói chung và huyện Giao Thủy nói riêng.

Giao Thủy là một huyện có nhiều lợi thế để phát triển du lịch song du lịch ở đây vẫn chưa phát triển tương xứng với những giá trị đặc biệt được thiên nhiên ưu đãi ấy. Sở dĩ như vậy một phần là do công tác tổ chức quản lý còn nhiều yếu kém, cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng còn nghèo nàn, chưa hoàn thiện, việc tuyên truyền quảng bá cho du lịch nơi đây vẫn còn ít. Phát triển du lịch là yếu tố quan trọng nhất để phát triển kinh tế xã hội và nâng cao mức sống và dân trí của chính quyền và nhân dân địa phương nơi đây.

Trong khuôn khổ đề tài này, nét độc đáo của huyện Giao Thủy – một huyện ven biển tỉnh Nam Định đã được khai thác, phát triển thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương. Bên cạnh đó, bài khóa luận đã kết nối các tour tuyến với những sản phẩm hỗ trợ nhằm tăng tính hấp dẫn, nâng cao khả năng cạnh tranh cho du lịch của huyện với các địa phương khác.

Vấn đề bảo vệ môi trường, phát triển bền vững là sợi chỉ đỏ xuyên suốt khóa luận nhằm đảm bảo môi trường trong lành cho người dân, sự hấp dẫn, trường tồn của điểm du lịch.

Hy vọng trong những năm tới, cùng với sự định hướng của nhà nước, sự quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, sự phối hợp của các ban ngành liên quan, du lịch tại địa bàn huyện Giao Thủy sẽ phát triển bền vững, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn nữa theo định hướng “Bền vững, phồn thịnh và văn minh” và trong tương lai không xa du lịch sẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban quản lý khu du lịch biển Quất Lâm: Báo cáo tổng kết hàng năm về hoạt động du lịch tại khu du lịch Quất Lâm
2. Ban quản lý VQG Xuân Thủy Nam Định: Báo cáo tổng kết hàng năm về hoạt động du lịch tại vườn quốc gia Xuân Thủy
3. Nguyễn Viết Cách: Quy hoạch quản lý bảo vệ và phát triển VQG Xuân Thủy
4. Nguyễn Viết Cách (2007): VQG Xuân Thủy là khu Ramsar và khu dự trữ sinh quyển thế giới, Báo Nam Định số 1450 ngày 8/7/2007.
5. Thế Đạt (2003): Du lịch và du lịch sinh thái, Nhà xuất bản lao động Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Lưu: Thị trường du lịch, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội năm 2008
7. Phạm Trung Lương: Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam, Đề tài KHCN độc lập cấp Nhà nước , Hà Nội 12/2002.
8. Đồng Ngọc Minh – Vương Lôi Đình: Kinh tế du lịch và du lịch học, Nhà xuất bản trẻ.
9. Vũ Trung Tạng: Báo cáo tổng kết chương trình bảo vệ môi trường: Quy hoạch định hướng cho một số hệ sinh thái đất ngập nước ven biển Bắc Bộ cho phát triển bền vững.
10. Trần Đức Thanh: Nhập môn khoa học du lịch, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội
11. Bùi Thị Hải Yến: Tài nguyên du lịch

Webside:

www.dulichnamdinh.com.vn

<http://www.nguoinamdinh.com>

<http://www.vietnamtourism.com.vn>

www.vuonquocgiaxuanthuy.org.vn

<http://www.webdulich.com>

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ DU LỊCH GIAO THỦY



Bãi tắm Quất Lâm

(c)2005 hanoiroy1996 & photo.com.vn



NguoiNamDinh.Com



Dự án khu vui chơi giải trí Quất Lâm



Tắm biển Quất Lâm



Du lịch điền dã



Cò Mỏ Thìa – VQG Xuân Thủy



Vườn Quốc Gia Xuân Thủy



Nhà Thờ Đền Thánh Thánh Tâm Chúa Giesu Đại Đồng



Nhà Bôi



Đặc sản Quất Lâm



Nem nậm Giao Thủy



Hương vị của Biển

Phụ lục 2: Diện tích các loại rừng và bãi bồi ở Vườn quốc gia Xuân Thủy

Hạng mục Khu vực	Bãi bồi còn cát trong	Diện tích đầm tôm			Rừng ngập mặn	Rừng phi lao	Tổng DT không kể đất khác
		Có RNM	Không rừng	Tổng			
Bãi trong	187	36	812	48	808	6,0	1849
Cồn Ngạn	340	960	80	1040	556		1936
Cồn Lu	639	67		7	1051	93,0	1850
Cồn Xanh	124						124
Tổng DT	1290	1063	892	55	15	99,0	5759
Phần DT thuộc VQGXT	1103	217		217	1545	93	2958

Phụ lục 3: Hệ thống các nhà thờ trên địa bàn huyện Giao Thủy

Stt	Hệ thống nhà thờ	Xã
1	Nhà thờ Đền Thánh Thánh Tâm Chúa Giessu Đại Đồng	Giao Lạc
2	Nhà thờ Định Hải	Hồng Thuận
3	Nhà thờ Hà Cát	Hồng Thuận
4	Nhà thờ Hoàn Đông	Giao Thiện
5	Nhà thờ Phú Ninh	Giao Xuân
6	Nhà thờ Phú Thọ	Giao Thiện
7	Nhà thờ Thiện Giáo	Giao Hương
8	Nhà thờ Thuận Thành	Hồng Thuận
9	Nhà thờ Thức Hóa	Đội 8 xã Giao Thịnh
10	Nhà thờ Hoàn Nhị	Giao Hà
11	Nhà thờ Ngưỡng Nhân	Giao Nhân
12	Nhà thờ Phong Lâm	Giao Phong
13	Nhà thờ Quất Lâm	Giao Lâm
14	Nhà thờ Sa Châu	Giao Châu
15	Nhà thờ Du Hiếu	Giao Thịnh

Phụ lục 4: Các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn của huyện Giao Thủy

Stt	Tên tài nguyên	Xã
1	Bãi biển Quát Lâm	Thị trấn Quát Lâm
2	Vườn quốc gia Xuân Thủy	Giao Thiện
3	Nhà Bồi	Giao Thiện
4	Làng nước mắm Sa Châu	Giao Châu
5	Đền chùa Bình Di	Giao Thịnh
6	Đền chùa Giao Thiện	Giao Thiện
7	Đình chùa Đan Phượng	Giao Yến
8	Đền chùa Hoàn Đông	Thị trấn Ngô Đồng
9	Đền chùa Hoàn Tam (Hưng Phúc Tự)	Hoành Sơn
10	Đình chùa Tiên Chương	Giao Châu
11	Đền chùa Tần Thành	Giao Thịnh
12	Đền chùa Hoàn Lộ	Hoành Sơn
13	Đền chính Hoàn Nhị	Thị trấn Ngô Đồng
14	Chùa Nôi Hoàn Nhị (Nhật Quang Tự)	Hoành Sơn
15	Đình chùa Duyên Thọ	Giao Nhân
16	Đền chùa Hà Cát (Long Quang Tự)	Hồng Thuận
17	Đền chùa Diêm Điền	Bình Hòa

Nguồn: Viện nghiên cứu phát triển du lịch

Phụ lục 5:

+ Tour đi bằng đường bộ:

✓ Tour Hà Nội – Nam Định – Giao Thủy: (tour 03 ngày 02 đêm)

▪ Tuyến 1:

➤ Ngày 1: 7h00 sáng: Quý khách khởi hành từ Hà Nội đi theo quốc lộ 1A qua thị xã Phủ Lý, từ Phủ Lý quý khách đi theo quốc lộ 10 khoảng 30km sẽ tới khu di tích đền Trần – Chùa Tháp. Vương triều Trần là một trong những triều đại hưng thịnh vào bậc nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam gắn liền với những tên tuổi lẫy lừng của các danh nhân: Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Quốc Tuấn,...

Đến 11h trưa: quý khách lên xe đến thành phố Nam Định nghỉ trưa tại đây.

Đến 1h30 chiều: xe đưa du khách đi tham quan chùa Cổ Lễ. Từ thành phố Nam Định qua cầu Đò Quan trên sông Đào, đi theo quốc lộ 21 khoảng 15km là tới thị trấn Cổ Lễ, qua một cây cầu nhỏ rẽ phải khoảng 200m là đến chùa. Đến đây bạn sẽ được tham quan tháp Cửu Phẩm Liên Hoa.

3h chiều: du khách lên xe xuôi theo đường 21 qua cầu Lạc Quần rẽ trái khoảng 6km là đến Nhà Lưu niệm Cố Tổng Bí thư Trường Chinh tại thôn hành Thiện, xã Xuân Hồng huyện Xuân Trường. Đến đây du khách được tham quan nơi sinh ra và lớn lên của Cố Tổng Bí thư Trường Chinh.

4h chiều: du khách đi xuôi xuống Giao Thủy khoảng 40km tới Vườn quốc gia Xuân Thủy. Đây là điểm dừng cơ bản của toàn bộ chuyến đi. Tại đây quý khách sẽ có cơ hội được ngắm những cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp của buổi chiều khi hàng đàn chim với hàng trăm loài khác nhau đi kiếm ăn quay trở về nơi trú đêm. Không những thế du khách còn có thể quan sát các loài chim quý hiếm trên thế giới, hàng năm chỉ di trú tại đây như Cò Thiệp, Choắt Mỏ Thiệp, Giang sen... Trong bữa tối du khách sẽ được thưởng thức những món ăn được chế biến từ hải sản, nguồn thực phẩm vốn rất ngon và sẵn có ở đây. Du khách ngủ qua đêm ở đây tại các nhà Bồi hay nhà chòi vạng.

➤ Ngày 2: 5h00 – 8h00: Quý khách quan sát chim và ngắm cảnh bình minh lên.

8h00 – 10h00 sáng: Quý khách du thuyền sang làng Triều Hải thuộc huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình để tham quan làng nghề dệt chiếu nổi tiếng. Chiếu làng Hải Triều nổi tiếng do sợi được se, mềm, dễ giặt, mau khô, thoát nước nhanh, trải nằm mát về mùa hè, đắp ấm về mùa đông.

10h00 sáng: Quý khách đi thuyền về Vườn quốc gia Xuân Thủy

11h30 trưa: Quý khách ăn trưa tại Vườn quốc gia.

1h30 chiều: Quý khách du thuyền hoặc thuê xe đạp vòng quanh các cánh đồng quê hoặc đi tham quan đầm nuôi tôm, cua nước lợ quanh khu vực VQG. Tham quan thảm thực vật rộng chừng 7000ha là khu quản lý theo công ước Ramsar đầu tiên của Việt Nam.

3h00 chiều: Quý khách đi tắm biển Quất Lâm

6h00 tối: Quý khách ăn cơm tối và nghỉ đêm tại VQG Xuân Thủy

➤ Ngày 3: Quý khách ăn sáng và ngắm cảnh buổi sáng tại VQG đến 10h

10h00 sáng: Quý khách từ VQG Xuân Thủy lên xe đi thăm chùa Keo Hành Thiện thuộc làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường.

11h30 trưa: Quý khách nghỉ ăn trưa tại chùa với những món ăn chay

1h00 chiều: du khách đến nhà thờ Phú Nhai (khoảng 8km). Đây là nhà thờ đẹp và lớn nhất Đông Nam Á.

2h30 chiều: Quý khách lên xe ngược theo quốc lộ 21 đi khoảng 10km tới cầu Vòi rẽ phải đi khoảng 4km là tới làng hoa Điền Xá (Vị Khê). Du khách sẽ được chủ nhân của làng vườn giới thiệu về các loại cây cảnh như vạn tuế, trà bạch, lan hạc tím, đỗ quyên tím, cây hồng vàng,...

3h30 chiều: Quý khách lên xe về Hà Nội.

- Tuyến 2: Hà Nội – Mộ ông Trần Tế Xương, tượng đài Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn – đền, quê hương Nguyễn hiền – chùa Cổ Lễ - VQG Xuân Thủy – tắm biển Quất Lâm, Thịnh Long – thăm chùa Keo hành Thiện (hoặc nhà thờ Bùi Chu) – thăm làng nghề mây tre đan xuất nhập khẩu Nam Hồng – Hà Nội.

- Tuyến 3: Hà Nội – Đền Trần – Chùa Phổ Minh – quê hương ông Trường Chinh – VQG Xuân Thủy – cánh đồng quê Hải Hậu – tắm biển Thịnh Long – thăm làng nghề làm nước mắm, bánh nhãn – chùa Keo Hành Thiện – nhà thờ Phú Nhai – thăm làng nghề đan màn – Hà Nội.

+ Tuyển đường thủy:

▪ Tuyển 1: (4 ngày 3 đêm): Hà Nội – Nam Định (xuôi theo sông Hồng) – thăm quê hương, làng, đền của ông trạng Nguyễn Hiền – thăm cánh đồng trồng dâu nuôi tằm (Nam Thắng – Nam Trực) – thăm chùa Cổ Lễ - thăm nhà thờ Phú Nhai (Bùi Chu) – thăm VQG Xuân Thủy – tắm biển Thịnh Long – thăm làng nghề làm bánh nhãn, nước mắm, cánh đồng lúa tám Hải Hậu – đi men theo vùng ven biển đến vùng biển Nghĩa Hưng xem người dân làng chài đi cà kheo đánh bắt hải sản,...- thăm làng nghề hoa cây cảnh Nam Điền (Nghĩa Hưng) – thăm cánh đồng lúa bạt ngàn của huyện Nghĩa Hưng – sau đó xuôi theo sông Đào thăm làng nghề Văn Tràng (Nam Trực) sau đó ra sông Hồng về Hà Nội.

▪ Tuyển 2: (4 ngày 3 đêm): Hà Nội – thăm làng nghề Bát Tràng – Nam Định – thăm đền Trần, chùa Phổ Minh – thăm làng nghề cây cảnh Điền Xá – thăm chùa Cổ Lễ - nhà thờ Bùi Chu – tượng đài Trường Chinh – thăm VQG Xuân Thủy – tắm biển Quất Lâm (Thịnh Long) – thăm cánh đồng lúa tám Hải Hậu, làng làm muối Hải Lý – đi chợ Thịnh Long mua đồ hải sản – thăm chùa Keo Hành Thiện – quê ông Nguyễn Hiền – Hà Nội.